

PHƯƠNG TRỜI THANH TỊNH

MỤC LỤC

SÁU TÍNH CHẤT CỦA TAM BẢO	1
ĐIỀU KIỆN THÀNH TỰU GIỚI THỂ VÔ BIỂU CỦA THANH VĂN.....	14
Ý NGHĨA CỤ-TÚC GIỚI	26
NGŨ ÁM XÍ THẠNH KHỔ HAY NGŨ THỦ UẨN KHỔ....	42
PHÁP THOẠI TƯỞNG NIỆM HÚY NHẬT TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỨC CHƠN.....	50
AN TOÀN, HẠNH PHÚC VÀ CAO QUÝ CHO NGƯỜI TU	62
VÌ SAO CHÚNG TA TU HỌC	116
HUẤN TỪ NHÂN NGÀY 20-11-2023.....	147
PHÁP TỪ	152
PHÁP THOẠI VU LAN – PL.2568	160
XUÂN VÀ NGƯỜI BẮT RẮN	171
HUẤN TỪ GIAO THỪA XUÂN ẤT TỶ	187

PHÁP THOẠI AN VỊ PHẬT	190
PHÁP TỪ CHO ĐỘI BÓNG CHUYỀN.....	197
ĐÁP TỪ TÁC BẠCH CÚNG DƯỜNG QUÁ ĐƯỜNG MÙA AN CƯ KIẾT HẠ PL. 2568	205
HUẤN TỪ.....	210
HUẤN TỪ CHO HỌC CHÚNG CHÁNH TÂM.....	219
HUẤN TỪ NHÂN NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM.....	226
HUẤN TỪ CHO ĐẠO TRÀNG HOA NGHIÊM.....	232
CÁC TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN... ..	237

SÁU TÍNH CHẤT CỦA TAM BẢO

*Pháp ngữ Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho Đạo tràng
tu Bát Quan Trai tại chùa Phước Duyên, Huế, 02/06/2024*

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Cùng toàn thể giới tử thọ trì Bát Quan Trai Giới một ngày một đêm tại trú xứ Tăng già-lam Phước Duyên, thành phố Huế, hiện diện quý mến.

Một ngày một đêm quý vị ở trong Tịnh giới với niềm tin thanh tịnh, kiên cố, bất hoại đối với Tam bảo. Nhờ niềm tin này mà quý vị không để cho Giới pháp của mình bị sút mẻ ở trong đi, ở trong đứng, ở trong nằm, ở trong ngồi, ở trong sự nói năng, giao tiếp. Quý vị có được niềm tin này là nhờ quý vị nuôi lớn sáu tính chất của Tam bảo, khiến cho ba nghiệp của quý vị được an tịnh, an tịnh về thân hành, an tịnh về ngữ hành, an tịnh về ý hành.

Sáu tính chất của Tam bảo, quý vị phải thường quán chiếu sâu sắc, để thể nhập và tạo ra chất liệu cho chính mình, ngay đời này và đời sau. Sáu tính chất của Tam bảo gồm:

Thứ nhất là Hy hữu.

Hy hữu, có nghĩa là hiếm có. Người đệ tử Phật, dù xuất gia hay tại gia, luôn luôn nghĩ rằng, "mình được quy y Phật Pháp Tăng là những nhân duyên hiếm có, là những nhân duyên đặc biệt". Vì Phật vô lượng kiếp, từ khi phát tâm bồ đề cho đến khi thành tựu Phật quả, trải qua tam a-tăng-kỳ kiếp mới thành tựu. Vì vậy, Phật là hy hữu, là hiếm có. Pháp do Phật chứng nghiệm, Pháp ấy cũng hiếm có. Tăng, do đức Phật thiết lập, giáo hóa, hướng dẫn và đồng hành với Phật là hiếm có. Quý vị phải luôn luôn nuôi dưỡng chất liệu hiếm có này trong đời sống hằng ngày của mình để nỗ lực làm những gì cần làm, không làm những gì không cần làm; nói những gì cần nói, và không nói những gì không cần nói; nghĩ những gì cần nghĩ và không nghĩ những gì không cần nghĩ. Nhờ quý vị quán chiếu và thực tập, khiến cho chất liệu hiếm có của Tam bảo luôn luôn ở trong tâm của quý vị. Cho nên, quý vị phải thấy rằng, trong đời sống này, Tam bảo là hiếm có.

Tính chất thứ hai là Minh tịnh.

Tam bảo là trong sáng, thanh tịnh, rõ ràng, minh bạch. Quý vị quán chiếu tính chất này để thấy, Phật không phải là Pháp,

Phật không phải là Tăng, Tăng không phải là Pháp, Tăng không phải là Phật, Phật-Pháp-Tăng có vị trí và chức năng rõ ràng để làm chỗ nương tựa cho thế giới người, trời. Và trong ba ngôi Phật - Pháp - Tăng, thì Phật là tối thượng, Tăng là đồng hành với Phật qua sự thực hành Pháp. Nếu Tăng mà không đồng hành với Phật, không thực hành Pháp, thì đó không phải là Tăng, mà đó là một đám người ô hợp mệnh danh là Phật pháp, mà quả thực là phi Phật pháp. Quý vị phải nhớ cho rõ điều này, để đừng bị thiên ma, ngoại đạo và những kẻ tà tâm, tà kiến lừa phỉnh.

Tính chất thứ ba là Trang nghiêm.

Phật rất trang nghiêm. Đối với bản thân, đức Phật có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Đối với sự thực hành, Ngài đi, đứng, nằm, ngồi ở trong uy nghi, ở trong tịnh đức của Giới, tịnh đức của Định, tịnh đức của Tuệ. Cho nên, Phật rất là trang nghiêm. Đối với khẩu, đức Phật chỉ nói những gì cần nói, chỉ làm những gì cần làm. Ngài nói những lời cần nói, cần làm đó đúng lúc, không đúng lúc thì Ngài không nói; không đúng chỗ thì Ngài không nói và không làm; không đúng người thì Ngài không nói và không làm; không đúng

việc thì Ngài không nói và không làm; không đúng pháp thì Ngài không nói và không làm. Nhờ vậy mà đức Phật rất trang nghiêm đối với ba nghiệp đạo của mình. Pháp do đức Phật chứng ngộ và tuyên bố cho thế giới người trời, Pháp ấy là để trang nghiêm ba nghiệp thanh tịnh. Và Tăng do đức Thế tôn thành lập, là đoàn thể đồng hành với Phật ở trong Pháp hòa hợp, thanh tịnh. Vì vậy, Tam bảo có tính chất trang nghiêm. Không trang nghiêm thì không phải Tam bảo, và không trang nghiêm thì không phải đệ tử của Phật, dù đó là đệ tử tại gia.

Tính chất thứ tư là Thế lực.

Phật có mười phẩm tính, có bốn vô sở úy, có mười sức mạnh trí tuệ, có mười tám pháp bất cộng. Cho nên, đối với Phật, Ngài có thế lực về đạo đức, có thế lực về thiền định, có thế lực về trí tuệ vượt thắng cả thế giới người trời, thế giới của hàng Thanh văn, thế giới của hàng Duyên giác, thế giới của hàng Bồ tát.

Pháp do đức Phật chứng nghiệm và tuyên bố cho thế giới người trời, cho thế giới của các bậc Thánh, thế giới của các bậc Duyên giác, Bồ tát, Pháp ấy có một thế lực dẫn dắt thế giới người trời dứt bỏ điều ác của thế gian mà hướng tới điều

thiện xuất thế gian; Pháp ấy có khả năng dẫn dắt và có thể lực đưa người hành trì vượt thoát sinh tử khổ đau, vượt thoát cái bị sinh, cái bị già, cái bị bệnh, cái bị chết, cái bị xa lìa bởi thương yêu, cái bị gặp gỡ bởi oán đối, cái bị mơ ước không thành, cái bị thân năm uẩn ngày đêm xung đột, cực thịnh, cực suy và phân rã. Pháp Phật có thể lực dẫn dắt người thực hành bước ra khỏi khổ đau ngay ở nơi tác nhân của sinh tử.

Tăng là một đoàn thể có thể lực, có thể lực ở trong sự thanh tịnh, có thể lực ở trong sự hòa hợp và đồng hành với Phật qua sự thực hành Pháp.

Tính chất thứ năm là Tối thắng.

Tam bảo có tính chất Tối thắng. Thế giới người và trời, cho đến thế giới của các vị thần, cho đến thế giới của các bậc Thánh, cho đến thế giới của các vị Duyên giác, Bồ tát, thì Tam bảo là tối thắng. Có phước báo như Chuyển luân thánh vương cũng phải quy y Tam bảo để nuôi lớn thiện căn phước đức vốn có của mình và phát triển thiện căn phước đức đó ở trong mọi không gian, ở trong mọi thời gian. Vua trời Đế Thích cũng quy y Phật, Pháp, Tăng để nuôi dưỡng phước báo chư thiên vốn

có của mình, làm cho nó tăng trưởng lớn mạnh. Vua trời Phạm thiên cũng quy y Tam bảo để có thể sống nếp sống phạm hạnh, nếp sống tịnh hạnh đúng với ý nghĩa giải thoát, giác ngộ, mà không phải phạm hạnh chỉ là thực hành ở trong sinh tử. Đối với hàng Thanh văn, tu tập dù chứng đến quả vị A-la-hán cũng nương tựa Tam bảo suốt đời. Đối với hàng Duyên giác, ra đời không gặp Phật, nhưng cũng phải nương tựa Tam bảo ở nơi tự tánh để thấy rõ tính chất vô thường, tính chất vô ngã, tính chất bức hại của các pháp hữu vi do duyên Vô minh và Hành, do duyên Ái, Thủ, Hữu mà sinh khởi. Cho đến hàng Bồ tát, thì không phải quy y Tam bảo chỉ một đời, mà nguyện đời đời kiếp kiếp quy y Tam bảo. Cho đến Bồ tát còn một đời nữa thành Phật cũng quy y Tam bảo.

Cho nên Tam bảo là tối thắng, không phải tối thắng ở trong cõi người, cõi trời, cõi Thanh văn, mà còn tối thắng đối với các hàng Duyên giác, Bồ tát nhất sanh bất tử. Vì vậy, không ai có thể phá hủy được Tam bảo.

Tính chất thứ sáu là Bất biến, bất hoại, thường trú.

Tam bảo có tính chất hy hữu, có tính chất minh tịnh, có tính

chất trang nghiêm, có tính chất thể lực, có tính chất tối thắng. Chính những tính chất này tạo thành tính chất bất biến, bất khả hoại, nghiêm nhiên thường trú của Tam bảo. Vì vậy, có những kẻ manh tâm phá hoại Tam bảo, kẻ ấy chẳng khác nào ngậm máu phun người, trước như miệng mình; kẻ đó chẳng khác nào đi ngược gió mà dơ bụi, bụi không tới được người, mà quay trở lại lấm vào thân thể của mình; kẻ phỉ báng Tam bảo, manh tâm phá hoại Tam bảo, nỗ lực vu khống Tam bảo, phá hoại Tăng-già, kẻ ấy chẳng khác nào ngựa mặt, nhổ nước miếng lên trời, nước miếng không thấu trời mà rơi lại nơi mặt mình.

Do đó, chúng ta là đệ tử của đức Phật, dù là xuất gia hay tại gia, chúng ta phải đem hết sinh mệnh của mình mà nương tựa vào ở nơi Phật Pháp Tăng; chúng ta phải hiểu Phật một cách rõ ràng, Pháp một cách minh bạch, Tăng một cách chánh kiến. Tăng không phải là một cá nhân, lại càng không phải là một đoàn thể ô hợp, mà các thành viên của Tăng là những Tỳ-kheo thanh tịnh, là những thầy Tỳ-kheo có Giới, là những thầy Tỳ-kheo có Định, là những thầy Tỳ-kheo có Tuệ. Vì là những Tỳ-kheo có Giới, có Định, có Tuệ, cho nên, trong pháp hành hằng ngày, ngay cả đi khát thực cũng phải khát thực đúng thời,

không có Tỳ-kheo nào đúng Pháp mà đi khát thực phi thời; đi khát thực phải đúng xứ, không có Tỳ-kheo nào đúng Pháp mà đi khát thực phi xứ; đi khát thực phải đúng việc, không có Tỳ-kheo nào đi khát thực mà không đúng việc; đi khát thực phải đúng người, chứ không phải Tỳ-kheo nào cũng đi khát thực, bởi vì có Tỳ-kheo bị bệnh - không thể đi khát thực, có những Tỳ-kheo già yếu - không thể đi khát thực, cũng những Tỳ-kheo đang trong thời gian bị Tăng chế tài và phải thực hành pháp sám hối thì không được quyền đi khát thực. Người đời, phần nhiều do ngu si, vô trí, cho nên không hiểu được thế nào là một vị Tỳ-kheo, thế nào là một Tỳ-kheo thanh tịnh, thế nào là Tỳ-kheo thành viên của Tăng, cho nên đã sử dụng những danh từ sai lạc, vu khống, chụp mũ đối với Tăng. Điều ấy là điều mà Phật tử phải học để trạch pháp một cách rõ ràng, chứ không thôi, giữa này, thầy tà cũng lắm, bạn ác cũng nhiều. Nếu chúng ta vô phước, chúng ta đã đi theo thầy tà.

Thầy tà là thầy gì? Đó là thầy tự xưng, không có Giới pháp; thầy tự xưng, không có thiên định, thiên lực từ nơi nền tảng Giới pháp; thầy tự xưng hiểu biết, sự hiểu biết ấy không thiết lập trên nền tảng của Giới pháp. Cho nên, thầy tự xưng giữa

này cũng nhiều. Nếu chúng ta không tu học, chúng ta không phân biệt đâu là thầy ở trong Phật pháp và đâu là thầy phi Pháp. Tuy nhiên, thầy phi Pháp hay thầy đúng với chánh Pháp, lúc nào, ở đâu trong thế giới Ta-bà này, đều có cả. Chúng ta có phúc, chúng ta có phước, chúng ta đã gieo trồng thiện căn phước đức nhiều đời thì chúng ta gặp được những vị thầy thực hành đúng chánh Pháp và hướng dẫn cho ta tu học đúng chánh Pháp. Nếu chúng ta vô phước, kém thiện căn phước đức, chúng ta sẽ gặp thầy tà Pháp, thầy tự xưng, thầy tự phát; rồi thầy tự xưng, tự phát ấy kết bè, kết đảng, kết nhóm, tạo ra một đám thầy hồ lớn để làm rối loạn niềm tin của quần chúng. Tôi nói, làm rối loạn niềm tin của quần chúng, chứ chẳng dính dáng gì đến Tam bảo, chẳng dính dáng gì đến Phật pháp, vì, thiên ma ba-tuần dùng thiên mưu bách chúc của tà kiến, của thủ thuật nhưng vẫn không bao giờ phá được Phật pháp. Bởi vì, Phật pháp mà thiên ma phá được, thì đâu còn gọi là Phật pháp; Tam bảo mà thiên ma phá được, thì đâu còn gọi là Tam bảo, đâu còn gọi là châu báu của thế gian và xuất thế gian.

Vậy, là Phật tử, dù là xuất gia hay tại gia, tất cả chúng ta phải

thân cận các bậc thiện sĩ, lắng nghe chánh Pháp, học hỏi chánh Pháp, thực hành chánh Pháp, chứng nghiệm chánh Pháp, chứ không đi theo những tín ngưỡng bình thường, rất dễ rơi vào con đường của ma đi, vì con đường của ma đi là con đường cũng có những điều thú vị mà người bình thường khó nhận ra, chỉ có những bậc Trí mới có thể nhận biết con đường ma đi một cách rõ ràng và khuyến khích chúng ta tu hành trong chánh Pháp.

Nên, quý vị là Phật tử, nhất là Phật tử tại gia, không thể không đến chùa để tu học, và không thể không cầu thầy dạy đạo cho mình, dạy Pháp cho mình. Ngoài việc phụng sự, cúng dường, quý vị còn có nhu cầu lớn, đó là nhu cầu nghe Pháp, nhu cầu học Pháp, nhu cầu thực hành Pháp, nhu cầu chứng ngộ Pháp. Đó là điều mà cách đây hơn hai mươi sáu thế kỷ, bà Visākhā, đệ tử thân tín Tam bảo, đã từng đến tịnh xá Trúc lâm, đã từng đến tịnh xá Kỳ viên, thỉnh cầu đức Phật giảng dạy chánh Pháp cho hàng cư sĩ và hướng dẫn cho hàng cư sĩ tu tập kết duyên, để có điều kiện thì trở thành người xuất gia tu học đúng chánh Pháp. Và các trưởng giả giàu có như Cấp-cô-độc bấy giờ cũng vậy. Các hàng vua chúa, như

vua Tần-bà-ta-la, vua Ba-tư-nặc và các tiểu quốc vương thời bấy giờ, cũng đến tự viện Trúc lâm, Kỳ viên thăm viếng đức Phật và hỏi Pháp để Ngài hướng dẫn cho pháp trị nước, an dân, nuôi dưỡng phước báo của vua vốn có, qua việc chăm dân một cách đúng chánh Pháp và dùng chánh Pháp để an dân hơn là dùng luật pháp để thống trị. Vì vậy, quý vị cần phải học, và đừng bao giờ thấy rằng mình có sở đắc. Nếu quý vị thấy rằng mình có sở đắc, là ngay nơi đó, quý vị sẽ chết bất đắc kỳ tử ở trong Phật pháp. Mà ở trong Phật pháp đã bị chết bất đắc kỳ tử rồi, thì rõ ràng, vĩnh viễn không bao giờ trở thành người con Phật đích thực.

Cho nên, tất cả quý vị muốn nuôi dưỡng được thiện căn phước đức của mình, phải đặt hết niềm tin của mình vào nơi Tam bảo, vào sáu tính chất mà tôi vừa chia sẻ, và biến sáu tính chất ấy trở thành đời sống hằng ngày của chính mình, ngang đâu thì quý ngang đó, được ngang đâu thì phước đức lớn lên ngang đó.

Vậy, tất cả quý vị hãy chấp tay, thành kính mà nói theo tôi:

"Đệ tử chúng con quy y Phật. Đệ tử chúng con quy y Pháp.

Đệ tử chúng con quy y Tăng.

Đệ tử chúng con quy y Phật, nguyện từ nay cho đến trọn đời không quy y trời, thần, quỷ, vật.

Đệ tử chúng con quy y Pháp, nguyện từ nay cho đến trọn đời không quy y ngoại đạo, tà giáo.

Đệ tử chúng con quy y Tăng, nguyện từ nay cho đến trọn đời không quy y thầy tà bạn ác.

Đệ tử chúng con quy y Phật, là đấng Phước trí vẹn toàn.

Đệ tử chúng con quy y Pháp, con đường chấm dứt sinh tử khổ đau.

Đệ tử chúng con quy y Tăng, chúng Tu hành thanh tịnh.

Đệ tử chúng con đã quy y Phật rồi, không đọa vào địa ngục.

Đệ tử chúng con đã quy y Pháp rồi, không đọa làm ngã quỷ.

Đệ tử chúng con đã quy y Tăng rồi, không đọa làm súc sinh.

Kính bạch Tam bảo chứng minh, cho chúng con xả Bát Quan

Trai Giới, trở lại đời sống cư sĩ, thọ trì Ba pháp quy y và Năm cấm giới, nguyện suốt đời không sát sanh, nguyện suốt đời không trộm cắp, nguyện suốt đời không tà hạnh, nguyện suốt đời không nói dối, nguyện suốt đời không uống rượu.

Kính xin Tam bảo chứng minh và cho chúng con xả Bát Quan Trai Giới, trở lại đời sống cư sĩ, quy y Phật Pháp Tăng, giữ gìn năm Giới, hộ trì Tam bảo tồn tại thế gian, lợi lạc muôn loài chúng sinh.

Kính xin Tam bảo chứng minh ".

ĐIỀU KIỆN THÀNH TỰU

GIỚI THỂ VÔ BIỂU CỦA THANH VĂN

Trích từ Bài 4 - Sự Đồng nhất và Dị biệt giữa Thanh văn giới và Bồ tát giới - Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho Tăng Ni sinh

Luật viện Huệ Nghiêm

Để Tăng thành tựu Giới thể cho một vị Sa-di hay Thức-xoa-ma-na cầu thọ Cụ-túc giới thành tựu, để vô biểu hay vô tác Giới thể thành tựu, thì phải có bốn điều kiện.

Điều kiện thứ nhất là Giới thành tựu.

Giới, tiếng Phạn gọi là sīmā. Sīmā có nghĩa là Cương giới, tức là lần mức, đường mức hay cương giới. Giới thành tựu thì phải có Cương giới và trong Cương giới đó có Đại giới và Giới trường. Giới trường phải nằm ở trong Đại giới và phải cách Đại giới của Tăng thường trú một lần mức. Cho nên gọi là sīmā.

Như vậy, trước khi truyền thọ Cụ-túc giới, Tăng phải tác pháp kiết Đại giới trường và Giới trường. Nếu ngôi già-lam đó có Đại giới trường và có Giới trường sẵn, thì Tăng khỏi

phải kết lại; nhưng nếu ngôi già-lam đó chưa có Đại giới và Giới trường, thì Tăng phải kết Đại giới và Giới trường trước khi tiến hành các Pháp sự khác, để thành tựu Giới thể cho một Sa-di, một thức-xoa-ma-na, thành tựu Cụ-túc giới hay là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni giới. Kiết Giới trường hay Đại giới trường như vậy thì tránh được lỗi bất hòa của Tăng và tránh lỗi có ác Tỳ-kheo phá Tăng. Và khi Đại giới và Giới trường kết như vậy thì có Tứ thiên vương hộ trì, chư vị Hộ pháp hộ trì.

Do đó, các thầy các cô phải học từ các vị Giáo thọ dạy về các pháp yết-ma tác trì và tác phạm. Quy định làm như vậy mà làm đúng như vậy gọi là tác trì; quy định làm như vậy mà làm sai như vậy thì gọi là tác phạm. Việc tác phạm này là không phải lỗi của người cầu thọ, mà là lỗi của người đứng ra tổ chức Giới đàn, lỗi của vị trưởng ban tổ chức Giới đàn: không biết Giới luật nên tổ chức Đại giới đàn mà không kết Đại giới trường và Giới trường để truyền Giới, nên Giới tử không đắc Giới. Giới tử không đắc giới là lỗi của Ban kiến đàn. Đó là lý do tại sao Luật quy định, một Tỳ-kheo khi thọ Giới phải y thầy học Luật năm năm. Làm Tỳ-kheo càng ngày càng lớn tuổi ở trong Chúng tăng, lớn hạ lạp trong Chúng tăng mà không biết

Giới luật gì hết thì làm sao mà dẫn các Tỳ-kheo trẻ đi đúng đường, đúng Giới luật. Tu mà không học Giới luật thì học cái gì để tạo ra một người tu đàng hoàng, một người tu chân chính, một người tu đúng Phật pháp? Không thành tựu Giới thể vô biểu, vô tác thì mấy thầy lấy cái gì mà tu tập thiền định; mấy cô tu tập mà không thành tựu Giới thể vô tác, vô biểu thì lấy cái gì mà tu tập thiền định? Thiền mà định được, ngoại cảnh không xâm nhập được, là nhờ có Giới thể vô biểu phòng hộ các căn; nhờ có Giới thể vô tác phòng hộ các căn. Không có Giới thể vô biểu, không có Giới thể vô tác thì lấy gì phòng hộ các căn? Mà các căn không phòng hộ, sáu trần ngày nào cũng xâm nhập vào trong tâm thức các thầy, các cô thì các thầy, các cô ngồi thiền, tâm ý đâu có định. Bởi vì tâm ý định là nhờ Giới thể vô biểu, vô tác phòng hộ, nó bọc vòng đai bên ngoài, khiến cái uế tạp bên ngoài không xâm nhập vào được trong tâm của các thầy, các cô, và cái ô nhiễm của tâm thức bên trong không phóng ra ngoài qua các căn môn để đẩy các thầy, các cô đi ra khỏi Phật pháp, đi ra khỏi Giới luật tu hành của mình. Cho nên, không có Giới thể vô biểu, không có Giới thể vô tác, các thầy các cô lấy gì mà tu thiền định? Vì vậy, thiền định phải thiết lập trên nền tảng của Giới. Nhân Giới mà định sinh ra,

nhân Giới mà Tuệ sinh ra. Không có Giới làm gì có Tuệ. Mà vô biểu Giới thể, vô tác Giới thể không thành tựu thì Giới đâu mà mấy thầy giữ, Giới đâu mà mấy cô giữ? Cho nên, không học Giới luật thì phí cả một đời người tu, không thành ra cái gì hết.

Vậy, muốn thành tựu Giới thể thì phải có bốn điều kiện, mà điều kiện thứ nhất là phải thành tựu về sīmā, có nghĩa là thành tựu về Giới trường. Kết Giới trường đúng Pháp, kết Giới trường đúng pháp yết-ma. Đơn bạch, bạch nhị hay bạch tứ thì quý thầy, quý cô về nghiên cứu. Và khi kết Đại giới thì Chúng tăng đứng ở đâu mà kết, khi kết Giới trường thì Chúng tăng ở đâu mà kết, cũng phải biết cho rõ. Kết Giới trường, kết Đại giới mà đúng không đúng chỗ cũng phạm Giới, Giới trường không thành tựu.

Tôi nói như vậy để quý thầy, quý cô học, phải có trách nhiệm với cái sự học của mình.

Thứ hai là Sự thành tựu.

Sự thành tựu là gì? Đó là đối tượng cầu thọ Giới pháp. Đối tượng cầu thọ Giới pháp này là ai? Đó là Sa-di và Thức-xoa-

ma-na. Các Sa-di và Thúc-xoa-ma-na này là những người không bị các chướng nạn, các giả nạn và khinh nạn thì mới được thọ Cụ-túc giới; bị chướng nạn, trọng nạn và giả nạn, khinh nạn thì không thể thọ Cụ-túc giới, dù Tăng có tác pháp Bạch tứ yết-ma nhưng đương sự vẫn không thành tựu Giới thể. Điều này để chứng tỏ rằng, những vị không tha thiết, không thành tâm chân thực cầu Giới pháp, mà giả danh giả dạng để cầu Giới pháp là không bao giờ thành tựu Giới thể. Điều này các thầy phải dạy cho rõ. Tưởng cạo đầu, mặc áo như vậy là Tỳ-kheo sao? Thọ Giới mà còn chưa đắc Giới nữa, thì đừng nói cạo đầu mặc áo mà tự cho mình là Tỳ-kheo, tự cho mình là Tăng sĩ Phật giáo. Đâu có dễ vậy! Phải nói cho rõ, phải học cho rõ, phải biết cho rõ. Cho nên, phải có Giới thể, phải thành tựu Giới thể.

Thúc-xoa-ma-na mà thọ được giới pháp Tỳ-kheo-ni hay là Cụ-túc giới thành tựu, trong Luật nói: "Thập tuế tăng giá, thập bát đồng nữ, các nhị tuế học giới", người nữ xuất giá 10 năm, sau đó thọ Sa-di-ni, rồi phải thọ hai năm Thúc-xoa-ma-na, mà chưa đủ túc số thời gian như vậy thì thọ Giới không đắc Giới, không thành tựu Giới thể vô biểu, vô tác.

Đồng nữ xuất gia đến 18 tuổi thọ Sa-di-ni rồi phải hai năm học giới Thúc-xoa-ma-na, thiếu một buổi cũng không được, phải đủ.

Có một lần Giới đàn tại Huế, có một vài vị Thúc-xoa-ma-na thiếu một vài tháng, ra cầu giữa Đại Ni. Đại Ni nói, thôi thì cho thọ. Nhưng khi Ban kiến đàn Ni lên thưa với Sư bà Diệu Không, là vị yết-ma trong Giới đàn, Sư bà dạy: "Nếu Chúng đồng thuận thì tôi chấp thuận, nhưng tôi không thể thừa láo với Phật được. Nói dối với ai chứ nói dối với Phật là tôi không dám", có nghĩa là chưa đủ tuổi 20 mà bây giờ vô yết-ma nói đã đủ tuổi 20, ba y, bình bát đầy đủ, trong lúc đó là thực tế còn thiếu mấy tháng nữa. Nên Sư bà nói, "nói dối với Phật là tôi sợ lắm, tôi không dám, nên vị nào yết-ma thì yết-ma chứ Tỳ-kheo-ni Diệu Không này không dám yết-ma". Ngày xưa, các Trưởng lão Ni trì Giới luật, hiểu Giới luật một cách nghiêm túc, rõ ràng. Chứ bây giờ sao mà nhiều khi mới tu ba tháng đã cho thọ hết, trong khi oai nghi phép tắc không biết gì hết, thì thọ Giới để làm gì.

Vậy, đồng tính luyện ái, thọ Cụ-túc giới có đắc Giới không? Đồng tính luyện ái là một loại bệnh, mặc dù có thân tướng nữ

đầy đủ, thân tướng nam đầy đủ, nhưng đó là một loại bệnh, mà người bệnh thì không thể thọ Giới đắc Giới được. Muốn thọ Giới đắc Giới thì phải chữa lành bệnh rồi mới thọ Giới đắc Giới, gọi là đắc vô biểu Giới thể. Nghĩa là, phải chữa cho lành cái bệnh đồng tính luyện ái đó, rồi mới tới cầu Tăng thọ Cụ-túc giới, thì Giới thể vô biểu, vô tác mới thành tựu. Còn đang mang cái bệnh đồng tính luyện ái đó mà cầu thọ Giới, tác pháp yết-ma, Giới thể vô biểu, vô tác không thành tựu. Cũng giống như mình bị lao phổi, bị phung hủi; bệnh làm sao mà thọ Giới? Cho nên, bất cứ loại bệnh nào cũng phải chữa lành đã mới thọ Giới, thì Giới thể vô biểu mới thành tựu. Bị các trọng chương là không thọ Giới được hoàn toàn; nhưng mà các khinh chương thì phải sám hối hoặc là bệnh chương tiêu trừ, khi đó mới thọ Giới và Giới thể vô biểu, vô tác mới thành tựu. Như vậy, tôi cũng trả lời xong câu hỏi bệnh đồng tính luyện ái mà một số quý vị thường thắc mắc.

Còn khi thọ Giới không bị đồng tính luyện ái, sau khi thọ Giới rồi mới bị đồng tính luyện ái, thì Giới thể vô biểu vẫn còn. Bởi vì họ bị đồng tính luyện ái thôi, bệnh thôi. Nhưng nếu họ thể hiện cái đồng tính luyện ái đó với đồng tính thì cũng phạm ba-

la-di, thì mất Giới. Đối với giới Tỳ-kheo, ngay cả nếu mình ra mình nói với cái cây: "Cây ơi, ta yêu mày quá, ta tha thiết mày quá, ta quý mày quá, ta đi ta nhớ mày quá", nói như vậy thôi là cũng đã không ra chi rồi. Không ra chi bởi vì mình tưởng tượng cái đó là người mình yêu. Tưởng là cái điên đảo. Rồi nó làm cho Giới thể của mình bị sút mẻ, bị vỡ ra. Cái tưởng nó làm cho mình khổ đau hơn thực tế nhiều. Người ta không thương mà tưởng tượng người ta thương mình, rồi cuối cùng ôm tương tư; thấy người ta đối xử tử tế, mình tưởng người ta thương mình trong khi người ta có thương đâu, họ lịch sự mà. Chẳng qua, nhiều người thông minh, thấy mình thường thường thích màu trắng cho nên người ta cho mình cái kẹo màu trắng còn cho ông thầy bên đây kẹo màu xanh, mình lại tưởng tượng, nói họ thương mình nhiều hơn cho nên cho mình kẹo màu trắng. Do mình tưởng tượng mà ra thôi, chứ người ta, một là vô tình mà cho, hai là biết tâm tính người đó ưa như vậy nên cho; cho rồi là rồi; chẳng ai nghĩ tới cái gì nữa; thế mà người được cho đó ôm cái tưởng đó trong lòng, rồi tưởng tượng kiểu này, tưởng tượng kiểu kia, thành ra điên đảo vọng tưởng, làm cho Giới thể bị sút mẻ, khuyết tật, nên trong chiêm bao sinh ra nhiều chuyện phức tạp.

Nên, có Giới thể là châu báu. Nhưng mà giữ được châu báu đó phải là chánh niệm, tỉnh giác mỗi ngày. Châu báu có rồi, nhưng mà giữ châu báu đó không phải dễ đâu. Chúng ta phải có môi trường, chúng ta phải có Tăng thân, chúng ta phải có anh em thiện trí thức. Cũng từ nơi đó mà các vị Bồ tát khi hành Bồ tát đạo, thấy tu khó quá; nơi cái thế giới đầy năm sự dơ bẩn này tu tập khó quá, cho nên các Ngài mới thiết lập bản nguyện Tịnh độ và khi thành Phật rồi thì có một quẻ hương Tịnh độ để cho những người đồng hành, đồng nguyện, đồng tín tâm nguyện sanh về đó mà chăm sóc nhau tu hành, nuôi lớn Giới thể vô biểu vô tác của vị đó, nuôi lớn Tâm bồ đề, Nguyện Bồ đề, Hạnh bồ đề của vị đó. Đó là lý do vì sao mà có Tịnh độ của chư Phật.

Nên, không có tâm từ bi thì làm gì có Tịnh độ chư Phật? Không có tâm từ bi thì làm gì mà tiếp cận được, về được Tịnh độ chư Phật? Không có trí tuệ rộng lớn, không có tâm nguyện rộng lớn thì làm gì có Tịnh độ chư Phật? Tâm hẹp hòi thì không tin Tịnh độ chư Phật bao giờ. Nó tin nơi miếng cơm, manh áo, nhà ở, tiện nghi xe cộ, tin ngang đó thôi, nên ai cho năm ba đồng thì mặt mày hớn hở, mà không có đồng nào mặt

mày xụi lơ. Tu như vậy xấu hổ lắm. Tu thì phải có sự thanh cao, thanh thoát; chứ tu đâu mà lại chạy theo ngũ dục thế gian, khen chê vinh nhục nơi cái ngũ dục đó. Ai đi tu mà lại tồi tàng như vậy, hèn mọn như vậy, xấu hổ như vậy!

Thứ ba là Tăng thành tựu.

Thọ giới Cụ-túc cho một Sa-di, một Thức-xoa-ma-na, túc số Tăng phải bao nhiêu? Nếu ở nơi trung tâm Phật pháp thì túc số Tăng phải là mười vị, nên gọi là Tăng số phải đủ mười vị Tỳ-kheo để trở thành Tăng mười vị; ở nơi biên cương, Tăng năm vị; mà trong đó có một vị giỏi các pháp yết-ma. Không giỏi các pháp yết-ma thì làm sao kết Đại giới trường, kết Giới trường; làm sao mà yết-ma để cung thỉnh Hòa thượng, yết-ma cung thỉnh vị Yết-ma, rồi yết-ma cung thỉnh Giáo thọ, rồi yết-ma để truyền Giới? Cho nên, phải biết các pháp yết-ma, biết pháp nào là Đơn bạch yết-ma, pháp nào là Bạch nhị yết-ma, pháp nào là Bạch tứ yết-ma, biết rất rõ.

Bên Ni, Bản bộ yết-ma là mười vị Tỳ-kheo-ni. Nhưng khi tới trình Tăng để bạch Chánh pháp yết-ma, thì dù là bên Tỳ-kheo-ni đã Bạch tứ yết-ma để trao Cụ-túc giới cho Thức-xoa-

ma-na, thì khi tới giữa Tăng, vị đó vẫn còn là Thức-xoa-ma-na thôi. Cho nên khi đến giữa Tăng mười vị và Ni mười vị, tức là túc số Tăng ở trong Giới trường chánh pháp mà trao cho Thức-xoa-ma-na, phải túc số Tăng hai mươi vị.

Như vậy là Tăng mười vị là tác thành Giới thể vô biểu vô tác cho một Sa-di trở thành Tỳ-kheo, gọi là đầy đủ Cụ-túc giới; và Tăng hai mươi vị là đủ túc số Tăng để trao giới Cụ-túc Tỳ-kheo-ni cho một Thức-xoa-ma-na, Tăng hai mươi vị đó gồm mười Tỳ-kheo và mười Tỳ-kheo-ni tăng.

Ở nơi biên giới, Ni bao nhiêu vị? Phải là Tăng mười vị mới thọ Thức-xoa-ma-na, tác thành Giới thể vô biểu, vô tác cho một Thức-xoa-ma-na trở thành Tỳ-kheo-ni.

Như vậy gọi là Tăng thành tựu. Quý vị phải nhớ, để sau mà làm Giáo hội, làm Trưởng ban kiến đàn. Chớ đừng làm Trưởng ban kiến đàn mà không biết pháp nào là pháp thành tựu của Tăng, mà đòi mở Giới đàn.

Yếu tố thứ tư là yết-ma thành tựu.

Yết-ma thành tựu là trao truyền Cụ-túc giới cho một Sa-di

thì Tăng Bạch tứ yết-ma. Từ Bạch tứ yết-ma đó mà Giới thể vô tác, vô biểu của một Sa-di được thành tựu một cách trọn vẹn để trở thành Cụ-túc giới hay là Tỳ-kheo giới.

Pháp yết-ma thành tựu cho một Thức-xoa-ma-na là phải có hai lần, một lần Bản bộ yết-ma tại Giới trường của Ni và lần Chánh pháp yết-ma tại Giới trường của Tăng. Vị Thức-xoa-ma-na đó phải được Thập sư Ni tăng đưa đến Giới trường của Tăng để cầu Tăng tác pháp gọi là Chánh pháp yết-ma và phải đi trong ngày, không được cách đêm. Cho nên, Giới trường truyền giới của Ni không được cách xa Tăng, bởi vì truyền Giới xong là phải đến Đại tăng để cầu Chánh pháp yết-ma, chứ xa quá, đi cách đêm thì không được. Quý vị thấy Giới luật rõ ràng không? Nhờ vậy mới tác thành được Giới thể vô tác, vô biểu và Giới pháp, Giới thể vô tác, vô biểu mới thành tựu. Khi thành tựu được Giới pháp, Giới thể vô biểu thanh tịnh như vậy thì Giới đó mới hộ trì cho mình, mới đi theo mình, tồn tại với mình để giúp mình phòng hộ hết thảy điều ác.

Ý NGHĨA CỤ-TÚC GIỚI

*Trích từ Bài 4 - Sự Đồng nhất và Dị biệt giữa Thanh văn giới và Bồ tát giới - Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho Tăng Ni sinh
Luật viện Huệ Nghiêm*

Chữ Cụ-túc giới, tiếng Phạn gọi là Upasampadā, Pāli cũng là Upasampadā, đi từ động từ căn là sampad hoặc là upasam hoặc upa+sam+pad, có nghĩa là "trở thành sự an tịnh", cũng có nghĩa là "chấm dứt", cũng có nghĩa là "vắng lặng", cũng có nghĩa là "đạt được", cũng có nghĩa là "thành tựu", cũng có nghĩa là "hứa hẹn", cũng có nghĩa là "đảm đương".

Như vậy, Upasampadā, Hán dịch là Cụ-túc, có một nội hàm rất nhiều ý nghĩa, mà trong đó có ý nghĩa là "trở thành sự an tịnh". Khi Giới thể Cụ-túc thành tựu, người đó trở thành sự an tịnh thuộc về thân hành, ngữ hành và ý hành. Từ thân hành không thanh tịnh, khi Giới thể Cụ-túc thành tựu, người đó trở thành có thân hành an tịnh; từ một ngữ hành không an tịnh, khi thọ Cụ-túc giới, Giới thể ở trong người đó giúp người đó trở thành khẩu hành an tịnh; khi chưa thọ Cụ-túc giới, người đó có tâm ý không an tịnh, nhưng khi thọ Cụ-túc giới thành tựu Giới thể, Giới thể Cụ-túc giới khiến giúp cho người đó

có ý hành an tịnh. Cho nên, vị Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni khi có Giới thể Cụ-túc thành tựu, vị đó sống với thân hành an tịnh, với ngữ hành an tịnh, với ý hành an tịnh. Vì vậy, chữ Cụ-túc có nghĩa là "sự trở thành an tịnh".

Khi thành tựu Giới thể vô biểu, vô tác gọi là giới Cụ-túc hay gọi là Upasampadā, thì vị Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni đó có sự phòng hộ hết thảy điều ác tự nơi Giới thể này, cho nên chấm dứt được điều ác thuộc về thân, ngữ và ý. Do chấm dứt được điều ác thuộc về thân, ngữ và ý nên vị đó chấm dứt được sinh tử khổ đau bởi cái bị sinh; bởi cái bị già; bởi cái bị bệnh; bởi cái bị chết; bởi cái oán đối mà bị gắn chặt, gắn chặt bởi ác nghiệp đạo, nên đã bị oán đối rồi mà do cái nghiệp chủng nhiều đời gắn chặt với nhau, mình chạy trốn không khỏi nắng; đáng lẽ oán đối thì đi đâu thì đi khuất mắt chứ, nhưng khi đi khuất mắt thì lại ngòai mà nhớ, mà trông, mà thương, mà sầu, mà ảo não, nhưng khi về một cái thì ghét, thì chửi thì mắng, nên oán đối là hạt giống, kết thành quả báo, gắn chặt với nhau nhiều đời. Vị đó cũng chấm dứt được thương yêu thì phải bị xa lìa, người mình thương thì phải bị chia tay, thương bao nhiêu là bị chia tay bấy nhiêu. Người đời nói: "Thương nhau

lắm, cắn nhau đau", cho nên thương vừa vừa thôi, để cho người ta thở; ghét nhau cũng ghét vừa vừa thôi, để cho người ta có đường sống. Thương mà làm cho nhau khổ, thương mà do ái nghiệp, cái thương đó là trá hình của sự thù ghét. Nên, Giới thể vô biểu thành tựu sẽ phòng hộ cho mình và khiến cho mình chấm dứt được tất cả các nhân xấu ác ở trong sinh tử, giúp mình chấm dứt được các duyên xấu ác ở trong sinh tử.

Quý thầy, quý cô! Bốn ba-la-di là nhân chính của sinh tử, nên phải giữ, đừng để phạm cái nhân này. Mười ba pháp tăng-tàn là duyên để đi tới với sinh tử, nên giữ mười ba pháp tăng-tàn này là ngăn cái duyên để duyên đó không tác động vào cái nhân sinh tử. Mười ba pháp tăng-tàn hỗ trợ để cho mình đừng phạm vào cái nhân của sinh tử.

Bốn ba-la-di là cái nhân của sinh tử, không phạm vào bốn ba-la-di là không phạm vào cái nhân của sinh tử. Mà muốn không phạm vào cái nhân của sinh tử thì phải có ngoại duyên phòng hộ. Ngoại duyên phòng hộ là mười ba pháp tăng-tàn. Nếu giữ mười ba pháp tăng-tàn này thì đó là thiện duyên ngăn ngừa, khiến cho mình không phạm vào tác nhân sinh tử là bốn ba-la-di. Tiếp theo, ba mươi pháp ni-tác-kỳ-ba-dật-đề

giúp mình đừng phạm mười ba tăng-tàn. Rồi chín mươi pháp ba-dật-đề giúp cho chúng ta không phạm ba mươi pháp ni-tác-kỳ-ba-dật-đề; bốn pháp ba-la-đề-đề-xá-ni giúp cho mình không phạm vào các pháp ba-dật-đề; và trăm pháp chúng học, bảy pháp diệt tránh là vòng bảo vệ bên ngoài. Như vậy, nếu mình trì Giới thì dễ gì mà phạm vào tác nhân sinh tử. Nhưng tại vì mình lơ đãng bảy pháp diệt tránh nên mới đưa tới sự tranh cãi, tranh cãi tạo ra phe nhóm, phe nhóm đưa tới sự bất hòa, phạm vào pháp tăng-tàn. Trăm pháp chúng học này mình phạm, mình không có oai nghi tế hạnh, từ đó mà sống buông lung tâm ý; do buông lung tâm ý mà phạm vào bốn ba-la-đề-đề-xá-ni, chín mươi pháp ba-dật-đề, ba mươi pháp ni-tác-kỳ ba-dật-đề, phạm mười ba pháp tăng-tàn, rồi tới bốn ba-la-di. Nước chảy, nó phá bờ đê bên ngoài, xuyên qua phá hết các bờ đê bên trong, cuốn châu báu của mình, Giới thể của mình bị vỡ ra. Cho nên, chúng ta giữ Giới là giữ từ đâu? Phải thân cận thiện hữu tri thức, đừng thân cận ác tri thức để đưa tới tà kiến, tà tư duy, tà mạng, rồi đưa tới sự tranh cãi pháp, phi pháp. Chúng ta phải giữ gìn oai nghi tế hạnh, đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, ứng xử có phép tắc, uy nghi. Rồi chúng ta phải giữ bốn ba-la-đề-đề-xá-ni, chúng ta phải

giữ chín mươi pháp ba-dật-đề, ba mươi pháp ni-tác-kỳ ba-dật-đề, chúng ta giữ mười ba pháp tăng-tàn. Rồi bốn ba-la-di này, chúng ta giữ một cách kiên cố. Bốn ba-la-di này như là cung điện của nhà vua, mà kinh thành bị vỡ tan hết, giặc đánh vào như vậy là do người gác cửa thành lơ đãnh. Nếu chúng ta khinh thường các lỗi nhỏ mà không hành trì, thì từ lỗi nhỏ đó sẽ thành lỗi to, và cuối cùng, Giới thể của chúng ta bị mất. Khi Giới thể mất rồi, thì trăm kiếp, ngàn kiếp, ức kiếp khó mà gặp lại Chánh pháp.

Bên Ni cũng vậy, muốn giữ tám pháp ba-la-di thì phải giữ mười bảy pháp tăng-tàn. Và tất cả các Giới pháp khác cũng như thế. Đừng coi thường những lỗi nhỏ. Đừng coi thường những oai nghi nhỏ. Chúng ta phải giữ gìn từng li từng tí trong sự tu học của chúng ta, thì Giới thể của chúng ta mới trọn vẹn, không bị chao đảo, không bị mòn diệt, không bị hao hụt, không bị thiếu sót. Như vậy, chúng ta mới chấm dứt được sinh tử.

Nên, chữ Upasampadā, gọi là Cụ-túc giới, nghĩa là phải giữ gìn giới một cách trọn vẹn, trước hết là phải đầy đủ Ngũ thiên Thất tự, mới có thể chấm dứt được sinh tử.

Nghĩa thứ ba của Upasampadā là "vắng lặng". Vắng lặng đây là giữ gìn Giới thể như vậy thì chính Giới thể đó mới giúp chúng ta thành tựu được sự Niết bàn, gọi là vắng lặng, sự tĩnh lặng của tâm, sự tĩnh lặng của thân.

Chữ Upasampadā còn có nghĩa là "đạt được", đạt được mục đích tu hành. Chúng ta tu hành mục đích là gì? Chúng ta tu hành, mục đích là chứng Niết bàn, mục đích là chứng A-la-hán. Thọ Cụ-túc giới chỉ vì mục đích chứng Niết bàn, chỉ vì mục đích chứng A-la-hán, giải thoát sinh tử ngay trong đời này, chấm dứt sinh tử ngay trong đời này chứ không có đời nào khác. Đó là lý do tại sao chúng ta thọ Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni giới. Vì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni giới đầy đủ Giới pháp, Giới thể, Giới tướng, Giới hành để cho chúng ta tu hành và chấm dứt sinh tử ngay trong đời này, chứng Thánh quả A-la-hán ngay trong đời này.

Và Upasampadā có nghĩa là "hứa hẹn". Nhờ tu tập, thọ trì Cụ-túc giới đem lại sự hứa hẹn cho chúng ta thành tựu các Thánh quả giải thoát. Đây là một sự hứa hẹn có nhân, có quả chứ không phải sự hứa hẹn suông. Khi đã thọ Cụ-túc giới như vậy rồi, thành tựu Giới pháp Cụ-túc như vậy rồi thì mới

đảm đương việc của Tăng, mới đảm đương việc của Pháp, mới đảm đương việc của Phật, và quan trọng hơn hết là mới đảm nhận được các Thánh quả giải thoát.

Lâu nay, khi chúng ta bạch lên Chúng tăng là: "Xin Tăng thương xót cho chúng con thọ Cụ-túc giới với Hòa thượng.... Xin Chúng tăng thương tưởng chúng con, đưa chúng con lên phẩm vị cao, vị trí cao", lời nói dễ thương vậy. Thế mà đến khi thọ Giới rồi, không thấy tăm dạng chúng ta đâu hết, Hòa thượng theo đường Hòa thượng, người thọ theo đường người thọ, không có liên hệ chi với nhau hết. Ít ra, lâu lâu cũng phải tới thăm Hòa thượng, hỏi Hòa thượng khỏe không, chứ thọ Giới rồi mà Hòa thượng đi đường Hòa thượng, Yết-ma đi đường Yết-ma, Giáo thọ đi đường Giáo thọ, con đi đường con, chẳng đoái hoài chi Hòa thượng; Hòa thượng cũng không nghĩ là các giới tử mình bây giờ, còn đứa nào, mất đứa nào, Giới pháp ra sao, tu ra sao rồi, cũng không biết luôn, bởi vì để con nhiều quá, đâu có nhớ mặt nhớ mày hết! Cho nên, Luật nói là một lần chỉ trao Giới cho một giới tử thôi, để mà nhìn mặt nhau cho rõ. Đây làm nhiều quá, một lần để ba đứa, mà làm cho xong. Tôi thấy đó là chuyện tội lỗi hết sức, tội

lỗi là do việc "làm cho nó xong", mà không làm bằng tình thương thực sự, bằng cái tín tâm Tam bảo thực sự, bằng cái muốn cho người học trò có Giới pháp mà tu thực sự; và người học trò cũng muốn rằng mình được Giới pháp từ nơi thầy mà tu hành thực sự. Mà như vậy thì phí quá! Thầy cũng phí, trò cũng phí. Cho nên ngày xưa, thầy tổ chúng ta gọi là trường kỳ, đi trường kỳ về là giá trị lắm. Mở một Giới đàn như vậy là ba tháng và một ngày như vậy là truyền trao mấy đàn thôi. Quý vị về hỏi thầy mình, nếu thầy mà trên 70 tuổi thì hỏi. Cho nên, đi xuất gia mà sau 1975 là một sự thiệt hại, rồi sau 1981 lại là một sự thiệt hại khác.

Tôi được biết, bên Đài Loan, những vị Sa-di cầu thọ Giới phải tập trung học ba tháng trước khi thọ, hành trì sám hối. Ở Việt Nam mình thì vừa rồi có Giới đàn Bửu Huệ do Thành hội tổ chức cũng thực hiện theo tinh thần người có Thọ giới phải tập trung tại Việt Nam Quốc Tự để học sám hối ba tháng trước khi tấn đàn thọ Giới tại Giới đàn Huệ Nghiêm. Tôi thấy đó là những điểm tích cực. Nếu chúng ta tiếp tục điểm đó, lan tỏa ra các tỉnh thành khác thì Phật giáo tự nó sáng lên, sáng lên từ nơi các Giới đàn và các Giới tử đặc pháp thực sự

vô tác Giới thể hay vô biểu Giới thể này. Chứ còn bây giờ, thọ Giới mà không đắc Giới là điều đau khổ nhất. Thất bại là ở đó chứ không phải ở nơi khác. Đừng đổ thừa Phật giáo. Tăng sĩ Phật giáo thất bại vì thọ Giới mà không đắc Giới thể, chứ đừng đổ thừa ai hết.

Mà muốn đắc Giới thể thì người thọ Giới và người trao Giới phải tương ưng với nhau, phải quan tâm nhau, phải thương quý nhau, phải trình trọng với nhau trong giờ phút có mặt, ở nơi Giới trường, nơi tác pháp yết-ma. Chứ yết-ma mà lòa lòa cho xong việc thì không được đâu. Nếu Yết-ma lần thứ nhất, rồi nói "lần thứ hai như trên, lần thứ ba như trên", thì nhiều khi người ta nghe không rõ. Trong luật Ma-ha Tăng-kỳ nói, bảy vị Giới sư Tăng ngồi với nhau mà cách nhau một cánh tay là không đắc Giới, nên họ phải sắp xếp ngồi lại gần với nhau, sao cho tay người này phải động qua được người bên kia. Vì sao như vậy? Vì khi ngồi trong Giới trường, yên lặng quá, vị Giới sư nhiều khi vì yên lặng quá, nói theo ngôn ngữ dễ thương, là ngồi thiền nhập định; thì khi vị Yết-ma hỏi: "yết-ma thành không?", mà ông này ngồi thiền nhập định, giật mình mở mắt ra, bên Tăng sáu vị kia nói "Thành" mà ông này

yên lặng, thì Giới thể vô biểu, vô tác của vị Sa-di hay Thức-xoa-ma-na không được tác thành, không thành tựu, bởi vì Tăng không hòa hợp tuyệt đối; như vậy là vị Yết-ma phải bắt đầu yết-ma lại. Các vị Giới sư phải tỉnh táo, thấy vị Yết-ma yết-ma lần thứ nhất, rõ ràng nói "Thành"; và theo dõi lần yết-ma thứ hai: "Thành"; yết-ma lần thứ ba: "Thành"; phải nói rõ ràng. Chứ nếu yết-ma lần thứ hai rồi mà vị Giới sư nghĩ là mới yết-ma lần thứ nhất là Giới thể vô biểu của Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo ni từ nơi vị Sa-di hay Thức-xoa-ma-na không thành, bởi vì bản thể của Tăng không hòa hợp tuyệt đối.

Nên, quý vị thấy, thành tựu Giới thể vô tác, vô biểu đâu phải là chuyện mà chúng ta làm cho xong việc. Chúng ta làm cho xong việc thì tội lỗi lắm! Vì cái danh Yết-ma, vì cái danh Giáo thọ, vì cái danh Đàn-đầu, vì cái danh Trưởng ban kiến đàn mà làm những việc không có lương tâm là chết từ đời này qua đời sau. Đừng có ham danh ở trong các sự việc đó mà chết. Phá Phật giáo là ở đó. Bởi vì truyền Giới mà Giới thể không thành tựu ở nơi giới tử, rồi người ấy vẫn cho đó là Tỳ-kheo, rồi đi vào trong Tăng chúng, sống trong Tăng chúng, mỗi lần Bố-tát mà vị không có Giới thể Tỳ-kheo, Giới

thể không thành tựu ngồi vô đó, thì đó là tắc trú trong Tăng chứ gì nữa. Quý thầy, quý cô về giờ Luật ra mà đọc, mà học đi. Tôi không nói thêm đâu. Tôi không nói bớt đâu. Học ngang đâu, tôi nói ngang đó. Cho nên, chuyện thọ trì Giới pháp không phải là chuyện đùa, không phải chuyện mua bán, danh lợi gì hết. Đây là việc mà "tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức" của các bậc Tôn đức thầy tổ chúng ta. Nên, đừng có lạm dụng cái việc danh lợi ở trong các Giới đàn, trong các Giới trường. Chết không kịp ngáp!

Và chữ Upasampadā cũng dịch là Cụ-túc, nghĩa là "cận viên".

Cụ-túc là gì? Cụ-túc tức là Giới pháp mà đầy đủ bốn sự thanh tịnh, tức là thành tựu bốn sự thanh tịnh: thanh tịnh về Biệt giải thoát luật nghi, thanh tịnh Căn luật nghi, thanh tịnh về Mạng luật nghi, thanh tịnh về Niệm luật nghi. Do thọ Cụ-túc giới đầy đủ bốn sự thanh tịnh này mà gọi là Upasampadā.

Trong luận Câu-xá giải thích rằng, Cụ-túc giới thọ trì đầy đủ bảy chi phần: thân ba, ngũ bốn. Ba thiện nghiệp đạo phát sinh thuộc về thân loại trừ ba bất thiện nghiệp đạo thuộc về thân. Bốn thiện nghiệp đạo thuộc về ngũ thành tựu loại trừ bốn bất

thiện nghiệp đạo thuộc về ngữ. Cho nên, phải thọ đầy đủ bảy chi thuộc về thân và ngữ.

Chữ Upasampadā còn dịch là Cận viên. Cận viên là do chữ Upa là gần gũi; chữ sampadā có nghĩa là sự đạt được. Nên Upasampadā mà gọi là Cụ-túc là vì gần đạt được. Gần đạt được cái gì? Gần đạt được Niết bàn, gần đạt được thánh quả A-la-hán. Cụ-túc giới gần với Niết bàn, gần với thánh quả A-la-hán, Hán dịch là Cận viên. Chữ "viên" là Niết bàn, viên tịch. Thọ và thành tựu Giới thể Cụ-túc tức là Giới thể ấy giúp mình gần gũi với niết bàn hay là gần gũi với thánh quả A-la-hán. Còn Sa-di, Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na hay Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di là Cận trú giới, là Giới còn xa Niết bàn, còn xa thánh quả A-la-hán, bởi vì muốn đạt đến Niết bàn thì phải đạt tới Hữu dư y niết bàn, mới đến Vô dư y niết bàn. Và muốn tới Thánh quả thì phải đi qua Dự lưu quả, Nhất lai quả, A-na-hàm quả, mới đến A-la-hán quả. Các Giới khác là viễn Niết bàn chứ chưa phải là cận Niết bàn. Thành tựu Giới thể vô biểu của Cụ-túc giới đưa mình đi tới gần gũi với Niết bàn, gần gũi với Thánh quả A-la-hán. Nên, chữ "gần gũi" nghĩa là gần hoàn thành Vô lậu học Pháp, hay là gần hoàn thành

với bậc Thánh giả vô học.

Chữ Upasampadā còn dịch là "Cận viên", là gần với sự hoàn hảo, gần với sự hoàn tất, đi tới với sự hoàn hảo trong đời sống đạo đức của một bậc A-la-hán. Chỉ có A-la-hán mới hoàn hảo đạo đức và làm bậc thầy mô phạm cho thế giới người và trời. Nên A-la-hán đâu có nhảy cẫng được; A-la-hán đâu có nói đùa được; A-la-hán đâu có nói không thành có, nói có thành không được; A-la-hán đâu có bói toán mà kiếm sống qua ngày đâu vì A-la-hán sống đời sống chánh mạng. Quý thầy quý cô đọc Kinh Di Giáo, lời di huấn tối hậu của đức Phật mà ngài Trí Quang Thượng nhân đã dịch cho chúng ta, đọc mà chảy nước mắt vì xúc động. Đó là lời di huấn tối hậu cho các thầy Tỳ-kheo.

Vì vậy, chúng ta muốn trở thành một Tỳ-kheo thanh tịnh thì phải thọ Giới đúng Pháp. Thọ giới đúng Pháp thì Giới thể vô biểu mới thành tựu. Mà muốn như vậy thì phải có Giới thành tựu là Đại giới hay Cương giới hay Giới trường phải thành tựu; rồi Sự thành tựu; rồi túc số Tăng thành tựu; Pháp yết-ma thành tựu. Nhờ bốn sự thành tựu này mà Giới thể vô biểu được thành tựu.

Nên, thành tựu Giới thể khó lắm. Nó hơn bất cứ loại châu báu ngọc ngà nào giữa thế gian này. Châu báu ngọc ngà thế gian làm cho người ta lo lắng, sợ hãi, còn Giới pháp, Giới thể này giúp chúng ta vượt ra khỏi sự sợ hãi, được, mất, khen, chê của thế gian; vượt ra khỏi cái sống chết bị áp đặt, bị bức ngặt bởi nghiệp sinh tử của thế gian. Thà mình không biết, thì mình sống sao đó cũng được, may nhờ rủi chịu, trời thương thì nhờ, mà trời ghét thì thua; còn mình có học, có hành thì nắm lấy Giới luật mà sống. Sống một ngày ở trong Giới luật còn hơn thiên thu ở thế gian; sống một ngày ở trong Giới luật còn hơn sống ngàn năm giữa đời; sống một ngày mà có mắt sáng còn hơn là sống cả triệu năm ở trong mắt mù; sống một ngày mà có đôi chân đi thẳng thì hơn sống ngàn năm mà đi chân cà nhắc cà cò; chắc chắn vậy rồi. Không phải thầy Thái Hòa nói, mà ai cũng thấy vậy thôi, phải không! Muốn vậy thì không có con đường nào khác con đường phải tu hành. Mà tu hành thì lấy gì làm chính? Lấy Giới luật làm chính. Mà Giới thì phải lấy Giới pháp, Giới thể làm chính. Rồi Luật là giúp mình biết thế nào là đúng, thế nào là sai; thế nào là pháp, thế nào là phi pháp; thế nào là đúng thời, thế nào là phi thời; thế nào là xứ, thế nào là phi xứ; thế nào là người,

thế nào là không phải người; thế nào là đúng việc, thế nào là không phải đúng việc. Phân biệt được như vậy là nhờ Luật.

Chữ Luật là Vinaya, đi từ động từ căn Ni, có nghĩa là hướng dẫn, chỉ bày, giúp đỡ. Cho nên, Luật là hướng dẫn cho mình biết thế nào đúng, thế nào sai, đúng thì làm, sai thì thôi. Luật chỉ bày cho mình: đây là đúng nên làm, đây là sai nên tránh. Luật giúp đỡ khiến mình luôn luôn đi đúng, làm đúng, nói đúng ở trong Phật pháp, không phạm pháp. Ở đời cũng vậy. Có phải mình phạm pháp là người ta xử mình liền đâu. Tùy theo mức độ. Có những trường hợp phạm pháp là người chấp pháp, người thi hành pháp luật thấy tội này ngang chỗ khuyên thôi; nhưng có những trường hợp mức độ phải phạt hành chính; có những việc phải truy tố hình sự để điều tra sau đó mới có kết luận và đưa tới tòa án, tòa án mới bắt đầu dựa vào kết án của công an điều tra đương sự và đương sự nhận thấy có phạm lỗi này, phạm lỗi kia thì dựa vào điều phạm đó là điều mấy trong luật hình sự để tuyên án; và trong tuyên án cũng có những tình tiết giảm án, bởi vì đương sự phạm tội nhưng mà tự nguyện tới trình diện với công an, không chạy trốn thì tội nặng có tình tiết giảm án; có những

người tội nhẹ nhưng mà trốn, công an đi truy tìm lâu lắm mới phát hiện cho nên thêm vào tội trốn tội nữa, rồi tội nói quanh co nữa... Cho nên, tùy theo tình tiết mà chấp pháp và thi hành luật pháp. Luật là hướng dẫn cho người ta, chỉ bày giúp đỡ, chứ có ai làm luật để mà nâng tội người nhẹ thành nặng đâu. Không có cái luật nào như vậy. Nên mình không biết pháp, không biết luật là một thiệt hại về trí thức rất lớn trong đời sống gia đình, trong đời sống cộng đồng, trong đời sống xã hội. Người tu mà không biết luật pháp của người tu thì không có sự thiệt hại nào lớn hơn sự thiệt hại này. Một công dân mà không biết luật pháp của đất nước thì không có sự thiệt hại về quyền lợi nào hơn sự thiệt hại này.

NGŨ ẨM XÍ THẠNH KHỔ HAY NGŨ THỦ UẨN KHỔ

Pháp ngữ Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho Đạo tràng tu

Bát quan trai tại chùa Phước Duyên, Huế, 26/05/2024

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Cùng các Giới tử thọ trì Bát quan trai giới một ngày một đêm tại trú xứ Tăng già lam Phước duyên, Thành phố Huế, hiện diện quý mến.

Quý vị tu tập Tịnh giới là để trị liệu, chuyển hóa cái khổ do thân năm uẩn đem lại, mà trong kinh, đức Phật dạy: "ngũ ẩm xí thanh khổ" hay là "ngũ thủ uẩn khổ". Ngũ ẩm xí thanh khổ hay Ngũ thủ uẩn khổ gồm có ba cái khổ, mà chúng ta là đệ tử Phật, cần phải tu tập để trị liệu và chuyển hóa.

Khổ thứ nhất là Khổ khổ uẩn. Khổ khổ uẩn, nghĩa là từ nơi sắc uẩn, ta bám lấy, cho nó là ta, là của ta, từ đó mà Thọ khổ uẩn sinh khởi; từ nơi Sắc khổ uẩn, ta bám lấy, cho nó là ta, là của ta, từ đó mà Tưởng khổ uẩn sinh khởi; từ nơi Sắc khổ uẩn, ta bám lấy, cho nó là ta, là của ta, từ đó mà Hành khổ

uẩn sinh khởi; từ nơi Sắc khổ uẩn, ta bám lấy, cho nó là ta, là của ta, từ đó mà Thức khổ uẩn sinh khởi; rồi từ nơi Thức khổ uẩn, ta bám lấy, cho nó là ta, là của ta nên từ đó mà Sắc khổ uẩn sinh khởi; từ nơi Hành khổ uẩn, ta bám lấy, cho nó là ta, là của ta, từ đó mà Sắc khổ uẩn sinh khởi; từ nơi Tưởng khổ uẩn, ta bám lấy, cho nó là ta, là của ta, nên từ đó mà Sắc khổ uẩn sinh khởi; từ nơi Thọ uẩn, mà ta bám lấy, cho nó là ta, là của ta, nên từ đó mà Sắc khổ uẩn sinh khởi. Khổ của các uẩn như vậy, tương tác với nhau, hỗ trợ và chống trả nhau tạo ra nhiều khổ thống, nên gọi là Khổ khổ uẩn.

Chúng ta tu tập Tịnh giới là để phòng hộ sáu căn, khiến cho sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không xâm nhập vào trong tâm thức chúng ta, khuấy động Thức uẩn ở trong chúng ta khởi dậy, liên hệ đến Vô minh và Hành, liên hệ đến Ái, Thủ, Hữu. Nên nhờ tu tập Tịnh giới mà ta phòng hộ được các nhân, các duyên sinh khởi ra Khổ khổ uẩn.

Thứ hai là Hoại khổ uẩn. Hoại khổ uẩn nghĩa là các uẩn tương tác với nhau, hỗ trợ nhau tạo ra sinh diệt liên tục. Sự sinh diệt ấy đưa năm uẩn đi tới sự hoại diệt và đưa từng uẩn đi tới sự hoại diệt. Mỗi khi các uẩn đi tới sự hoại diệt, tạo ra

nhieu khô thống: khô thống do Sắc uẩn hoại diệt, khô thống do Thọ uẩn hoại diệt, khô thống do Tưởng uẩn hoại diệt, khô thống do Hành uẩn hoại diệt, khô thống do Thức uẩn hoại diệt. Khi Sắc uẩn hoại diệt, nghĩa là chất rắn trong cơ thể chúng ta hưng thịnh thì chất lỏng trong cơ thể chúng ta chìm xuống. Do sự hưng thịnh của chất rắn và sự hưng thịnh của các chất khác trong cơ thể chúng ta làm cho một số chất trong cơ thể chúng ta bị chìm xuống, từ đó mà tạo ra Sắc uẩn khô. Khi chất khí trong cơ thể chúng ta hưng thịnh, thì chất hỏa trong cơ thể chúng ta chìm xuống; khi chất lỏng trong cơ thể chúng ta hưng thịnh, thì chất rắn trong cơ thể chúng ta chìm xuống, hoặc ngược lại; tất cả sự hưng thịnh và chìm xuống ấy của các chất rắn, lỏng, nhiệt, khí trong cơ thể chúng ta tạo ra sự xung đột và tạo nên sự khô thống trước khi biến hoại, phân rã. Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn cũng như vậy. Cho nên gọi là Hoại khô, khô do sự biến hoại của năm uẩn và sự biến hoại của từng uẩn.

Chúng ta tu tập Tịnh giới, nhờ có sự phòng hộ của Giới, nên trong đời sống hằng ngày, thân ta không làm ác, miệng ta không nói lời ác, tâm ta không nghĩ ác, nên tất cả ác pháp từ

bên trong đến bên ngoài không có cơ hội để hiện khởi trong đời sống của ta. Nên dù năm uẩn hay từng uẩn có biến hoại, ấy là sự biến hoại tự nhiên mà không gây ảnh hưởng đến cảm thọ an lạc của chúng ta.

Thứ ba, Hành khổ uẩn. Hành khổ uẩn là Khổ do sự tái sinh của năm uẩn. Sự tái sinh ấy do nghiệp lực chuyển vận khiến tâm thức sau khi năm uẩn biến hoại vận hành ở trong ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và trong sáu nẻo sinh tử là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, A-tu-la, Người và Trời. Do sự vận hành của nghiệp bất thiện như vậy tạo ra nhiều khổ thống nên gọi là Hành uẩn khổ. Hành uẩn khổ có nghĩa là sau khi các đại chủng phân rã; đất, nước, gió, lửa hay là các thể rắn, nhiệt, lỏng, khí trong thân thể chúng ta phân rã, tâm thức thoát ra, trong giai đoạn ấy gọi là Hành khổ. Và tiếp theo, sau khi tâm thức đã thoát ra được đối với Sắc uẩn, đi theo nghiệp để tái sinh, trong giai đoạn này, tâm thức của người không biết tu tập lo lắng, sợ hãi, bồn chồn. Chính lo lắng, sợ hãi, bồn chồn ấy tạo ra khổ thống cho Nghiệp thức. Vì vậy mà gọi là Hành khổ uẩn. Nghiệp thức trong giai đoạn đợi đủ duyên để tái hiện đời sau, trong giai đoạn chờ đợi ấy, tâm

thức luôn luôn nghĩ tới hình hài quá khứ của mình và nghĩ tới hình hài hiện tại mà mình đang bị phân rã, khởi lên sự nuối tiếc khiến đau đớn vạn trạng, khổ thống vạn trạng, sầu não vạn trạng. Chính trạng thái này gọi là Hành khổ uẩn. Sau khi đã đủ duyên để tái hiện đời sau, thì chính sự tái hiện đời sau ấy, Hành uẩn hoàn toàn thụ động với nghiệp lực, nên nghiệp lực duyên vào Vô minh và Hành, sa vào nơi ngọn lửa dục từ nơi cha và mẹ, từ nơi nam và nữ phối hợp với nhau mà phóng ra, rồi duyên vào ánh sáng phóng ra ấy mà nghiệp thức sa vào để đầu thai ở trong gia đình mà cha mẹ hay nam nữ đang thọ lạc bởi dục nhiễm thế gian ấy. Trong giai đoạn ấy là giai đoạn mù quáng hoàn toàn, vô minh hoàn toàn và thụ động hoàn toàn. Đó là giai đoạn Hành khổ uẩn.

Cho nên, đệ tử Phật, chúng ta tu tập Tịnh giới là để phòng hộ Hành uẩn, khiến cho Hành uẩn không đi theo, không liên hệ với Vô minh, không liên hệ với Ái, Thủ, Hữu và tái hiện lại đời sau bằng năng lượng của Giới đức, bằng năng lượng của Thiên định, bằng năng lượng của Tuệ giác, được thúc đẩy từ nơi nguyện lực của mình.

Do đó, quý vị tu tập một ngày, một đêm ở trong Tịnh giới

Bát quan trai hay tu tập suốt đời với sự quy kính Tam bảo, với sự thọ trì Năm giới; và nếu quý vị xuất gia thì quý vị tu tập trọn đời. Đời sống xuất gia của mình luôn luôn ở trong tịnh hạnh, luôn luôn ở trong phạm hạnh, thì chính sự tịnh hạnh và phạm hạnh ấy là chất liệu trị liệu và chuyển hóa đối với thân năm uẩn hay ngũ ấm xí thành khổ để Khổ khổ uẩn không xuất hiện trong đời sống của quý vị, Hoại khổ uẩn không xuất hiện trong đời sống của quý vị, Hành khổ uẩn không xuất hiện trong đời sống của quý vị và thân thể của quý vị sẽ được hình thành từ năm yếu tố, đó là yếu tố Giới, yếu tố Định, yếu tố Tuệ, yếu tố Giải thoát và yếu tố Giải thoát tri kiến mà thuật ngữ chuyên môn trong Phật học gọi là Ngũ phần pháp thân. Ngũ phần pháp thân này là thân thanh tịnh từ nơi sự hành trì Giới pháp mà tạo nên. Cho nên quý vị hãy tinh cần lên mà tu tập, đừng vì bất cứ một lý do gì mà ngưng trệ sự tu tập của mình, hãy tu tập Tịnh giới ngay trong những điều kiện mà mình đang có thể.

Muốn như vậy, trong đời sống hằng ngày, quý vị phải luôn luôn nhớ thực hành Ba pháp quy y và Năm giới từ khi mở mắt ra cho đến tối nhắm mắt lại, luôn luôn duy trì niềm tin

Tam bảo, niềm tin vào Giới pháp và sống trọn với niềm tin ấy, thì quý vị đời này, đời sau; ở đây, ở bất cứ cảnh giới nào; với bất cứ hình thức nào, với bất cứ hình tướng nào cũng đều được an lạc, hạnh phúc, bởi vì chính đời sống của quý vị được trang nghiêm bằng chất liệu Tuệ giác và Từ bi.

Vậy, tất cả quý vị chấp tay lại, thành kính mà nói theo tôi:

"Đệ tử chúng con quy y Phật. Đệ tử chúng con quy y Pháp.
Đệ tử chúng con quy y Tăng.

Đệ tử chúng con quy y Phật, nguyện từ nay cho đến trọn đời không quy y trời, thần, quỷ, vật.

Đệ tử chúng con quy y Pháp, nguyện từ nay cho đến trọn đời không quy y ngoại đạo, tà giáo.

Đệ tử chúng con quy y Tăng, nguyện từ nay cho đến trọn đời không quy y thầy tà bạn ác.

Đệ tử chúng con quy y Phật, là đấng Phước trí vẹn toàn.

Đệ tử chúng con quy y Pháp, con đường chấm dứt sinh tử khổ đau.

Đệ tử chúng con quy y Tăng, chúng Tu hành thanh tịnh.

Đệ tử chúng con đã quy y Phật rồi, không còn đọa vào địa ngục.

Đệ tử chúng con đã quy y Pháp rồi, không đọa vào ngã quý.

Đệ tử chúng con đã quy y Tăng rồi, không đọa làm súc sinh.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối, không uống rượu.

Kính xin Tam bảo chứng minh và cho chúng con xả Bát quan trai giới, trở lại đời sống cư sĩ, thực hành Ba pháp quy y, Năm cấm giới, nghiêm tịnh ba nghiệp, hộ trì Tam bảo tồn tại thế gian, lợi lạc muôn loài chúng sinh.

Kính xin Tam bảo chứng minh.

Nam mô Chứng minh sư Bồ tát".

PHÁP THOẠI TỪỞNG NIỆM HÚY NHẬT TRƯỜNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỨC CHƠN

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô Tây Thiên Đông Độ Việt Nam Truyền Giáo, Truyền Giới Khai Sơn Lịch Đại Tổ Sư Hòa Thượng tác đại chứng minh.

Nam mô Khai Sơn Quảng Hương Già Lam Tu viện tác đại chứng minh.

Nam mô Trùng Kiến Quảng Hương Già Lam Tu viện Húy thượng Nguyên hạ Mỹ tự Đức Chơn hiệu Hải Tánh Tôn sư phủ thùý chúng giám.

Thưa toàn thể môn đồ Pháp quyền, thế quyền, cùng toàn thể Huynh trưởng, Đoàn sinh GDPTVN trực tiếp, gián tiếp trong và ngoài nước, cũng như toàn thể Phật tử các giới có nhân duyên trong Pháp hội hoa đăng tưởng niệm bậc Tôn sư khả kính hiện tiền quý mến.

Phụng hành ý chỉ của chư Tôn đức Tăng-già nhị bộ hiện tiền nhân buổi lễ này, chúng tôi đại lao các Ngài, có vài lời chia sẻ đến toàn thể quý vị trong Pháp hội tưởng niệm Tôn sư hôm nay.

Thưa quý vị!

Nói đến bậc Tôn sư của chúng ta, bản thân của mỗi chúng tôi đều là học trò, và đã thọ ân giáo dưỡng của Tôn sư rất là nhiều, cho nên hôm nay ngồi ở nơi đây với vị trí chứng minh cũng chỉ là Tăng sai. Tăng đã sai thì không thể không phụng hành. Do đó mà tôi xin thay mặt cho chư Tôn đức Tăng hiện tiền có vài lời chia sẻ đến toàn thể huynh đệ cũng như các Pháp hữu, các anh chị em GDPT hiện diện trong và ngoài nước cùng tất cả các Phật tử đã có duyên với Thầy - bậc Tôn sư của chúng ta.

Thưa quý vị!

Thầy của chúng ta có những đức tính mà chúng ta cần phải học và nguyện thực hành theo những đức tính của Thầy. Thầy của ta có nhiều đức tính mà chúng ta cần phải chiêm nghiệm, thực tập để chúng ta xứng đáng là học trò của

Thầy, được Thầy giáo dưỡng trực tiếp hay gián tiếp dưới hình thức là ngôn giáo, thân giáo hay ý giáo hay giáo dục bằng cách thể hiện đạo đức vô hành, vô ngôn của Thầy đối với bao thế hệ Tăng Ni, Phật tử.

Đức tính thứ nhất của Thầy chúng ta đó là đức tính Kham nhẫn. Thầy chúng ta rất kham nhẫn, Thầy chúng ta chỉ làm mà rất ít nói. Không kham nhẫn sao được! Đi xuất gia, học đạo ở Tổ đình Báo Quốc- Huế, rồi tấn tu đạo nghiệp ở Phật học viện Hải Đức Nha Trang - Trung phần, cùng với chư Tôn đức bấy giờ gánh vác Phật sự, rồi vào Quảng Hương Già Lam gánh vác Phật sự trong giai đoạn lịch sử biến thiên không lường, Thầy tổ chúng ta khó khăn vô cùng, anh em chúng ta mỗi người mỗi hoàn cảnh khó khăn, Thầy đã phụng hành ý chỉ của các bậc Tôn sư mà nhất là bậc Tôn sư khả kính của Thầy đó là ngài Húy thượng Tâm hạ Như, tự Trí Thủ, hiệu Đạo Giám đã trao truyền bao nhiêu trách nhiệm cho Thầy chúng ta. Từ đó Thầy chúng ta đã đảm nhiệm vai trò Trụ trì Tu viện Quảng Hương Già Lam, nội phải kham nhẫn, mà ngoại càng kham nhẫn hơn. Kham nhẫn với đồng học, đồng tu; kham nhẫn với các Bậc trưởng thượng; kham nhẫn với những đứa học trò dễ

thương; kham nhẫn với những đứa học trò ngỗ nghịch; kham nhẫn với những Phật tử ngoan đạo; kham nhẫn đối với những con người giả danh, giả dạng Phật tử phá đạo, mà Thầy ta vẫn kham nhẫn. Kham nhẫn như vậy ta học được ở nơi Thầy chúng ta và đó là phép lạ mà Thầy chúng ta đã học được từ chư Phật, từ chư Tổ. Cũng từ nơi sự kham nhẫn ấy mà Thầy chúng ta đã bùng ngọn đèn Chánh pháp tỏa rạng, không chỉ một vùng mà khắp mọi vùng, không chỉ một nước mà khắp mọi quốc gia trên thế giới, không phải một thế hệ mà soi sáng cho nhiều thế hệ mà bao gồm cả Tăng và tục, bao gồm cả những anh em huynh đệ người Việt gốc sư. Đó là đức tính thứ nhất mà tất cả Anh em chúng ta cần phải học từ nơi Thầy chúng ta.

Đức tính thứ hai là đức tính nối tiếp của Thầy. Thầy ta đã tiếp nối từ Thầy tổ của chúng ta, và Thầy ta đã hun đúc trái tim hiểu biết, thương yêu đầy trí tuệ và từ bi để ôm ấp những thế hệ học trò và làm cho những thế hệ học trò ấy tiếp nối được những gì từ Tam bảo, tiếp nối những gì từ Thầy tổ, tiếp nối những gì từ các Bậc tiền nhân của chúng ta kể cả tổ chức GDPTVN.

Thầy ta tiếp nối cho nên hôm nay là ngày mùng 6 tháng 10 năm Quý Mão, ngày này là ngày Húy nhật của Tổ sư khai sơn Tổ đình Từ Hiếu, Húy thượng Tánh hạ Thiên, hiệu Nhất Định, là Tôn phong của Thầy chúng ta, và ngày hôm nay cũng là ngày Húy nhật của Tổ sư khai sơn chùa Tra Am hiệu Viên Thành mà Thầy chúng ta đã kế thừa từ nơi Tôn sư Thầy của chúng ta. Vì vậy, buổi lễ truyền đăng này, tưởng niệm hoa đăng này thật có một ý nghĩa sâu sắc, ý nghĩa ấy là ngọn đèn Chánh pháp được trao truyền từ Thầy tổ của chúng ta, và chúng ta - những thế hệ tiếp nối - cố gắng giữ gìn, phát triển. Quý Thầy có những vị đã đi làm Trú trì, có những vị đã làm Giáo thọ, có những vị đã đi hoằng Pháp khắp nơi, có những vị ẩn tu phát huy đạo nghiệp âm thầm của mình. Quý vị hãy tiếp nối ngọn đèn từ Thầy tổ của chúng ta, để ngọn đèn ấy rọi vào ở nơi tâm tư của mỗi chúng ta, khiến cho bao nhiêu ngã chấp ở nơi tâm ta rơi rụng, bao nhiêu ái kiến ở nơi chúng ta không còn, để chúng ta có thể xứng đáng tiếp nối những gì mà Thầy chúng ta đã trao truyền cho chúng ta. Quý thầy, quý huynh đệ, quý anh em tiếp tục phát huy ngọn đèn Chánh pháp ấy trong điều kiện của mình có thể để khắc cốt ghi tâm những gì mà Thầy

mình đã truyền trao. Chắc chắn rằng tất cả các anh em huynh đệ, đệ tử của Thầy, học trò của Thầy dưới hình thức này hay hình thức khác, chúng ta đến với Đạo, chúng ta đến với Thầy của chúng ta, không phải kế thừa tài sản, mà chúng ta đến với Thầy chúng ta để kế thừa Chánh pháp. Đó là sự tiếp nối mà chính chúng ta tiếp nối từ Thầy của chúng ta, Thầy chúng ta tiếp nối từ những Bậc thầy của Thầy chúng ta nữa.

Đức tính thứ ba là đức tính Duy trì của Thầy. Thầy chúng ta có khả năng duy trì đồ chúng, duy trì Pháp học, Pháp hành, nên Thầy của chúng ta đi đâu cũng không bỏ công phu lễ Phật, lạy Phật vào mỗi buổi sáng. Công phu lạy Phật vào mỗi buổi sáng đó là từ Thầy tổ của chúng ta mà Thầy của chúng ta đã tiếp nối, tiếp nối Pháp học, tiếp nối Pháp hành. Khi Hòa thượng Thích Đức Tâm, trú trì chùa Pháp Hải, viên tịch năm 1988, Thầy của chúng ta đã ra Cố đô Huế, ở lại Chùa Pháp Hải, an ủi vỗ về các môn đệ, môn đồ của Hòa thượng Pháp Hải và buổi khuya trời lạnh Thầy chúng ta vẫn thức dậy đi lễ Phật một mình, lạy 108 lạy để nhiếp phục thân tâm của mình, để tiếp nối những gì Thầy tổ

đã trao truyền và đồng thời làm ấm lại không gian tang lễ bảy giờ của Hòa thượng Thích Đức Tâm. Đức tính duy trì Pháp học, Pháp hành của Thầy chúng ta rất lớn. Mong rằng, các anh em huynh đệ sống ở đâu cũng thể hiện và phát huy, duy trì Pháp học, Pháp hành này. Nếu chúng ta không lay Phật, không tụng kinh, không hành thiền, không học hỏi thì chúng ta không có tài sản lớn để hoằng dương Phật Pháp, và chúng ta cũng không có khả năng báo đáp ân đức của Thầy mình. Chúng ta không chỉ nói những lời suông ca ngợi Thầy mình, mà chúng ta phải biết biến những lời ca ngợi ấy trở thành đời sống của chính mình. Thầy ta không phải chỉ nói mà Thầy ta làm; Thầy ta làm ngay trong từng bước đi của Thầy, cho nên ngay bước đi của Thầy là bước đi của sự giải thoát. Thầy ta không chỉ nói mà Thầy ta làm; làm ngay nơi thế đứng của Thầy, Thầy đứng vững, đứng một cách kiên cố ở trong Chánh pháp. Thầy ngồi, Thầy ngồi một cách vững chãi ở trong Chánh pháp. Thầy nằm và cũng nằm xuống để cho Chánh pháp trường tồn, để chứng minh rằng Chánh pháp của đức Thế tôn tuyên bố và được lịch đại tổ sư truyền thừa đến Thầy và Chánh pháp ấy biểu lộ sự an lạc hoàn toàn. Cho nên Thầy ta không những kham nhẫn, không

những tiếp nối mà còn duy trì phát triển. Đó là điều mà tất cả các anh em, huynh đệ, đệ tử xuất gia, đệ tử tại gia, các anh chị em GDPT các cấp trong nước ngoài nước phải lưu ý mà thực tập, hành trì.

Thầy của chúng ta có đức tính bao dung độ lượng, điều này Huynh trưởng cấp Dũng - Nguyên Hoành Lê Văn San đã đại diện GDPTVN và Thế giới đã nói lên một cách rõ ràng trong cảm niệm, có khi gặp nhiều khó khăn lên thưa với Thầy, Thầy vẫn giữ nụ cười hoan hỷ, tìm đủ mọi cách để mà giúp cho tổ chức GDPT vượt ra những khó khăn từ bên trong đến bên ngoài, có khi các anh chị em đến thưa với Thầy mà thiếu tính cách nghi lễ, chỉ thể hiện tính thầy trò cấp bách, Thầy nhận ra được điều này cho nên hoan hỷ và tùy hỷ không thấy có một cảm giác khó chịu nào. Đó là đức tính bao dung độ lượng của Thầy. Ngay cả chúng Dược Vương, Thầy cũng tìm cách nâng đỡ, bởi vì chúng Dược Vương đã có từ sư Tổ của chúng ta mà Thầy chúng ta là người tiếp nối duy trì. Thiếu áo Thầy cho áo, thiếu tiện nghi Thầy cho tiện nghi. Nghĩa là Thầy ta rất bao dung, độ lượng. Đối với những người có Giới đức thanh tịnh, Thầy ta hết

lòng tôn kính. Nhưng đối với anh em Giới hạnh bị khuyết tật, Thầy ta cũng không từ bỏ và tìm cách nâng đỡ dưới hình thức này, hình thức khác, miễn rằng người ấy không quên Tam bảo, không phản bội Tam bảo, Thầy ta đều mỉm cười, hoan hỷ, bao dung, độ lượng để đưa người ấy trở lại với Chánh pháp, giữ vững niềm tin Tam bảo. Thầy ta là một bậc Thầy đầy bao dung độ lượng một cách thiết thực chứ không phải ngôn ngữ sáo rỗng.

Thầy ta sinh như Chơn, tử như Chơn. Đó là lời truy tán của Trí Quang Thượng Nhân đối với Thầy của chúng ta. Thầy ta sinh như Chơn nghĩa là gì? Thầy ta sống rất chơn thật, đúng với chân lý, đúng với như lý, đúng với Đạo pháp, đúng với chân như hải tánh. Đối với gia đình huyết thống, Thầy của chúng ta là một Bậc rất hiếu đạo, thương mẹ, thương anh chị em, quý trọng các Bậc tôn trưởng trong gia đình huyết thống, quý trọng những Bậc trưởng thượng trong xóm làng, trong quê hương xứ sở. Vì vậy mà khi Thầy ta viên tịch ở nơi quê hương của Thầy ta, từ làng Quy Lai, xã Phú Thanh cho đến huyện Phú Vang, tất cả quý vị đều vào đến tận Quảng Hương Già Lam thấp hương cung kính, tưởng

niệm Thầy của chúng ta. Thầy của chúng ta sống một cách trọn vẹn hiệu đạo, đúng như chân thật. Đối với các Bạc tôn trưởng ở trong sơn môn, ở trong Giáo hội, Thầy ta vẫn hết lòng tôn kính, không bao giờ có một tâm gì khác, chỉ một tâm tôn kính, tôn trọng mà không hề khởi lên một niệm thị hay phi. Do đó, Thầy của chúng ta đã sinh như chơn. Thầy của chúng ta cũng tử như chơn. Thầy của chúng ta đã ra đi một cách nhẹ nhàng, trước khi tịch, chiều hôm ấy, Thầy vẫn chống gậy đi quanh tu viện nhìn chư Tăng, nhìn anh em của mình, nhìn học trò của mình, nhìn cây, nhìn lá, nhìn hoa, nhìn cá bơi, rồi quay về phương tượng trong sự tĩnh lặng, nhiếp tâm niệm Phật và 12h đêm Thầy gọi người thị giả dậy, nấu miến cháo cho Thầy dùng, Thầy dùng xong, Thầy bảo thị giả "con hãy nằm nơi võng để Thầy nằm trên ngựa", thị giả mới chợp mắt, lại mở mắt ra và thấy Thầy của mình đã xả báo an tường một cách tự tại. Đó là tử như chơn, cái chết là thể nhập chơn như, cái chết của Thầy đã thể nhập pháp tính bất sinh, bất diệt.

Thưa tất cả các anh em huynh đệ, các anh chị em huynh trưởng GDPTVN trong và ngoài nước cùng toàn thể Phật tử

các giới có nhân duyên với Thầy, có nhân duyên học với Thầy. Chúng ta làm tượng niệm Thầy của chúng ta, chúng ta không phải chỉ nói văn chương, chỉ nói mây ngàn gió nội, mà chúng ta phải nhìn sâu vào những gì Thầy ta đang có để chúng ta tiếp nhận những cái Thầy ta đang có đó mà thấp sáng đời sống của mình, khiến cho anh em thương nhau thì càng thương nhau hơn, đã quý trọng nhau thì càng quý trọng nhau hơn, ai đã ngã gục trên con đường đi về giác ngộ thì mấy anh em phải bao dung độ lượng tìm cách xây dựng để đừng để một ai bị thối lui trong cõi đời sinh tử. Cho nên chúng ta kế thừa sự nghiệp của Thầy ta là chúng ta kế thừa Pháp mà không phải kế thừa tài sản. Tài sản, đức Thế tôn dạy nó thuộc về năm nhà, không phải của mình. Chỉ có Pháp mới giúp ta vượt qua được sinh tử, hoàn thiện được bản thân mình và chỉ có Pháp mới giúp ta phát khởi được tâm bồ đề, nguyện bồ đề, hạnh bồ đề mà làm lợi ích cho muôn loài chúng sinh. Chúng ta kế thừa Pháp chính là chúng ta kế thừa sự nghiệp mà Thầy tổ của chúng ta đã để lại cho tất cả chúng ta.

Cho nên hôm nay, buổi lễ Pháp hội hoa đăng này, các huynh đệ tổ chức rất trọng thể, cung thỉnh chư Tôn đức Tăng Ni về

đây góp phần cầu nguyện, chứng minh cho tâm thành của các anh em huynh đệ cũng như tấm lòng của anh chị em GDPTVN đã bệch bạch lên bậc Tôn sư, bậc Ân sư của mình. Đó là một cơ hội tốt để mình thể hiện được tấm lòng của mình muốn trình bạch lên Bậc thầy của mình. Tôi thay mặt chư Tôn đức Tăng hiện tiền có lời tán dương việc làm của toàn thể quý vị. Cầu nguyện Tam bảo chứng minh, cầu nguyện lịch đại Tổ sư chứng minh và nhất tâm cầu nguyện Tôn sư của chúng ta phủ thùy chiếu giám chứng minh cho lòng thành của tất cả môn đồ, pháp quyến tại gia, xuất gia, cũng như bà con ở trong thân quyến.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ tát Ma-ha-tát!

AN TOÀN, HẠNH PHÚC VÀ CAO QUÝ CHO NGƯỜI TU

*Trích Bài 01, 02 - Giới Học Hoa Nghiêm,
Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho Tăng Ni sinh
Luật viện Huệ Nghiêm*

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thưa Đại chúng.

Tôi đến với Đại chúng tại Luật viện Huệ Nghiêm với môn học Giới Học Hoa Nghiêm. Trước khi đi vào môn học này, tôi có vài lời chia sẻ đến với quý thầy, quý cô Tăng Ni sinh. Mong tất cả quý vị lắng nghe.

1. Nuôi Dưỡng Thiện Căn

Điều thứ nhất mà chúng tôi muốn chia sẻ với quý thầy, quý cô, đó là nuôi dưỡng thiện căn.

Quý thầy, quý cô thấy, đi tu có khó không? Tại sao chúng ta đi tu được?

Không những đi tu là khó, mà làm người cũng rất khó. Làm

người khó lắm. Phải có phước báo lớn mới làm người, phải có nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên với thế giới loài người thì chúng ta mới làm được người. Thế giới loài người, như trong kinh, đức Phật dạy, có đến tứ châu thiên hạ, mà chúng ta đang làm người ở nơi cõi Diêm Phù Đề là một trong bốn châu, còn ba cõi kia là Bắc-cu-lô-châu, Đông Thắng Thần Châu và Tây Ngưu Hóa Châu. Chúng ta được sinh ra ở trong cõi Diêm Phù Đề này với tuổi thọ một trăm năm, nhưng mà sinh mệnh chúng ta chỉ tồn tại trong từng hơi thở, chứ không phải ai sinh ra cũng đều có tuổi thọ một trăm năm. Trong bốn cõi người, thì con người ở Diêm Phù Đề có tuổi thọ ngắn nhất, bởi vì tuổi thọ Bắc-cu-lô-châu đến một ngàn năm, Đông Thắng Thần Châu và Tây Ngưu Hóa Châu tuổi thọ đến năm trăm năm hoặc hai trăm rưỡi năm, nhưng tuổi thọ của Diêm Phù Đề chúng ta chỉ có một trăm năm. Làm người được sinh ra trong cõi Diêm Phù Đề này, tuy tuổi thọ một trăm năm so với các cõi người khác, nhưng đức Phật nói cũng rất khó, nếu không có phước báo làm người thì không thể sinh ra ở trong thế giới loài người, và Ngài đưa ra một ví dụ: như chú rùa một mắt ở dưới lòng đại dương trăm năm, ngàn năm, năm ngàn năm, cả triệu năm mới nổi lên một lần

mà cái đầu của chú rùa một mắt đó chui vào được nơi một cái lỗ hổng của một khúc gỗ trôi bèo bồng trên đại dương, để nương vào khúc gỗ mục đó mà đi vào đất liền. Như vậy, ước nguyện đi vào đất liền của chú rùa một mắt đó khó không? Khó. Cực kỳ khó. Nhưng đức Phật nói rằng, được thân người còn khó gấp cả ngàn lần, cả triệu lần, vô số lần so với chú rùa một mắt kia. Vậy thì quý thầy, quý cô thấy rằng, chúng ta được thân người này là quá may mắn, quá phước đức.

Lời Phật dạy, chúng ta nhắm đôi mắt lại, chiêm nghiệm và thấy đúng như vậy. Làm sao chúng ta có thể sinh ra được làm người, nếu không có thiện căn, phước đức, nhân duyên làm người? Làm thế nào có thể sinh ra được trong cõi người này, nếu chúng ta không có mẹ, không có cha? Không có mẹ và không có cha thì lấy điều kiện nào để chúng ta có mặt ở nơi cõi người này. Có mẹ mà không có cha, ta cũng không thể có mặt giữa cuộc đời này; có cha mà không có mẹ, ta cũng không bao giờ có mặt giữa cuộc đời này; có cha có mẹ, mà không tương tác với nhau trong sự quan hệ, sự hỗ trợ, thì ta cũng không có mặt trong cuộc đời này; có cha có mẹ, mà không có ông bà tổ tiên nội, ngoại thì ta cũng không có mặt

giữa cuộc đời này, bởi vì không có tổ tiên ông bà nội, ngoại thì làm gì ta có cha, làm gì ta có mẹ; và không có mặt trời, không có quả đất, không có không khí, không có nước, không có lửa, thì làm sao chúng ta có mặt giữa cuộc đời này. Cho nên, đức Phật nói rằng, làm được thân người quá khó, rất khó, cực kỳ khó.

Thế mà ngày nay, chúng ta được thân người rồi, ta có cha, có mẹ, có tổ tiên ông bà nội ngoại, có đồng loại với nhau, có núi rừng, có biển cả, có sông ngòi, có muôn vật như thế, chúng tỏ rằng chúng ta có quá nhiều phước đức, thiện căn về thế giới loài người này, chúng ta đã từng gieo trồng nhiều đời. Thiện căn đó chỉ lớn lên với những ai biết hiếu đạo với cha, với mẹ, biết hiếu đạo với thầy, với chúng Tăng, với Tam bảo, người đó mới có thể nuôi lớn được thiện căn, phước đức làm người, để có điều kiện học Đạo, ứng dụng Đạo vào trong đời sống hàng ngày của mình, từ đó mà thành tựu được tất cả các pháp thế gian. Các pháp thế gian thành tựu một cách tốt đẹp thì chúng ta mới có thể tạo thành phước đức của người xuất thế gian, để trở thành một người xuất gia dễ thương. Người xuất gia dễ thương không phải từ trời rớt xuống, từ

dưới đất vọt lên, từ trong núi nhảy ra, mà là từ nơi một con người dễ thương. Một con người dễ thương thành ra một con người sống giữa đời dễ thương, và một con người sống giữa đời dễ thương mới trở thành ra một người xuất gia dễ thương. Những người xuất gia không dễ thương, vì do họ sống ngay giữa thế gian này chưa từng có phước đức dễ thương, cho nên khi đi xuất gia, họ bị què quặt ở trong đời sống của người xuất gia. Phước báo thế gian chưa có, làm sao có thể thừa hưởng được phước báo của người xuất gia. Cho nên, khi các thầy, các cô thợ Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni giới, vị Giáo thọ sư hỏi rất rõ về các già nạn. Khi ra giữa Tăng yết-ma, vị Tăng yết-ma hỏi quý vị rất rõ ràng về các già nạn và phải trả lời đúng với sự thật; và nếu một trong các già nạn đó rơi vào ở trong đời sống của chúng ta thì Tăng sẽ từ chối, không bao giờ tác thành giới thể Cụ-túc cho mình. Nên, nhiều người xuất gia mà không thành công là bởi vì không có căn bản của phước đức làm người, không có hiếu với cha, không có hiếu với mẹ, không có hiếu với tổ tiên ông bà, không có những hành xử đầy nhân bản và nhân tính giữa con người với con người, thì người đó dù có xuất gia ở chùa mười ngày vẫn không thành ngày nào hết, cạo đầu mặc áo thì cũng cho vui

và mặc cho vui vầy thôi, chứ không dính dáng gì đến người xuất gia hết, bởi vì phước đức của họ không thể.

Vì vậy, trong Giới kinh Phạm Võng dạy cho chúng ta rằng, khi đức Thế Tôn thành Đạo, sau đó Ngài kết tập Ba-la-đề-mộc-xoa, tức là kết tập Giới luật, mà nội dung Giới luật đó là: "Hiếu thuận phụ mẫu, Sư, Tăng, Tam bảo; hiếu thuận chí đạo chi pháp; hiếu danh vi giới; diệt danh chế chi".

- Như vậy, Giới là gì? Đạo đức là gì? Đạo đức thế gian, đạo đức xuất thế gian là gì? Đó là hiếu thuận phụ mẫu, tức là hiếu thuận với cha mẹ, với thầy, với chúng Tăng, với Tam bảo. Hiếu thuận là pháp đi tới chỗ chí đạo. Chí là đến, đến cái chỗ cùng tột của Đạo, đến cái chỗ rộng lớn của Đạo.

- "Hiếu danh vi giới": Hiếu gọi là Giới, Sīla, hay là Ba-la-đề-mộc-xoa, tiếng Phạn gọi là Pratimokṣa, tiếng Pāli là Pratimokkha. Cho nên, Hiếu gọi là Giới, là đạo đức.

- "Diệt danh chế chi": cũng gọi là chế ngự và đình chỉ hết thảy điều ác.

Hiếu thuận phụ mẫu, đây là đạo đức thế gian, là thể hiện đối

với gia đình huyết thống của chúng ta tốt đẹp. Bất hiếu phụ mẫu thì làm thế nào mà có đạo đức của thế gian. Chúng ta không tôn kính cha, không tôn kính mẹ, thì làm sao chúng ta có cha, có mẹ, để chúng ta được sinh ra cho đúng ý nghĩa phước báo. Nên, hiếu thuận phụ mẫu chính là chúng ta sống đúng với đạo đức thế gian. Không có đạo đức thế gian thì nói gì đạo đức xuất thế gian. Mà muốn có đạo đức của thế gian thì phải hiếu thuận với cha mẹ; và do hiếu thuận với cha mẹ như vậy, nên đình chỉ hết thầy điều ác ở trong thế gian. Khi cái ác của thế gian đã đình chỉ, thì cái thiện ở trong thế gian sinh ra.

Sư, Tăng, Tam bảo: Sư là Thầy, Sư trưởng. Thầy đây là vị Giáo thọ sư, vị Thầy dạy dỗ cho chúng ta biết được đạo đức để nương vào đạo đức mà tu học, vị Thầy dạy cho ta nhân nghĩa để ta nương vào cái nhân nghĩa đó mà hoàn thành nhân cách, tạo thêm phước báo cho mình. Sư, là vị Thầy thế độ cho chúng ta xuất gia, vị Thầy y chỉ cho chúng ta tu học. Nên Sư chính là nhấn mạnh đến vị Giáo thọ A-xà-lê. Trong Luật Tiểu có dạy: "Thị Giáo thọ A-xà-lê như thị Phật" = "Kính trọng vị Giáo thọ A-xà-lê như kính trọng đức Phật", bởi vì chúng ta biết được nhân nghĩa thế gian để sống cũng từ nơi

vị Giáo thọ A-xà-lê dạy cho, chúng ta biết đạo lý xuất thế gian để sống cũng từ nơi vị Giáo thọ A-xà-lê, cho nên vị Giáo thọ là vị nuôi lớn thiện căn của chúng ta. Chúng ta có thiện căn, có căn lành, mới được sinh ra làm người từ nơi người cha đạo đức, từ nơi người mẹ đạo đức. Cho nên, trong Phật giáo, người mẹ, người cha là tiêu biểu của trí tuệ, tiêu biểu cho từ bi. Chỉ có trí tuệ và từ bi mới nuôi dưỡng được thiện căn, phước đức của thế gian và thiện căn, phước đức xuất thế gian. Chúng ta có được cái hiểu biết đó là từ nơi vị Giáo thọ A-xà-lê, từ nơi Sư trưởng của chúng ta.

Và Tăng là phước điền, là ruộng phước để cho chúng ta gieo trồng phước đức, nuôi lớn phước đức thế gian, nuôi lớn phước đức xuất thế gian; nuôi lớn phước đức của thiện hữu lậu và nuôi lớn phước đức của thiện vô lậu. Tăng là ai? Bốn vị Tỳ-kheo như Pháp, sống với nhau hòa hợp, thanh tịnh. Tôi nói rằng, bốn vị Tỳ-kheo như Pháp mới gọi là Tăng. Tỳ-kheo như Pháp là Tỳ-kheo như thế nào? Đó là vị Tỳ-kheo được Tăng tác pháp yết-ma bạch tứ đúng như Pháp, nghĩa là người thọ Giới đúng Pháp, túc số Tăng như Pháp, Hòa thượng như Pháp, yết-ma như Pháp, giới thể Tỳ-kheo mới phát sinh, thì

Tỳ-kheo đó mới gọi là gọi là Tỳ-kheo đúng Pháp. Và bốn vị Tỳ-kheo như vậy sống với nhau hòa hợp, thanh tịnh trong Pháp và Luật của đức Thế Tôn, hay là bốn vị Tỳ-kheo-ni như vậy sống thanh tịnh, hòa hợp ở trong Pháp và Luật của đức Thế Tôn gọi là Tỳ-kheo Tăng, mà bên Ni thì gọi là Tỳ-kheo-ni Tăng, tức là Tỳ-kheo thuộc về Tăng và Tỳ-kheo-ni thuộc về Ni Tăng. Nên có Tăng-già Nhị bộ. Trong các lễ lớn, các vị làm MC có học, có tu, biết Giới luật, vị đó sẽ nói: "Kính bạch Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni". Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni, nghĩa là Hòa thượng Tăng, Hòa thượng Ni; Thượng tọa Tăng, Thượng tọa Ni; Đại đức Tăng, Đại đức Ni, là Tăng-già Nhị bộ. Còn người MC mà không biết gì Giới luật hết, thì sẽ nói thế này: "Kính bạch Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng, Đại đức Ni".

Vậy, Tăng là phước điền, và Tăng gồm cả Ni Tăng. Bốn vị Tỳ-kheo trở thành Tăng, bốn vị Tỳ-kheo-ni trở thành Ni Tăng. Tăng như vậy trở thành phước điền để cho thế giới trời, người gieo trồng thiện căn, phước đức. Đã có thiện căn thì nuôi lớn; chưa có thì gieo trồng, làm cho nó phát sinh.

Chữ thiện căn trong tiếng Phạn là kuśalamūla, mūla có nghĩa là gốc rễ, kuśala là thiện, là tốt đẹp, cái gốc rễ tốt đẹp, cái gốc rễ cao quý, gốc rễ hạnh phúc trong sáng.

Tam bảo là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

Như vậy Sư, Tăng, Tam bảo, là phước báo xuất thế gian, nói theo ngôn ngữ của thời đại, gọi là gia đình tâm linh, và bên phụ mẫu là gia đình huyết thống. Người xuất gia chúng ta phải vừa có hiếu thuận với gia đình huyết thống, phải vừa nâng cái hiếu thuận của gia đình huyết thống thành gia đình tâm linh. Gia đình huyết thống chỉ có ảnh hưởng đến một gia đình, hay một dòng họ, nhưng gia đình tâm linh ảnh hưởng đến cả trăm họ, không phải chỉ muôn họ mà là muôn loài chúng sinh. Do đó, hiếu thuận phụ mẫu, Sư, Tăng, Tam bảo là pháp đưa tới chỗ rốt ráo của Đạo, chỗ cùng tột của Đạo.

Đức Phật chính vì hiếu thuận phụ mẫu mà xuất gia. Khi Ngài thành Đạo, Ngài về hoàng cung giáo hóa, hướng dẫn phụ hoàng và thân tộc, nên dòng dõi họ Thích có rất nhiều người xuất gia. Và vì cảm nhớ ân đức của mẹ, bà Ma-gia phu nhân, khi mới sinh Thái tử được bảy ngày thì từ trần, sanh lên cõi

trời Đạo Lợi để hưởng phước báo trong thời gian mang thai của một vị Bồ tát Nhất sanh bổ xứ, nên đức Thế Tôn lên cung trời Đạo Lợi thuyết Pháp cho mẹ. Khi Ngài lên cung trời Đạo Lợi thuyết pháp cho mẹ thì nhiều vị Bồ tát xuất hiện ở nơi cung trời này, trong đó có Bồ tát Địa Tạng nói về hạnh nguyện của Bồ tát. Cho nên, đức Thế Tôn mới được gọi là Bạc Đại hiệu, bao gồm cả thế gian và xuất thế gian.

Hiếu đạo như vậy mới gọi là Giới, là đạo đức. Nên Giới là đạo đức, là Giới pháp, nó bao gồm những điều tốt đẹp cho thế gian và xuất thế gian.

Ví dụ, chúng ta nguyện giữ giới không sát sanh, bao gồm cả lợi ích cho thế gian và bao gồm cả lợi ích xuất thế gian; bao gồm lợi ích cho người và bao gồm cả lợi ích cho chính mình. Khi chúng ta phát nguyện giữ giới không sát sanh, thì người khác đâu bị chết bởi chúng ta, họ có lợi; và chúng ta không sát sanh thì chúng ta đình chỉ được cái bất thiện nghiệp đạo sát, nên không tạo ra ác nghiệp để thọ quả báo khổ đau tương lai. Cho nên, nói Giới là đạo đức, vì nó bao gồm cả lợi người, lợi mình, lợi hiện tại và lợi tương lai.

Hạnh phúc lớn nhất của chúng ta là được sống và được tôn

trọng sự sống. Hạnh phúc của người khác cũng vậy. Tội đáng chết mà tha bổng cho sống thì có hạnh phúc nào hơn hạnh phúc ấy nữa, người sắp sửa bị tử hình mà đến giờ phút chót được trát của vua tha bổng cho thì không có hạnh phúc nào lớn hơn cái hạnh phúc này. Như vậy, chỉ giữ giới không sát sanh thôi là đã đưa tới lợi mình, lợi người, lợi hiện tại, lợi tương lai. Vì vậy, Giới được gọi là đạo đức, bao gồm cả đạo đức thế gian và xuất thế gian, và Giới như vậy, đức Phật còn gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, tức là Pratimoksha hay Prātimokṣa. Chữ prati hay prāti có nghĩa là "hướng tới", moksha hay mokṣa có nghĩa là "giải thoát". Giới hướng chúng ta tới đời sống giải thoát, Giới đẩy chúng ta đi tới đời sống giải thoát, tháo tung những hệ lụy khổ đau cho chính mình. Thoát cái gì? Giới đẩy chúng ta thoát khỏi phiền não. Thoát cái gì? Giới đẩy chúng ta thoát khỏi ác nghiệp đạo. Thoát cái gì? Giới đẩy chúng ta thoát khỏi cái bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết, oán đối mà bị gặp gỡ, thương yêu mà bị xa lìa, mơ ước mà bị không thành, thoát khỏi sự chi phối, thôn tính, bức hại lẫn nhau của thân năm uẩn này. Giới đẩy chúng ta thoát khỏi những cái đó, cho nên Giới được gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, tức là Pratimoksha hay Prātimokṣa.

Vậy, chúng ta không có phước đức thì làm sao làm người. Rồi làm người mà không có phước đức xuất gia thì làm sao được làm người xuất gia. Có phải là người, ai cũng xuất gia được đâu. Làm người đã khó rồi, nhưng mà xuất gia lại càng khó hơn. Xuất gia rồi nhưng có phải ai cũng được thọ Giới đâu. Có nhiều người xuất gia đâu có được thọ Giới và có nhiều người xuất gia thọ Giới nhưng mà thọ Giới đâu có đúng Pháp đâu.

Nhiều người xuất gia thọ Giới, nhưng không có Giới, chỉ có giấy thọ Giới, chứ không thành tựu Giới thể. Thọ Giới thì Hòa thượng phải như Pháp, túc số Tăng như Pháp, yết-ma như Pháp và đương sự thọ Giới phải như Pháp. Nên thọ Giới mà được đắc Giới để trở thành Tỳ-kheo chính thức, thành viên chính thức của Tăng bảo là khó hay dễ? Có vị nói rằng dễ, thì cũng đúng, bởi vì thời đại loạn, bởi vì Tỳ-kheo không như Pháp mà vào Bồ-tát làm cho việc Bồ-tát bất thành, Tỳ-kheo không như Pháp mà an cư làm cho việc an cư của Tăng bất thành. Tỳ-kheo không như Pháp đó gọi là tặc trú. Đây không phải là lời thầy Thái Hòa nói mà lời của Luật. Cho nên, Tỳ-kheo không như Pháp xuất hiện ở trong chúng Tăng là phá Tăng. Phá Tăng là một trong năm tội nghịch, đọa vào

địa ngục vô gián. Thọ mạng của địa ngục vô gián là không có kỳ hạn.

Chúng ta đi lượm vàng giả về dùng thì làm sao có hiệu quả được, phải vàng thật thì mới bảo chứng được về mặt tiền tệ chứ. Cũng vậy, phải Giới luật thật mới bảo chứng được đời sống giải thoát. Không có Giới luật, lấy ai bảo chứng cho đời sống giải thoát, lấy cái gì bảo chứng cho đời sống giác ngộ, lấy cái gì bảo chứng đó là ông thầy tu? Một ngàn cái giấy chứng nhận thầy tu mà không đúng Pháp thọ Giới Tỳ-kheo thì cũng không có giá trị. Nhận một ngàn tờ giấy đó mà không đúng Pháp của Tỳ-kheo thì đi vào địa ngục rất nhanh. Cho nên, học để biết chánh-tà, chơn-vọng. Chánh thì làm, tà thì thôi; chơn thì làm, vọng thì thôi; thiên thì bỏ, mà viên thì làm; lớn thì làm, mà nhỏ nhoi quá thì bỏ. Cái tâm lượng mà nhỏ nhoi quá thì sao mà làm thầy tu được. Tâm mà nhỏ nhoi thì chỉ có chui vô ở trong cái rọ mà sống chứ sống với ai được giữa này. Nên, cái gì mà nhỏ nhoi, thấp kém thì buông ra, nó không phải là hướng xuất gia của chúng ta. Thiên lệch không phải là hướng xuất gia của chúng ta. Tà ngụy không phải là hướng xuất gia của chúng ta.

Vậy, hiếu là Giới. Vì hiếu là Giới, nên có hiếu với cha mẹ, Sư trưởng, Tăng, Tam bảo, hành động hiếu đó có khả năng đình chỉ, chế ngự hết thấy điều ác. Không có cái ác nào ác hơn bất hiếu: bất hiếu với cha, bất hiếu với mẹ, bất hiếu với Thầy, bất hiếu với chúng Tăng và phản bội Tam bảo.

Do đó, chúng ta được làm người rồi, mà lại được làm người xuất gia là rất có phước. Thiện căn của chúng ta đã có từ nhiều đời rồi, chứ một đời, hai đời cũng không ăn thua đâu. Để hôm nay chúng ta mặc được chiếc áo này, có cái đầu trọc này thì ta cũng đã từng gieo trồng thiện căn phước đức ở trong Phật pháp tối thiểu là bảy đời. Có cái đầu trọc này, mặc được cái áo này không phải dễ đâu. Chúng ta đã từng có niềm tin kiên cố bất hoại đối với Tam bảo, đã từng là một người con chí hiếu đối với cha mẹ, một người học trò chí hiếu với thầy tổ, thì chúng ta ngày hôm nay mới có được đời sống này đây.

Nhưng mà tôi nói thêm, không phải ai đi xuất gia cũng được học đâu. Có nhiều người xuất gia mà không có cái phước được học. Và có nhiều vị học nhưng không có cái phước được tu. Có nhiều người học giỏi lắm nhưng mà ngồi thiền không được; có nhiều người học giỏi lắm nhưng mà lạy Phật

không được; có nhiều người học giỏi lắm nhưng mà tụng Lăng Nghiêm không được; có nhiều người học giỏi lắm nhưng mà ăn chay không được. Quý vị đừng tưởng dễ ăn chay. Phải có thiện căn phước đức nhiều đời, phải có lòng từ bi lớn, thương người thương vật, thấy được nhân quả nghiệp báo của mình nhiều đời, mới phát tâm đồng mãnh mà ăn chay. Ăn chay là nuôi lớn tâm từ bi của chính mình, giải tỏa mọi thứ oán kết giữa mình với lục đạo chúng sinh. Ăn chay đâu phải dễ. Cho nên quý thầy thấy ai tu mà ăn mặn thì đừng có khinh người ta, thương thôi, và phải tự mừng cho chính mình, nhờ mình có thiện căn phước đức.

Có nhiều em bé khi mới nằm trong thai mẹ là mẹ đã bắt đầu ăn chay, ăn mặn không được, ăn mặn là bị nôn mửa; và có những đứa bé ra đời là không ăn mặn được; thì cái đó là thiện căn phước đức của nó và nó sinh ra ở đâu thì gia đình đó có phước báo. Nên có nhiều đứa bé sinh ra trong gia đình thì bà mẹ trở thành thông minh, sáng suốt, đức hạnh và gia đình làm ăn phôi phới. Nhưng có đứa mới vào trong thai mẹ thôi là bà mẹ đã nôn, đau đủ thứ và gia đình gặp hết chuyện này tới chuyện khác không hay. Nói như vậy để quý vị thấy rằng,

có thiện căn phước đức không phải chỉ hiện tại, mà nó gắn liền với nhiều đời nữa. Cho nên khi các thầy các cô tu hành mà gặp gì khó khăn - chắc chắn sẽ gặp những khó khăn bởi vì con đường này là con đường khó khăn - thì phải nhớ cái thiện căn phước đức của mình mà vượt qua những khó khăn đó, nhớ đến chú rùa một mắt dưới đại dương như trong kinh Bách Dụ mà đức Phật kể, thì tự nhiên những khó khăn trước mắt mình không còn là gì đối với mình nữa. Nên, phải gắng lên. Chắc chắn là khó khăn, mà càng khó khăn là càng thú vị. Đó là cơ hội để chúng ta rèn tâm chí. Ngay cả người đời còn nói "Ví phỏng đường đời bằng phẳng cả/ Anh hùng hào kiệt có hơn ai", huống chi con đường xuất trần thượng sĩ, khó biết mấy. Chúng ta không lập hạnh, lập nguyện, làm sao mà đi trọn vẹn con đường này được.

2. Cẩn Thận Từng Lỗi Nhỏ

Chúng ta có cái sai lầm lớn là vì góp lại những cái sai lầm nhỏ nhỏ. Những sai lầm nhỏ nhỏ mà chúng ta chín chắn thì không bao giờ chúng ta có cái sai lầm lớn. Nên, chúng ta tu thì cố gắng đừng để những cái sai lầm nhỏ nhỏ xảy ra, đừng bao giờ để tội Đột-kiết-la xảy ra, bởi vì tội Đột-kiết-la xảy ra thì có thể

xảy ra thêm tội Tăng-già-bà-thi-sa và có thể đưa tới tội Ba-la-di. Cho nên chúng ta cẩn thận trăm pháp chúng học thì các pháp thuộc về Tăng-tàn hay Ba-la-di không xảy ra. Do đó mà chúng ta phải chín chắn từng lỗi nhỏ thì lỗi lớn không bao giờ xảy ra, mà có xảy ra đi nữa thì do đi từ nơi những cái lỗi nhỏ mà chúng ta bắt giác, chúng ta không cảnh giác.

Nếu quý thầy, quý cô có cơ hội thực tập kinh Tứ niệm xứ qua góc nhìn của Luật học thì quý thầy, quý cô thấy đức Phật dạy cho chúng ta chín chắn từng lỗi nhỏ, không những vậy mà chín chắn từng ý niệm nhỏ khi chúng ta quán chiếu về tâm, nghĩa là tâm khởi lên như thế nào là mình quán chiếu thấy nó đúng như thế ấy, một niệm khởi lên là mình biết nó khởi lên, nó tồn tại thì mình biết nó tồn tại, nó diệt thì mình biết nó diệt, biết rõ tiến trình sinh diệt của nó. Thực sự ra, không có cái lỗi nào mà nhỏ bằng cái lỗi từng ý niệm bất thiện khởi lên. Từng ý niệm bất thiện khởi lên mà chúng ta không cảnh giác, nó sẽ liên hệ đến phiền não, và từ nơi phiền não mà liên hệ đến hành động, từ hành động mà tạo ra nghiệp, từ nghiệp mà tạo ra quả báo, rồi thọ báo. Cho nên, chúng ta phải cẩn thận từng cái tác ý.

Tác ý, tiếng Phạn gọi là manaskāra. Manas là "ý" và kāra là "tác". Tác ý, tức là một ý niệm khởi lên. Khi ý niệm khởi lên thì chưa thể nói nó là thiện hay ác, nhưng nó khởi lên liên hệ đến tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến thì gọi là tác ý bất thiện; và khi một tác ý khởi lên liên hệ đến vô tham, vô sân, vô si, tầm, quý thì gọi là tác ý thiện. Tác ý thiện thì nuôi dưỡng, tác ý bất thiện thì dừng nó lại. Nên, chúng ta phải cẩn thận trong từng ý niệm của mình, trong từng cái tác ý của mình. Đây là một hành giả tu tập Tứ niệm xứ khi quán chiếu về những chủng tử tâm hành vận hành ở nơi tâm. Chúng ta tu thiền, tu Tịnh độ hay tu bất cứ pháp môn nào thì cũng phải luôn luôn nhìn tâm mình xem nó đi theo hướng nào, đi theo hướng bất thiện thì tìm cách đình chỉ nó, đi theo hướng thiện thì làm cho nó phát triển, tức là luôn luôn thực tập pháp Tứ chánh cần. Nghĩa là, tu tập Tứ niệm xứ luôn luôn gắn liền với Tứ chánh cần. Đây là những Pháp hành rất căn bản ở trong Phật giáo, kể cả Nam truyền và Bắc truyền.

Khi chúng ta quán chiếu về tâm hành, thấy ý bất thiện khởi lên, thì nỗ lực làm cho nó đình chỉ và ẩn diệt; thấy những hạt giống ác chưa khởi lên, thì nỗ lực làm cho nó không lớn lên,

không phát sinh; và quán chiếu thấy điều thiện chưa phát sinh thì nỗ lực làm cho nó phát sinh; và thấy điều thiện đã phát sinh thì nỗ lực làm cho nó phát triển.

Thiện là gì? Thiện là vô tham, vô sân, vô si, tín, từ, quý, khinh an, bất phóng giật, cần. Bất thiện là gì? Là tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, biên kiến, giới cấm thủ; tất cả những cái này thuộc về phiền não. Khi tác ý liên hệ đến phiền não thì nó làm cho chúng ta tác nghiệp bất thiện và dẫn tới quả báo khổ đau trong sinh tử. Còn khi tác ý khởi lên liên hệ đến vô tham, vô sân, vô si, tín, từ, quý,... chúng ta biết đó là thiện, cho nên phát triển và nuôi dưỡng nó.

Chúng ta có tín tâm với Tam bảo rồi thì làm thế nào để phát triển cái tín tâm đó, nỗ lực phát triển tín tâm đó. Ai nói cái gì mà đúng với Tam bảo thì chúng ta lắng nghe, học hỏi; mà ai nói gì không đúng với Tam bảo thì thôi, chúng ta để qua một bên, chúng ta không tạo thức ăn để cho cái bất tín Tam bảo của mình tồn tại, mà phải nuôi dưỡng cái tín tâm của mình đối với Tam bảo. Ai nói gì mà tổn thương đến Tam bảo thì chúng ta thôi, không lắng nghe, đình chỉ nó lại. Ai nói gì mang tính tín tâm Tam bảo thì chúng ta có thể học hành được

từ nơi người đó, nuôi dưỡng nó. Cho nên, nghe cũng là một loại thức ăn, mà nhìn thấy cũng là một loại thức ăn, tiếp xúc cũng là một loại thức ăn. Do tiếp xúc rồi mới cảm nhận, cảm nhận rồi tác ý, tác ý rồi mới nghĩ tới, rồi tư duy. Trong quá trình tư duy, gạt lọc điều đáng làm, điều không đáng làm, điều đáng nhớ, điều không đáng nhớ. Nhờ chúng ta tu tập cẩn thận như vậy, cho nên đi sâu được vào Giới thanh tịnh, Định thanh tịnh, Tuệ thanh tịnh, Giải thoát thanh tịnh, Giải thoát tri kiến thanh tịnh. Nên, tu, chúng ta luôn cẩn thận phòng hộ, đừng để cho những lỗi nhỏ nhỏ xảy ra, xảy ra ngay ở trong não trạng của mình, xảy ra ở trong cảm thọ của mình, đừng để nó xảy ra trong thân hành của mình, đừng để xảy ra ở trong thọ hành của mình, đừng để nó xảy ra ở tâm hành của mình và đừng để cho nó xảy ra ở nơi pháp hành của mình.

Do đó, Tứ niệm xứ và Tứ chánh cần là những pháp rất căn bản để chúng ta tu tập chín chắn từng cái lỗi nhỏ. Trong kinh, đức Phật dạy, vị Tỳ-kheo đi khát thực đúng Pháp thanh tịnh, là vị đó luôn luôn khát thực ở trong Tứ niệm xứ: đi khát thực biết rất rõ mình đi khát thực; đi để thực tập Pháp môn mà vừa để cho mọi người có cơ hội gieo trồng phước đức; có trách

nhiệm với người cúng dường đối với mình; và đi với một cái tâm rất bình đẳng: không vì người giàu mà bỏ người nghèo, không vì người nghèo mà bỏ người giàu, không vì người lớn mà bỏ trẻ em, không vì trẻ em mà bỏ người lớn, đi với một tâm đầy tình thương, bình đẳng, mà trong chánh niệm. Đó là thứ đệ khát thực, tuần tự khát thực từng nhà. Khất thực đúng Pháp như lời Phật dạy không phải dễ đâu, cũng khó lắm, cho nên chúng ta phải hành trì. Khi đi khất thực như vậy rồi, về, đúng giờ Ngọ thì chúng ta dùng, dùng xong rồi thì nghỉ ngơi và thiền tọa. Cho nên trong kinh Kim Cang gọi là: "Nhĩ thời Thế Tôn thực thời, trước y trì bát, nhập Xá Vệ đại thành khất thực. Ư kỳ thành trung thứ đệ khát dĩ, hoàn chí bổn xứ. Phạn thực ngật, thâu y bát, tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa." = "Bây giờ đức Thế Tôn, đúng giờ khất thực, Ngài ôm bình bát, đắp y, đi vào xóm làng khất thực. Khất thực tuần tự xong, Ngài trở về chỗ cũ rồi thọ thực. Thọ thực xong rồi, dọn y bát, rửa chân, trải tọa cụ và ngồi ở trong Chánh niệm, tỉnh giác đặt hơi thở trước mặt mình". Pháp hành như vậy giúp chúng ta hoàn hảo từng cái lỗi nhỏ trong đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, đắp y, rửa bát, rửa chân, trải tọa cụ, tất cả những cái đó đều ở trong Giới hết. Giới phòng hộ khiến cho những điều sai lầm nhỏ

nhất không có xảy ra trong đời sống của một Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni.

Quý thầy, quý cô thấy rằng, căn cơ của chúng ta có thiện căn hoặc kém thiện căn, chứ Pháp của Phật thì làm gì mà có mặt. Nên khi nói Chánh pháp, Tượng pháp, Mạt pháp là nói đến cái thời gian, mà thời gian đó gắn liền với người tu tập. Chữ Pháp của Phật không thực tập thì thôi, còn thực tập giờ trước thì giờ sau đã có kết quả rồi. Chúng ta đi đâu về mệt, mà ngồi yên như thế này, từ từ thở sâu vào bằng tất cả ý thức, chỉ cần khoảng 15 phút thôi là người đã khỏe rồi, có phải không? Khi chúng ta giận ai, chúng ta nhắm mắt lại, theo dõi hơi thở vào và ra thật sâu, chỉ cần 10 phút hoặc 5 phút thôi, là cơn giận của chúng ta đối với người đó lắng xuống rồi. Cho nên, Pháp của Phật không thực hành thì thôi, thực hành là có an lạc ngay trong đời sống này.

Khi có người chọc tức mình, chúng ta đừng nhìn họ nữa, bởi vì nhìn họ là chúng ta dễ nổi giận, cũng không nghe họ nữa, chúng ta nhắm mắt lại và theo dõi hơi thở ở chính mình mà thôi, để coi thử tâm hành của mình lúc đó như thế nào, rồi tiếp tục thở vào thở ra, thở vào thở ra, chúng ta ý thức rất rõ, thì

con giận đi qua khi nào không biết, chúng ta trở lại với tâm thái nhẹ nhàng, khinh an. Cho nên, đức Phật nói: "Pháp của Như Lai không tu thì thôi, tu là có kết quả ngay trong đời này".

Nhưng mà dễ gì, phải không? Khó. Bởi vì chúng ta nhiều đời nhiều kiếp sống theo tập khí vô minh, phiền não chồng chất quá nhiều. Bây giờ chúng ta biết thì biết đó, nhưng mà phải công phu tu luyện, phải có một Chúng tu hành với nhau, động viên nhau, người mạnh giúp cho người yếu, nói theo ngôn ngữ thời đại là "Không bỏ lại ai phía sau". Cho nên ở trong Chúng tăng, các Tỳ-kheo chứng A-la-hán rồi luôn luôn chăm sóc các Tỳ-kheo còn hữu lậu. Ngài Xá Lợi Phất, một vị thầy như vậy, một vị trí tuệ như vậy, mà đôi khi các thầy Tỳ-kheo trẻ còn chụp mũ Ngài, còn vu khống Ngài. Trong kinh nói rõ những điều như thế. Nhưng không phải vì vậy mà ngài Xá Lợi Phất không thương các thầy Tỳ-kheo đó. Bởi vì biết vị đó hữu lậu pháp rất nhiều, cho nên thường quan tâm. Khi chúng ta quan tâm ai thì rõ ràng cái hạnh phúc tới với chúng ta trước. Chúng ta thương ai thì chúng ta hạnh phúc trước, mà giận ai thì chúng ta khổ đau trước, phiền muộn trước, phải không? Cho nên ở trong Chúng, mấy thầy, mấy cô cứ đi

tìm người không dễ thương mà thương. Chúng ta thương người không dễ thương là chúng ta được hai, ba chuyện luôn. Họ càng không dễ thương thì chúng ta lại càng thương họ thêm. Đó là cái nghĩa của Thiện hữu tri thức, đó là Chúng đồng học. Thầy tổ của chúng ta đã thực hành như vậy, cho nên mới duy trì được Phật giáo Nam truyền, Bắc truyền khắp cả thế giới, chứ không phải dễ đâu.

Nên, điều thứ hai mà chúng tôi muốn chia sẻ là cẩn thận từng cái sai lầm nhỏ, đừng để cho nó xảy ra. Mà sai lầm nhỏ, nó bắt đầu từ tác ý không lành mạnh. Tác ý đó chỉ có thiền tập, chỉ có thiền quán mới thấy thôi. Thầy tổ của chúng ta thấy sâu lắm, phân tích cho chúng ta kỹ lưỡng lắm. Chúng ta rất may mắn. Chúng ta rất may mắn được làm người, rồi được làm người xuất gia, rồi được tu học. Điều ấy là điều quá may cho tất cả chúng ta.

Như vậy thì thời nay là Mạt pháp hay Chánh pháp? Mạt pháp cũng có, mà Chánh pháp cũng có, mà Tượng pháp cũng có, mà không phải Chánh pháp cũng có, không phải Tượng Pháp cũng có, không phải Mạt pháp cũng có. Thiện căn của chúng ta mạt thì ở trong Chánh pháp cũng mạt thôi. Mà thiện căn

của chúng ta đã được gieo trồng nhiều đời, phước đức, thì ngay cách Phật xa chúng ta vẫn gặp được Phật. Có nhiều vị sinh ra cùng thời Phật mà có gặp được Phật đâu. Có nhiều Tỳ-kheo xuất gia với Phật, ở bên Phật mà quây đức Phật quá trời. Học Luật, chúng ta biết Lục quần Tỳ-kheo, Lục quần Tỳ-kheo-ni. Thời Phật đó, mà nhiều học trò cũng làm cho Ngài phiền muộn rất nhiều. Còn bây giờ đây, chúng ta xa Phật đến hơn hai ngàn năm mà nhiều vị vẫn tu rất dễ thương, rất tinh cần, sống chết với Đạo, nghe ai chê Đạo là nước mắt chảy ra, tim can như bị đâm nát.

Nhiều vị Phật tử tội lỗi. Ai mà chê các thầy các cô, dù là Nam tông hay Bắc tông, Nam truyền hay Bắc truyền, Phật tử đều khóc hết; chứ không phải chê Nam truyền là Phật tử Bắc truyền khoái đâu, không có đâu. Phật tử thật sự thì ai chê mấy thầy Nam truyền, Bắc truyền, Nam tông, Bắc tông gì, họ cũng khóc hết. Bởi vì họ biết, đã là vàng thì có chia đôi vẫn là vàng thôi. Từ một thỏi vàng mà chia hai ra thì bên này vàng, bên kia cũng vàng thôi. Chẳng qua, phương pháp hoằng Pháp tùy theo quốc độ, tùy theo địa lý mà có Nam truyền, Bắc truyền. Còn giống như biển cả chỉ có một vị mặn,

Giáo pháp của đức Thế Tôn chỉ có vị giải thoát.

Cho nên, quý thầy, quý cô cố gắng tu học, chín chắn từng lỗi nhỏ, đừng để xảy ra. Hễ xảy ra là chúng ta bị rơi vào biên kiến, mà biên kiến là tà kiến. Nghiêng về bên này, nghiêng về bên kia, là chúng ta bị rơi vào tà kiến. Mà tà kiến là biên kiến. Nên tu mấy cũng không thành công.

3. Nếp Sống Thiểu Dục Tri Túc

Vinh quang của người đời là thành tựu ngũ dục, nhưng vinh quang và cao quý trong đời sống của những người tu hành là thành tựu nếp sống thiểu dục tri túc. Người xuất gia tu hành có cách nhìn rất khác đối với người đời về sự hạnh phúc, về sự an lạc, về sự vinh quang, khác nhau một trời một vực. Cho nên sáng nay, quý thầy tại Luật viện Huệ Nghiêm ăn cơm, tụng kinh Bát Đại Nhân Giác, trong đó, điều giác ngộ thứ hai của bậc đại nhân là: "Đa dục vi khổ, sinh tử bị lao, tùng tham dục khởi; thiểu dục vô vi, thân tâm tự tại". Nếp sống của Thiền môn, nếp sống của Tự viện, nếp sống của Luật viện là nếp sống thiết lập trên nền tảng thiểu dục và tri túc. Đó là điểm văn minh của chúng ta.

Không phải chỉ đức Phật dạy cho chúng ta đa dục vi khổ, mà các Bậc có trí ở trong đời cũng dạy cho chúng ta tham dục nhiều là khổ nhiều. Đức Thế Tôn dạy ở trong Khổ Thánh Đế, có ba cái Khổ rất căn bản, mà chúng ta tu tập cần quán chiếu: cái Khổ thứ nhất là Khổ Khổ, cái Khổ thứ hai là Hoại Khổ, và cái Khổ thứ ba là Hành Khổ.

Khổ Khổ là sao? Khổ Khổ có nghĩa là, từ Tập đế, là nguyên nhân của Khổ đau sinh khởi Khổ đế; rồi từ nơi Khổ đế, thọ cái quả Khổ mà tiếp tục tạo cái nhân Khổ; chúng ta huân tập cái nhân Khổ đó trở thành chủng tử Khổ có mặt trong tâm, từ đó biểu hiện kết quả Khổ khi hội đủ nhân duyên. Cứ như thế mà đời này qua kiếp khác, trôi lăn trong sinh tử. Hết khổ đời này tới Khổ đời khác, hết cái Khổ của loài địa ngục thì sinh ra cái Khổ của loài ngạ quỷ, hết cái Khổ của loài ngạ quỷ thì sinh ra cái Khổ của loài súc sinh, hết cái Khổ của loài súc sinh thì sinh ra cái Khổ của a-tu-la, hết cái Khổ của loài a-tu-la thì sinh ra cái Khổ của loài người, hết cái Khổ loài người thì lại sinh ra cái Khổ của chư thiên Dục giới, sinh ra cái Khổ của chư thiên Sắc giới, sinh ra cái Khổ của chư thiên Vô sắc giới, cứ như thế mà tạo nghiệp sinh tử hết đời này qua

đời khác, cho nên gọi là Khổ Khổ. Đó là nói một cách tổng quát, còn quán chiếu sâu sắc thì Khổ Khổ có vô số hình thức khác nhau, vô số cách diễn bày khác nhau.

Hoại Khổ là gì? Hoại Khổ tức là cái biến hoại của ngũ dục do chúng ta tiêu thụ và hưởng thụ ngũ dục. Khi lạc thọ do các dục đem lại bị biến hoại thì từ đó sinh ra khổ thống, sinh ra khổ đau. Vì vậy mà gọi là Hoại Khổ. Thêm nữa, gọi là Hoại Khổ là bởi vì do sự biến hoại của thân năm uẩn. Chúng sinh vì chấp thủ thân năm uẩn này là tôi, là của tôi, cho nên khi thân năm uẩn này biến hoại, sự chấp thủ năm uẩn càng lớn bao nhiêu thì sự khổ đau càng thống thiết bấy nhiêu, càng mãnh liệt bấy nhiêu. Khi thân năm uẩn biến hoại thì phân rã và xung đột, nó tạo ra rất nhiều thống khổ cho nhau. Hỏa đại biến hoại để phân rã, thủy đại biến hoại để phân rã, phong đại biến hoại để phân rã, địa đại biến hoại để phân rã, tạo ra nhiều khổ thống đối với sắc uẩn. Khi sắc uẩn phân rã, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn kèm theo nơi duyên biến hoại của sắc uẩn đó mà sinh ra vô lượng khổ thống. Cho nên, gọi là Hoại Khổ. Trong Văn Cảnh Sách, ngài Quy Sơn nói: "Phù nghiệp hệ thọ thân, vị miễn hình lụy. Bẩm phụ mẫu chi

di thể, giả chúng duyên nhi cộng thành. Tuy nãi tứ đại phò trì, thường tương vi bội. Vô thường lão bệnh bất dũ nhân kỳ. Triều tồn tịch vong, sát na dị thể".

Chúng ta đến đây phần nhiều là do nghiệp ràng buộc. Khi đã bị nghiệp ràng buộc rồi thì không muốn sinh cũng phải bị sinh, không muốn vào trong bụng mẹ cũng phải chui vào trong bụng mẹ; rồi khi không muốn ra cũng phải ra, quay đầu đi xuống mà ra; mà nếu có cậu nào, cô nào gan lì không ra, thì tới bệnh viện họ cũng tróc ra; mà nếu cũng không ra nữa thì họ mổ bà mẹ để đem ra. Nên không ra cũng phải ra, mà không vào cũng bị vào. Quý vị thấy, quán chiếu cái Khổ của thế gian đối với cái bị sinh rất khủng khiếp. Cho nên, gọi là Hoại khổ. Hoại khổ do đâu? Do dục tạo ra.

Hành khổ là gì? Hành khổ tức là Khổ do sự chuyển dịch, sự vận hành của tâm thức chúng ta trong ba cõi. Mà đi tới cõi nào chúng ta cũng bơ vơ hết, đi bằng tâm thức không có chủ quyền, hoàn toàn do nghiệp lực thúc đẩy. Cho nên, sinh vào cảnh giới nào, dưới hình thức nào, bước đầu chúng ta cũng bơ vơ hết, chúng ta không biết mình sẽ sinh ra như thế nào. Bởi vì nghiệp lực cảm nên đời sống chúng ta. Chúng ta không

có chủ quyền ở trong thế giới sinh tử, mà chúng ta hoàn toàn thụ động bởi thế giới sinh tử này. Vì vậy mà chúng ta may được làm người, rồi được xuất gia tu học, quán chiếu lời Phật dạy qua cái học tập của mình, qua cái tu luyện của mình, từ đó chúng ta mới có một định hướng tu hành. Nên, muốn thoát khổ thì phải thiếu dục tri túc như Kinh đã nói: "đa dục vi khổ, sinh tử bì lao, tùng tham dục khởi".

Đa dục là khổ. Cái lao nhọc, khổ não của sinh tử là do đa dục tạo nên. Chúng ta tu hành, nhớ lời Phật dạy, nhớ lời Tổ dạy, nhớ lời Thiện tri thức dạy, nhớ lời Thầy mình dạy, chúng ta sống nếp sống thiếu dục tri túc, mới quay được bánh xe sinh tử mà chuyển nó đi tới với đại lộ Niết Bàn, đại lộ an lạc. Càng đa dục thì càng ưu, càng não. Chúng ta thiếu dục bao nhiêu thì ít ưu, ít não bấy nhiêu. Chúng ta tri túc bao nhiêu thì bớt ưu, bớt não, bớt phiền bấy nhiêu, bớt lo lắng bấy nhiêu.

Cho nên, một vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni sống nếp sống thiếu dục tri túc, đó là nếp sống văn minh của bậc Thánh. Chỉ có bậc Thánh mới sống thiếu dục tri túc. Chúng ta sống nếp sống thiếu dục tri túc là đi gần tới với Trung đạo. Đức Thế Tôn dạy giáo lý Bát Chánh Đạo là dạy chúng ta sống đời sống

thiếu dục tri túc để thích ứng với Trung đạo. Trung đạo là bản thể của Bát Chánh Đạo. Trung đạo ở đây là không thiên lệch, không rơi vào biên kiến.

Khi các thầy, các cô thợ Giới, các vị Giáo thọ sư trao truyền cho chúng ta Tứ Thánh Chủng, dạy chúng ta y vào Tứ Thánh Chủng này mà tu hành thì không bị lệch hướng Thánh đạo và sẽ đi tới được với đời sống cao thượng, đời sống bậc Thánh, đời sống giải thoát sinh tử. Do đó, nếp sống thiếu dục tri túc là nếp sống văn minh của chúng ta. Người tu chúng ta chỉ có những nhu cầu tối thiểu chứ đừng có nhu cầu tối đa. Sống không thể không ăn, cho nên chúng ta cũng ăn, nhưng mà ăn trong cái nhu cầu tối thiểu, chứ không phải nhu cầu tối đa; sống không thể không mặc, thì chúng ta mặc trong cái nhu cầu tối thiểu chứ không mặc trong cái nhu cầu tối đa; chúng ta ngủ trong cái nhu cầu tối thiểu chứ không ngủ trong cái nhu cầu tối đa; chúng ta ở trong cái nhu cầu tối thiểu chứ đừng ở trong cái nhu cầu tối đa. Chúng ta mà ở trong cái nhu cầu tối đa thì cả thế gian này phục vụ, cũng không phục vụ nổi đâu; chúng ta mặc trong cái nhu cầu tối đa thì cả thế gian này, ngày nào cũng sản xuất vải vóc hết, cũng không đáp ứng

được cái nhu cầu của chúng ta đâu.

Nhờ những nhu cầu tối thiểu đó, chúng ta tồn tại và có điều kiện, có thời gian để thực hành Giáo pháp, chiêm nghiệm Giáo pháp từ đức Thế Tôn chứng ngộ và tuyên thuyết, Thầy tổ giữ gìn cho đến thế hệ chúng ta ngày nay, trải qua bao nhiêu sự thăng trầm, bao nhiêu khó khăn. Công đức của Phật không thể nghĩ bàn đối với chúng ta đã đành rồi, nhưng mà công đức Thầy tổ đối với chúng ta cũng không thể nghĩ bàn đâu. Công đức hoàng Pháp của Thầy tổ cũng rất vĩ đại. Không phải khi không mà người đời biết các thầy, các cô, chấp tay kính lễ chào "Nam mô A Di Đà Phật" đâu, không đơn giản đâu. Khi chúng ta gặp một người mà chấp tay chào "Nam mô A Di Đà Phật. Con bạch Thầy, con bạch Sư, con bạch Sư bà, Ni trưởng", là chúng ta phải nghe và thấy bằng tất cả tâm lòng, bằng tất cả sự biết ơn Thầy tổ.

Thế gian tham, kiêu ngạo. Họ đạt tới cái ngũ dục là kiêu ngạo lắm, làm gì biết chấp tay chào quý thầy, quý cô. Nhưng mà đôi khi một vị quốc vương cúi đầu trước Chúng tăng, một người giàu có cúi đầu trước Chúng tăng. Không những vậy mà chư thiên Dục giới, Đế Thích, chư thiên Sắc giới, Phạm

vương cũng cúi đầu trước Chúng tăng, trước Tam bảo. Công phu như vậy, không phải một sớm một chiều mà có được đâu, phải là công sức tu hành của đức Phật, công phu tu tập của Thầy tổ, để chúng ta mới có được một sự cung kính từ người khác. Nếu chúng ta không hoằng Pháp lợi sanh, thì khó mà báo đáp được cái ân đức của Thầy tổ, của Tam bảo. Nên, Luật viện Huệ Nghiêm, không phải đào tạo các thầy học Luật xong rồi ra nhập thất, mà ra "Hoằng dương Luật học". Còn chúng ta nhập thất là nhập thất ngay đây, nhập thất ngay nơi sự tu tập hàng ngày, chứ không phải là ra trường rồi lại đi nhập thất năm năm, bảy năm. Nhập thất thế thì Phật pháp giữa này ai duy trì cho chúng ta, ai phát triển cho chúng ta. Nhiều vị nhập thất xong rồi thì coi thường chư Tăng, chư Ni giữa này, nói: "Chư Tăng, chư Ni giữa này không có tu, lãng xãng, chỉ có mình ngồi yên là tu thôi". Nói như vậy cũng là một cực đoan. Chúng ta phải học đâu tu đó, tu đâu học đó, hiểu ngang đâu thì hành trì ngang đó, hành trì ngang đâu thì đi sâu vào thêm ngang đó. Phật pháp tránh nhất là hí luận, chỉ là lý thuyết suông. Cái đó không phải Phật pháp. Cho nên, chúng ta học ở đâu thì tu ở đó, thực tập ngay ở đó, hành trì ngay ở đó và tiêu hóa Pháp ngay ở trong cái học của mình đã

có. Như vậy thì Phật Pháp mới trường tồn. Mà nếu chúng ta có nhận thức thì phải biết ơn những người chung quanh, biết ơn Thầy tổ, biết ơn người bưng cơm cho mình.

Khi nhập thất, nhiều khi chúng ta dễ nổi sân lắm, mà nhiều cái sân vô duyên lắm. Chúng ta ngồi trong thất yên quá, có mấy vị họ đi dép lệt xệt bên ngoài, mà mình nổi sân. Cái sân có vô duyên không quý thầy? Cái giận có vô duyên không các cô? Họ đi dép ngoài sân là đi theo cái nghiệp chủng của họ, chứ họ có cố ý đi để cho chúng ta ngồi trong thất động tâm và nổi sân đâu, thế mà chúng ta tu, ngồi trong thất nghe người ta đi dép ngoài hiên mà nổi sân lên. Cái sân như vậy vô duyên không, vô lý không? Nên, chúng ta phải quán chiếu thật sâu: người đó đi dép lệt xệt như vậy là bởi vì nghiệp của họ, đó là chuyện của họ, không phải chuyện của mình, mà họ cũng không phải cố ý gây cho mình động ở trong thất; thế mà mình ngồi trong thất nghe tiếng động như vậy lại nổi sân lên. Ở trong thất thì phải ở như thế nào, phải tu như thế nào? Trong thất để luyện tâm của mình một cách sâu lắng, luyện cái tâm từ bi của mình, luyện cái tâm biết ơn của mình. Cơm đâu chúng ta ăn, nước đâu chúng ta uống, điện đâu chúng ta

thấp, thất đâu chúng ta ở, xà phòng đâu chúng ta giặt. Nói như vậy để quý vị thấy, tu phải thực tế, đừng có ảo. Do đó, vua Trần Nhân Tông nói:

"Cư trần lạc đạo thả tùy duyên

Cơ tắc san hê khốn tắc miên.

Gia trung hữu bửu hưu tâm mịch,

Đối cảnh vô tâm mặc vận thiên".

Cách giải quyết vấn đề một cách sống động thực tế. Còn nếu Tăng sĩ đi tu mà ai cũng nhập thất hết, ai cũng đóng cửa để thiền hết, tu hết, xã hội nào lo cho nổi. Thời Lý là "thiên hạ bán vì Tăng", thiên hạ hết một nửa là Tăng. Nhiều vị cao đức thì không nói, nhưng nhiều vị lợi dụng bổng lộc của nhà vua rồi đi tu, ai cung phụng nổi. Nói như vậy để cho các thầy thấy rằng, sống thiếu dục tri túc thì ở đâu cũng an toàn hết. Ở trên núi thì có sự an toàn trên núi, ở phố thị thì có sự an toàn phố thị, ở một mình có sự an toàn một mình, ở giữa đại chúng thì có sự an toàn giữa đại chúng. Sinh sự là vì tham, sinh sự là vì sân, vì tà kiến, cố chấp, ngã chấp. Chúng ta ở với ai cũng là nếp sống thiếu dục tri túc thôi. Điều này được đức Phật nhắc

đi nhắc lại trong các kinh điển rất nhiều, từ kinh điển văn hệ A-hàm, văn hệ Nikāya, cho đến các kinh điển thuộc văn hệ Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn hay Hoa Nghiêm. Không có văn hệ kinh điển nào mà đức Phật không nhắc nhở chúng ta sống nếp sống thiểu dục tri túc.

4. Đừng Tự Khen Mình, Chê Người

Chúng ta ở trong Chúng được an toàn là có yếu tố "Đừng tự khen mình mà chê người khác". Ở trong Chúng mà tự khen mình, chê người khác, thì trước sau gì chúng ta cũng rước họa vào thân. Đi tới đâu mà khen mình, chê người là tự rước họa vào thân.

Đây không phải là lời thầy Thái Hòa nói mà là của Phật dạy. Trong Giới kinh Phạm Võng: "Không được tự tán, hủy tha", không được tự khen mình mà chê người khác, nguy hiểm lắm. Nhiều khi chúng ta giả ngu mà sống. Biết hết, nhưng giả ngu mà sống.

"Di-lặc chân Di-lặc,

Hóa thân thiên bách ức,

Thời thời thị thời nhân,
 Thời nhân giai bất thức".

Nghĩa là: "Di-lặc thật là Di-lặc. Hóa thân trăm ngàn ức. Mỗi lúc, mỗi lúc mọi người đều thấy. Nhưng mà không ai biết đó là Di-lặc. Đến khi mà Di-lặc đi rồi thì thiên hạ mới biết đó là Di-lặc". Quý thầy, quý cô có điều gì hay, thông minh, thì cố gắng giữ gìn, ẩn khuất bớt đi, đừng đem khoe. Thứ dỏm mới quảng cáo, thứ thiệt ai đi quảng cáo làm gì. Nhưng mà xã hội bây giờ, cái mốt quảng cáo rất là hấp dẫn, thì không khéo chúng ta tu hành cũng rơi vô cái mốt đó thì nguy hiểm. Nên, có điều hay, nhưng mà không đúng thì lúc chúng ta không nói, không đúng chỗ thì chúng ta không nói, không đúng người thì chúng ta không nói, không đúng việc thì chúng ta không nói, không đúng pháp thì chúng ta không nói. Trầm, bạc hà thì nhan nhản, nhưng trầm thì ở trong núi sâu, thiên hạ muốn tìm trầm, phải ngậm ngải mà tìm thì may ra mới có. Bò tát, Thánh nhân đâu phải nhiều như cát bụi đâu. Cát bụi mới nhiều, chứ châu báu đâu có nhiều; kim cương, vàng đâu có nhiều. Quý thầy, quý cô có dịp đi qua Sri Lanka, tới tham quan chỗ người ta lấy kim cương sẽ thấy, họ đào xuống đến

mấy chục mét, lấy cái đẩy mà lọc, may ra có vài tí thôi, chứ không có nhiều, mà rất nguy hiểm. Cái quý nhất thì khi nào cũng ẩn sâu. Do đó, cố gắng giữ gìn cái giá trị thâm sâu của mình, đừng có khoe khoang.

Chúng ta tự khen mình mà chê người khác thì cái nguy hiểm sẽ xảy ra trong đời sống chúng ta, sự an toàn sẽ không xảy ra trong đời sống chúng ta.

Quý vị nhớ, chê Pháp môn của người khác là càng nguy hiểm nữa. Chúng ta tu được Pháp môn gì thì tự trải nghiệm lấy, còn người ta có Pháp môn khác thích ứng với họ thì họ tu. Đừng có nói rằng "Pháp môn đó không thích hợp, Pháp môn của tôi mới là hay, là số một". Nói như vậy là tự mang họa vào thân.

Đứng trước người khác, đừng khen Thầy tổ mình. Bởi vì chúng ta khen Thầy tổ mình thì người ta có Thầy tổ của người ta. Chúng ta khen Thầy tổ mình cũng có nghĩa là chúng ta tạo ra biên giới, ranh giới với người khi chúng ta nói chuyện. Thầy tổ của chúng ta là của chúng ta, chuyện đó là của chúng ta. Nhưng khi ra giữa, chúng ta đừng có khen Thầy tổ của

mình trước người khác, bởi vì ai cũng có Thầy, ai cũng có Tổ. Có khi chúng ta có phước thì gặp được thầy phạm hạnh, người kia kém phước hơn, họ gặp vị thầy không phạm hạnh. Nhưng mà dù không phạm hạnh vẫn là thầy của người ta. Ông Táo, ông Núc cũng có người thờ. Phải hiểu cho được điều này để mà tu hành, để hoằng pháp lợi sanh.

Có những khách sạn 5 sao, 4 sao, đâu có thờ Phật đâu, đâu có thờ Chúa gì đâu, họ thờ ông Thần tài. Chúng ta tới, nói họ đẹp Thần tài đi, thờ Phật đi, thờ Chúa đi, là sẽ bị người của khách sạn đó đuổi liền, cho rằng chúng ta là loại tâm thần. Vì sao như vậy? Bởi vì chúng ta không thực tập lời Phật dạy, là "đừng nên tự tán hủy tha". Khen mình, khen cái của mình; chê người, chê cái của người thì tự mình rước lấy cái họa vào ở trong chính mình. Chúng ta phải hiểu. Nhân của người ta như vậy, duyên người ta như vậy, quả báo người ta như vậy.

Tôi nhớ câu chuyện Hòa thượng Đức Tâm ở Huế kể cho chúng tôi cách đây gần 50 năm. Ngài nói rằng, ở cạnh chùa có gia đình đó trồng bụi chuối ba lùn, mà cái buồng chuối nằm qua phía bên chùa; khi buồng chuối lớn thì gia đình đó qua vườn chùa, lấy hai cây tre mà chống đỡ buồng chuối; nhưng

khi buông chuỗi chín thì gia đình đó không dùng mà cất lên cúng cho Sư bà Chân Diệu ở gần nơi Nam Giao, mà sư bà Chân Diệu là một người rất bình thường, không có vị trí Giáo hội, không nổi tiếng như Hòa thượng Đức Tâm, quý vị vào trong Google tra sẽ biết Hòa thượng Đức Tâm là bậc Cao Tăng, vị thầy của rất nhiều thế hệ. Hòa thượng kể như vậy và nói rằng: "Cho nên, không có duyên, thì ở một bên đó vẫn không có duyên". Không có duyên rồi thì ở một bên đó cũng không có duyên. Mặc dù mình là một vị lãnh đạo Giáo hội rất uy tín ở thành phố Huế, nhưng mà không có duyên với gia đình bên cạnh chùa. Tại sao? Là bởi vì người ta có nhân duyên với nhau. Đôi khi mình ở bên mà không có duyên, chứ đừng có nói rằng, sao cúng cho bà đó mà không cúng cho tôi, tôi là thế này thế kia. Mình sang quá, đôi khi người ta không cúng được; mình cao quá, đôi khi người ta không cúng được; mình quý phái quá, người ta không gần gũi được. Cũng vậy, đức Phật đức hạnh quá, trí tuệ quá, chúng sanh không tới được. Nhưng mà ông Thần tài, ông Thổ địa thì họ tới được. Mình học giỏi quá, người ta không dám tới, nên đôi khi họ tới một thầy, một cô ăn cau trầu, nói tuếch tuếch toác toác, cười khề khề khà khà vậy thôi, mà

thích. Nói như vậy để quý vị thấy, chúng ta phải biết muôn sự muôn vật giữa này như là chính nó, chứ đừng nhìn theo cách nhìn của chính mình mà nó hỏng đi.

Cho nên, chúng ta gặp vị thầy thanh tịnh thì đó là phúc đức của chúng ta, mà lỡ ra gặp vị thầy không thanh tịnh thì đó cũng là nhân duyên của chính mình, cố gắng tu tập thêm. Khi chúng ta ý thức được đây là nhân duyên, mà thầy mình không thanh tịnh thì mình phải phát cái tâm rộng lớn, ôm ấp cái không thanh tịnh của thầy, bởi vì không phải nhân duyên thì không phải thầy trò đâu. Đừng có đem cái không thanh tịnh của thầy mà khuếch đại ra ngoài, tạo ra nhiều cái không hay cho bản thân, cho thầy, cho Đạo của mình. Không ai khen đâu, nếu chúng ta đi nói xấu thầy mình. Không ai khen đâu, nếu chúng ta đi nói xấu cha mẹ mình. Không ai khen đâu, nếu chúng ta đi nói xấu đất nước mình với người khác, với đất nước khác. Nhớ những điều này mà tu hành. Nên, đừng tự khen mình mà chê người khác. Nguy hiểm lắm, không an toàn đâu.

Chỉ một điều này thôi là quý thầy đi hoằng Pháp được rồi, đi hoằng Luật được rồi. Tức là, chúng ta cố gắng giữ Giới thanh tịnh, không để sai đi một xí xí, nhưng mà đó là chuyện của

chúng ta. Chúng ta giữ Giới thanh tịnh để giúp cho những người không thanh tịnh trở lại thanh tịnh, đó mới là người giữ Giới thanh tịnh. Chứ giữ Giới thanh tịnh để rồi thấy mình thanh tịnh hơn người kia và khinh thường người không thanh tịnh thì sự giữ Giới của chúng ta chưa phải là một sự giữ Giới đúng lời Phật dạy, đúng lời Tổ dạy.

Chúng ta giữ Giới thanh tịnh bởi vì chúng ta có điều kiện, có nhân duyên tốt. Cho nên, chúng ta giữ Giới thanh tịnh để giúp những vị giữ Giới không thanh tịnh trở lại thanh tịnh, thì đó mới là người giữ Giới thanh tịnh. Còn giữ Giới thanh tịnh để thấy mình là người thanh tịnh hơn những người khác thì rõ ràng là rơi vào cảnh rất tẻ nhị, là tự khen mình mà chê người khác, cái tâm ý đó có ở trong chúng ta, thì trước sau gì nó cũng lộ ra và chính cái đó làm nguy hiểm cho ta. Chúng ta tu là để giúp người không tu có điều kiện để tu tập, chứ không phải tu để coi thường người không tu. Chúng ta học là để che chở, bảo hộ, giúp đỡ những người ít học chứ không phải học để khinh người ít học và không phải học để mà buộc người ít học phục vụ mình.

Quý thầy ở Luật viện Huệ Nghiêm hành trì Luật thanh tịnh để

chia sẻ đến những vị Tỳ-kheo chưa có điều kiện thanh tịnh. Cái đó mới là hay của Luật viện Huệ Nghiêm. Nhiều vị Tỳ-kheo không thanh tịnh tới thưa tôi: "Bạch Ôn, con có sơ suất điều này, con có sơ suất điều kia, bây giờ làm sao mà Ôn giúp con". Tôi nói: "Có những điều quý vị sơ suất, một mình tôi giúp được. Nhưng có những điều quý vị sơ suất, thì phải là Tăng mười vị mới giúp được, hoặc Tăng hai mươi vị mới giúp được". Thì có những trường hợp sơ suất, cần "hướng bỉ hồi", thì chúng ta yểm trợ được; nhưng có những cái sơ suất phải tác pháp yết-ma, phải đúng Pháp, phải bạch tứ yết-ma, mà bạch tứ yết-ma thì phải là Tăng năm vị, Tăng mười vị, Tăng hai mươi vị. Như vậy, bây giờ, vị đó chỉ cần tới Luật viện Huệ Nghiêm, có Ôn Viện chủ, có quý thầy ở đó giúp cho.

Một số quý thầy, đôi khi ở với Thầy mình trong chùa, giống như cha con, thầy trò, anh em. Ông cha sinh ra đứa con bị què, thì cũng là con mình chứ, không lẽ nói "đứa què đó không phải của tôi" sao; hoặc bà mẹ sinh ra đứa con bị câm, chẳng lẽ nói "đứa câm đó không phải con tôi" sao? Làm cha, làm mẹ, sinh con mà đui, què, mẻ, sứt gì thì cũng là con của mình. Khi chúng ta đi tu, nhận học trò, học trò chúng ta có thông minh

hay không thông minh, thanh tịnh hay không thanh tịnh cũng đều học trò của mình. Nhưng, bậc Thầy thông minh trí tuệ thì dù người học trò không thanh tịnh vẫn tìm đủ mọi cách cho học trò mình thanh tịnh. Mà nếu mình không đủ duyên để dạy cho người học trò mình thanh tịnh, thì thấy ngài Hòa thượng A, Hòa thượng B mà người học trò mình thường kính trọng, thường nhắc nhở, quý mến, thì mình tới cầu thỉnh vị đó cho học trò mình y chỉ, để cho học trò mình sống được đời sống thanh tịnh đúng như chí nguyện xuất gia của họ. Đó mới là bậc thầy. Bởi vì mình có duyên độ ngang đó thôi, còn thêm nữa thì lại có những vị khác. Nghĩa là, làm thế nào để học trò từ hư mà thành nên, đã nên rồi thì nên thêm, đã thanh tịnh rồi thì thanh tịnh thêm, mà chưa thanh tịnh thì thanh tịnh.

Quý thầy, quý cô học Luật, đọc từng điều luật ở trong Luật Tứ phần của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, quý thầy, quý cô sẽ rung động chảy nước mắt, thương đức Phật. Ngài là Bạc Giác ngộ như vậy, đáng lẽ Ngài phải nói tự tánh thanh tịnh, tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật, đạt tới cái vô niệm, vô tu, vô chứng. Nhưng mà nói vậy thì ai nghe và mấy ai hiểu. Cho nên, Ngài phải nói toàn những chuyện lật vật cho

chúng sinh để chúng sinh thấu hiểu cái lật vật của mình và điều chỉnh cái lật vật đó. Thử hỏi một thầy Tỳ-kheo mà mang váy, tức là an-đà-hội, nhưng đi tới nhà đàn-việt, đôi khi cao hứng quá, ngồi chò hỏ, ngồi gác chân lên, thì ai chịu nổi! Chuyện đó nó quá trẻ con, thế mà đức Phật vẫn dạy: tới nhà đàn việt thì ngồi cho đàng hoàng, đừng ngồi rung đùi, đừng ngồi chò hỏ. Ngài không những nói điều đó mà điều đó còn trở thành một điều luật, một Học giới. Quý thầy, quý cô thấy có thương Phật không, thương Ngài đến chảy nước mắt, đọc Giới luật mà chảy nước mắt.

Rồi đi tiểu mà đức Phật cũng dạy ngồi hay đứng nữa. Đến chỗ ngồi mà tiểu là văn minh thì dạy chúng ta ngồi, đến chỗ đứng tiểu là văn minh thì dạy chúng ta đứng, Ngài còn dạy, nên đứng chỗ nào, nên ngồi chỗ nào nữa. Cha mẹ chúng ta có dạy chúng ta đến như vậy không? Chỉ có Phật. Mà Ngài có phải xuất thân từ tiện dân đâu, Ngài xuất thân từ giai cấp Sát-đế-lợi. Nhưng khi Ngài thành Phật rồi, thì Ngài dạy cho tất cả chúng sinh, cho đệ tử của mình từng điều, từng điều rất là tế nhị. Ngủ thôi mà cũng dạy chúng ta ngủ như thế nào; nằm thôi, cũng dạy chúng ta nằm như thế nào nữa; rồi phơi áo quần, cũng dạy chúng ta

phơi như thế nào: phơi quần đừng phơi quá đầu người ta. Có cái văn minh nào hơn cái văn minh này, có cái đạo đức nào hơn cái đạo đức này, có cái nhân bản nào hơn cái nhân bản này, có cái nhân văn nào hơn cái nhân văn trong lời dạy này: phơi quần đùi, quần lót đừng phơi quá đầu người. Tính nhân bản, tính nhân quyền, tính văn hóa, tính đạo đức, cái tình người quá cao ở nơi đức Phật!

Cho nên, chúng ta rất là may mắn được làm đệ tử của đức Phật, được học giáo lý của Ngài. Mà những lời Ngài dạy không phải lý thuyết. Những lời Ngài dạy chính là cuộc sống và từ nơi đó mà thăng hoa lên, hoàn hảo lên.

Ăn thôi mà đức Phật nói: này thầy, thầy nhìn nơi bát của thầy thôi nghe, ăn mà nhìn qua bát của người khác làm gì. Chúng sanh quen với cái tập tính mình rồi, ưa nhìn qua bát của người kia để coi thử người đó có món gì đặc biệt. Đó là cái tâm so sánh, đi từ nơi cái tự tán hủy tha, tức là nó rất tế nhị. Cho nên chỉ cần thấy chúng ta nhìn nơi bát của người khác thôi là người ta biết cái tâm chúng ta là tâm gì rồi. Tâm chúng sanh là tâm so sánh, tâm bám lấy cái lợi nhuận về cho mình, dù đôi khi mình không ăn, nhưng mà cũng vẫn thích cái đó thôi,

tâm mình nhiều chuyện lắm. Đức Phật biết hết. Cho nên, Pháp của Phật là để trị tâm bệnh của chúng ta, mà tâm bệnh đó là cái gốc rễ của sinh tử, gốc rễ của khổ đau.

Như vậy, chúng ta thực tập Giới học "đừng khen mình, chê người khác", là hạnh phúc, an lạc, an toàn trong đời sống thật sự có mặt. Chúng ta sống với ai cũng được hết, đi đến đâu cũng an toàn hết, đi đến Chủng nào cũng thấy an toàn, ở chùa nào cũng ở được hết, chứ không có chạy lảng xảng từ chùa này qua chùa khác. Chúng ta chạy lảng xảng từ chùa này qua chùa khác là vì cái tính tự khen mình, chê người khác. Chúng ta bỏ trung tâm tu học này, chạy qua trung tâm tu học khác cũng chỉ vì cái tính tự khen mình mà chê người khác.

Có nhiều vị xin ra Phước Duyên ở với tôi, tôi hỏi: "Tại sao phải ra Phước Duyên? Phước Duyên cũng ăn, cũng ngủ, cũng đi, cũng đứng, cũng nằm, cũng ngồi, cũng có nhiều người nhác, cũng có nhiều người siêng, cũng có chó, có mèo, có ruồi, có muỗi, cũng có rác. Có chùa nào mà không có rác. Có chùa nào mà không có ruồi muỗi". Người tu ở trong chùa phải có bản lĩnh để chuyển hóa rác thành phân, tái chế nó lại trở thành ra đồ hữu dụng. Nhưng không có Giới, có Định, có

Tuệ, làm sao mà tái chế được rác trở thành ra đồ hữu dụng. Rồi chúng ta sợ đồng rác này, chúng ta chạy qua đồng rác khác, thì rác nào cũng là rác cả, rác cao cấp, rác thấp cấp, rác trung cấp, rác hạ đẳng, rác thượng đẳng, còn ở trong sinh tử thì có chỗ nào là không rác? Cho nên, chúng ta phải lập hạnh, lập nguyện mà tu, biết mọi sự, mọi vật đúng như chính nó, đừng có lầm lẫn.

5. Hành Pháp Bằng Tín Tâm Và Hạnh Nguyện

Trước khi Hành pháp hay là Tu pháp thì chúng ta phải Văn pháp, Tư pháp.

Văn Pháp bằng tâm nào? Bằng tín tâm. Nghe pháp bằng tín tâm, Pháp mới đi vào trong mình. Nghe pháp bằng hạnh nguyện, Pháp mới đi vào trong mình. Trong Giới Kinh Phạm Võng nói rằng: "Một vị thọ trì Bồ tát giới, nghe trong khoảng 50 dặm có giảng Pháp mà không đến nghe Pháp là phạm vào giới khinh cầu, phạm khinh giới".

Như vậy, chúng ta nghe Pháp, học Pháp, chiêm nghiệm Pháp, hành trì Pháp, phải bằng tín tâm. Cho nên, quý thầy, quý cô phải lưu ý, khi các vị Giảng sư, Giáo thọ sư hay Pháp sư dạy

cho chúng ta, chúng ta phải đem tín tâm thanh tịnh mà nghe. Khi đem tín tâm thanh tịnh mà nghe, thì vị Giảng sư, Giáo thọ sư hay Pháp sư đó, họ có bao nhiêu đều sẽ trút hết cho chúng ta. Đó là cái thông minh của người nghe. Chúng ta nghe như thế nào mà để cho các Ngài có bao nhiêu kinh nghiệm tu hành, có bao nhiêu hiểu biết, chứng ngộ, các Ngài đem trao hết cho chúng ta. Đó là người nghe thông minh. Đó là tín tâm.

Trong kinh Hoa Nghiêm, khi Thiện Tài Đồng Tử gặp Bồ tát Văn Thù đánh lễ và xin chỉ giáo, thì Bồ tát Văn Thù nhấn mạnh đến tín căn thanh tịnh, và có tín căn thanh tịnh mới nhập được Pháp giới tính, mới cầu thiện hữu tri thức và các thiện hữu tri thức mới hết lòng chia sẻ dạy bảo những gì mà quý vị có được.

Cho nên, khi nghe Pháp, chúng ta phải nghe bằng tất cả tín tâm, từ sự thành kính của chúng ta, nghe từ nơi hạnh nguyện của chúng ta. Phải thực sự cầu học, phải thực sự cầu tu, phải thực sự cầu giải thoát và phải thực sự cầu Pháp để làm lợi ích chúng sinh. Nếu chúng ta nghe mà không có tín tâm thanh tịnh, không có hạnh nguyện, cái nghe của chúng ta không

thành, Pháp không đi vào được trong chúng ta. Chúng ta phải khăn gói lên đường cầu thiện tri thức. Nhưng nhiều khi chúng ta chí thành chí thiết mà các Ngài cũng còn không nói. Các Ngài không nói không phải là các Ngài ích kỷ, mà bởi vì không đúng thời, không đúng người, không đúng việc, không đúng chỗ, không đúng pháp.

Quý vị học văn học thiên, ít ra cũng biết được ngài Huệ Khả đến cầu Pháp với ngài Bồ Đề Đạt Ma chín năm. Một sự thách thức rất lớn, rèn luyện tâm chí người đến hỏi, phải có thời gian, không gian như thế nào. Nhưng sau chín năm, ngài Bồ Đề Đạt Ma quay lưng mà nói với ngài Huệ Khả: "Ông đến đây làm chi?" - "Con đến đây cầu pháp an tâm" - "Đưa tâm đây, an cho". Thầy trò nói với nhau cộc lốc như vậy. Lẽ ra phải hỏi: "Chú mi đến đây lâu chưa? Đứng giữa sương tuyết vậy có khó khăn không?". Nhưng Ngài lại hỏi rất cộc lốc. Nếu là chúng ta, chúng ta bỏ về rồi, vì thầy chi mà khó chịu. Nhưng, người cầu Pháp, nát thân này với cỏ cây là vì Pháp, đâu phải vì lời nói, đâu phải vì thái độ khó chịu của Thầy mà bỏ Thầy đi.

Do đó, phải Văn pháp bằng tín tâm, bằng hạnh nguyện. Khi đã có tín tâm, đã có hạnh nguyện rồi, thì ở đâu chúng ta cũng

có thể thực hành Pháp, không gian nào chúng ta cũng có thể thực hành được Pháp, thời gian nào chúng ta cũng có thể biến thành thời gian thích hợp đối với sự hành Pháp của mình.

Vậy, chúng ta nghe Pháp bằng tín tâm, bằng hạnh nguyện, bằng hạnh tâm, bằng nguyện tâm; chúng ta tư Pháp bằng tín tâm, bằng hạnh nguyện, bằng hạnh tâm, bằng nguyện tâm; chúng ta sống với Pháp, thực hành Pháp bằng tín tâm, bằng hạnh tâm, bằng nguyện tâm của chúng ta. Tại vì sao? Vì Giáo pháp của Phật thâm sâu, không có tín tâm làm sao vào được. Dù có trình bày Giáo pháp thế này, thế kia thì cũng chỉ là chữ nghĩa thôi. Thầy trò mới nói với nhau về mặt chữ nghĩa thôi, nhưng nương nơi chữ nghĩa để tín tâm của chúng ta sinh ra và từ đó mà thâm nhập được Pháp. Chứ Phật Pháp không nằm ở nơi chữ nghĩa.

Bất cứ lúc nào, ở đâu, chúng ta cũng phải có tín tâm; bất cứ lúc nào, ở đâu, chúng ta cũng phải có hạnh tâm, nguyện tâm đối với Pháp. Chúng ta đi vào khách sạn, thấy người ta thờ ông Thần tài, chúng ta phải biết rằng tín tâm của Giám đốc và nhân viên ở đây ngang đó và họ ước nguyện gì ở nơi ông Thần tài, thì chúng ta mới hoằng Pháp được. Cách đây 12

năm, tôi đi Miến Điện. Anh hướng dẫn viên đưa tôi đi, khi ngồi trên xe từ Rangoon đến Golden Rock, anh hướng dẫn cho tôi những địa danh, lịch sử từng vùng, rồi khi thư thả, anh chỉ tiếng Miến cho tôi. Sau đó, về, tôi viết cuốn "Miến Điện mặt trời lên". Người hướng dẫn viên của mình, mình cũng hỏi, cũng học, mà học thực sự, hướng gì là thầy mình. Thầy mình là cả một kho tàng kinh nghiệm đối với Đạo, đối với đời, mà nếu mình coi thường thầy thì mình mất đi rất nhiều điều kiện để học hỏi, mất đi rất nhiều điều kiện để tạo thành phước đức. Do đó, các thầy, các cô phải khiêm cung mà học. Đề Bà Đạt Đa là vị phá Tăng. Nhưng ở kinh Pháp Hoa, đức Phật nói: "ông này là thiện hữu tri thức của tôi. Tôi trở thành Bạc Giác ngộ như thế này là có công lao của ông này". Nên, chúng ta học Phật thì phải lấy đức Phật làm gương để mà soi. Cũng điều đó, mà trong văn hệ A Hàm, đức Thế Tôn dạy cho chúng ta như thế nào; trong văn hệ Phương Đẳng, đức Thế Tôn dạy cho chúng ta cách nhìn thế nào; đến Bát Nhã, đức Thế Tôn dạy cho chúng ta cách nhìn như thế nào; rồi đến Pháp Hoa, Niết Bàn, đức Thế Tôn dạy chúng ta cách nhìn như thế nào; rồi đến Hoa Nghiêm thì đức Thế Tôn dạy chúng ta cách nhìn của nó như thế nào. Căn bản là vấn đề đó, nhưng khi học trò

đã có một trình độ chuẩn mực rồi thì Ngài lại nói cao hơn, rồi khi khá lên thì Ngài lại nói cao hơn, và đến cái cao hoàn hảo nhất, đến cái cao hoàn chỉnh nhất.

Cho nên, chúng ta phải tiêu đi cái tính kiêu mạn, cái tính ta đây. Quý thầy, quý cô vào Luật viện này, hãy tự xem như một người mới tái sinh, hồn nhiên vô sự, thì khi đó mấy thầy, mấy cô mới thành công. Quý vị đừng đem sở đắc, sở chứng từ những không gian khác đến đây, nó động chạm liền, không sống nổi đâu. Cứ học cái đã! Hồn nhiên mà học! Ôn Giáo thọ hết lòng hướng dẫn cho, Ôn viện chủ thương, trừ ra quá đáng thì mới trăm mã. Vì chúng ta đến đây để học, không phải đến đây để khoe sở đắc của mình, nên tới đây chúng ta rất khiêm cung, như một người mới tái sinh; tất cả những cái gì không ngoan từ trước có đó thì cứ để đó. Sau khi ra trường rồi, có thêm vốn liếng; cái vốn có của chúng ta có rồi, giờ lại có thêm cái mới nữa, thì chúng ta giàu, tha hồ mà vỗ cánh bay giữa bầu trời rộng lớn mênh mông, thiên hạ đập cánh kiêu nào thì chúng ta cũng vỗ cánh kiêu đó với người ta, có gì mà sợ hãi!

VÌ SAO CHÚNG TA TU HỌC

Trích Giới Học Hoa Nghiêm - Bài 34,

Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho Tăng Ni sinh

Luật viện Huệ Nghiêm

Đại chúng tu yên ổn không? Lạy Phật có vui không? Trì luật có vui không? Vui!

Xin cảm ơn Đại chúng đã tu học dễ thương cho chính mình, đã tu học dễ thương cho Thầy tổ của chính mình, đã tu học dễ thương cho Phật tử, đã tu học dễ thương cho mọi người và đã tu học rất dễ thương cho tất cả chúng sinh.

Chúng sinh không biết Phật đâu. Chúng sinh làm sao mà biết Phật được. Chúng sinh mà biết Phật thì họ không còn là chúng sinh nữa. Cho nên, chúng ta tu tập Phổ Hiền Hạnh Nguyên là tu tập cho chúng sinh: thay mặt chúng sinh mà tu, thay mặt chúng sinh mà lạy Phật, thay mặt chúng sinh mà xưng tán Như lai, thay mặt chúng sinh mà cúng dường, thay mặt chúng sinh mà sám hối nghiệp chướng, thay mặt chúng sinh mà tùy hỷ công đức, thay mặt chúng sinh mà thỉnh Phật chuyển vận Pháp luân, thay mặt chúng sinh mà thỉnh Phật trụ

thế, thay mặt chúng sinh mà thường tùy Phật học, thay mặt Phật mà hằng thuận chúng sinh, và thay mặt Phật mà phổ giai hồi hướng cho chúng sinh.

Cho nên, chúng ta tu Phật, học Phật mà chưa học Phổ Hiền Hạnh Nguyên thì xem như chúng ta đang còn đứng ngoài cửa ngõ của Phật pháp. Học giỏi Phật học mà chưa học Phổ Hiền Hạnh Nguyên thì xem như học Phật của chúng ta chưa hoàn tất. Học Phật mà chưa học Phổ Hiền Hạnh Nguyên là sự báo ân của chúng ta và biết ân của chúng ta chưa tới chỗ sự-lý viên dung. Trì Giới mà chưa học Phổ Hiền Hạnh Nguyên và không hành trì theo Phổ Hiền Hạnh Nguyên thì sự trì Giới đó chưa làm cho Phật pháp trường tồn. Phải nói là, để thọ mạng Phật pháp trường tồn là phải hành trì Phổ Hiền Hạnh Nguyên. Bởi vì khi chúng ta hành trì Phổ Hiền Hạnh Nguyên thì Phật pháp không chỉ lưu thông một vùng, một miền, mà nó lưu thông khắp mọi miền, khắp mọi vùng, khắp mọi con người, khắp mọi chúng sinh. Khi chúng ta hành trì Phổ Hiền Hạnh Nguyên thì Phật pháp không chỉ lưu chuyển ở trong một thế giới mà lưu chuyển cùng khắp vô số thế giới. Quý thầy, quý cô mà tụng Phổ Hiền Hạnh Nguyên qua nguyên

văn mà tôi chia sẻ, thì quý thầy, quý cô sẽ thấy: "Hư không tận, nghiệp và phiền não chúng sanh tận thì nguyện của con mới cùng tận; nhưng, hư không không cùng tận, chúng sanh không cùng tận, nghiệp của chúng sanh không cùng tận, phiền não của chúng sanh không cùng tận thì nguyện của con cũng không cùng tận".

Chỉ có hành trì với cái tâm như vậy, cái trí như vậy, với cái lực như vậy, với cái nguyện như vậy, thì Phật pháp mới tồn tại một cách toàn diện khắp nơi khắp chốn. Và hành trì như vậy thì dung nhiếp tất cả các pháp môn. Còn nếu không hành trì như vậy thì chúng ta được không gian này nhưng mất không gian khác, chúng ta được vùng này thì mất vùng khác, được cho thành phần này thì mất thành phần khác, được cảnh giới này thì mất cảnh giới khác. Nhưng chúng ta hành trì Phổ Hiền Hạnh Nguyện thì bao trùm cả pháp giới. Cho nên, tận pháp giới hư không giới là hạnh nguyện của Phổ Hiền, là tuệ giác của Phổ Hiền.

Chúng ta học Phật mà chưa học Hoa Nghiêm thì xem như giáo lý học Phật của chúng ta chưa trọn vẹn; học Hoa Nghiêm mà chưa học Nhập pháp giới thì Hoa Nghiêm của

chúng ta chưa hoàn tất; học Nhập pháp giới rồi mà chưa học Phổ Hiền Hạnh Nguyên thì xem như Hoa Nghiêm chúng ta chưa có; mà học Phổ Hiền Hạnh Nguyên rồi nhưng chưa hoàn tất được phổ giai hồi hướng thì xem như mười hạnh nguyện của chúng ta cũng chưa xong. Chỉ khi nào chúng ta tu tập mà phổ giai hồi hướng thì khi đó chúng ta mới là của chúng sinh, đạo Phật mới là đạo của chúng sinh và đạo Phật là đạo vì chúng sinh; còn chưa phổ giai hồi hướng thì đạo Phật không phải là vì chúng sinh và người tu Phật cũng không phải là người tu vì chúng sinh mà vì cái tôi của mình dưới hình thức này hay hình thức khác. Khi nào mà chúng ta tu tập đạt tới cái tâm, cái tình, cái trí, cái hạnh, cái nguyện vì chúng sinh mà lay Phật, vì chúng sinh mà xưng tán Như lai, vì chúng sinh mà cúng dường rộng lớn, vì chúng sinh mà sám hối nghiệp chướng, vì chúng sinh mà tùy hỷ công đức, vì chúng sinh mà thỉnh Phật chuyển Pháp luân, vì chúng sinh mà thỉnh Phật trụ thế, vì chúng sinh mà thường tùy Phật học vậy, vì chúng sinh mà hằng thuận họ và vì chúng sinh mà hồi hướng, thì việc ăn cơm, uống nước, mặc áo, tụng kinh, học Luật, học Thiền, học Tuệ, học Tịnh độ, học Mật thừa, hành Bồ tát đạo, làm các nghi lễ, làm việc giáo hội dưới hình thức

này, hình thức khác mới là của Phật pháp; còn không thôi thì chỉ là nhân danh Phật pháp mà đi làm những việc không phải của Phật pháp đâu, cuối cùng là nhân danh Phật pháp mà đi làm những việc vì cái tôi của mình. Vì cái tôi của mình mà làm thì ngoại đạo thiếu chi, đờ chi Phật có mặt. Vì cái tôi mà làm thì chúng sinh, họ làm chứ các thầy đi làm làm chi. Vì cái tôi mà đi học thì chúng sinh, họ đi học ở trường ngoài, chúng ta cần gì mà xen vô mấy cái đó, ngoài đời thiếu chi nữa mà chúng ta làm, đã có quá nhiều người làm.

Cho nên, vì chúng sinh mà chúng ta tu học. Chúng ta hồi hướng cho chúng sinh những gì tốt đẹp nhất, mà chúng ta có được trong tiến trình tu học của mình, thì chúng ta đi đâu là chúng ta an lạc, hạnh phúc và chúng ta có mặt ở đâu là chúng sinh bảo hộ chúng ta ở đó. Nhờ vậy mà Phật pháp không bao giờ bị hủy diệt. Bởi vì, chúng sinh bảo vệ Phật pháp là bảo vệ cái thiêng liêng của họ; chúng sinh bảo vệ các thầy là vì họ bảo vệ cái thiêng liêng của họ; Phật tử tôn kính các thầy là vì tôn kính cái thiêng liêng của họ. Mà chúng ta làm cho họ mất cái thiêng liêng đó thì chúng ta không còn là đệ tử của Phật nữa rồi. Phải không các thầy, các cô?

Có một vị Phật tử nói với tôi: "Thưa Ôn, con có nghe Ôn dạy trong Luật viện Huệ Nghiêm, con học tới bài 33. Nhưng bài 30, 31, Ôn dạy về kính lễ chư Phật, chúng con sau khi nghe bài đó rồi thì lạy Phật thích thú vô cùng, nắm được cái thâm tâm tín giải, cho nên chúng con lạy Phật sung sướng vô cùng, lạy Phật không biết mệt". Mới nghe được Đề nhất đại nguyện: Lễ kính chư Phật thôi, nghe thôi, hành trì thôi, mà lạy Phật không mệt, đi làm việc mà trong xách khi nào cũng có một cuốn Vạn Phật, hễ có thì giờ thư thả là đặt cuốn Vạn Phật ra xướng lạy và cảm thấy hạnh phúc, cảm thấy việc làm của mình có ý nghĩa một cách toàn diện. Lạy Phật cho bản thân, lạy Phật cho cha mẹ, lạy Phật cho Thầy tổ, lạy Phật cho giới xuất gia, lạy Phật cho giới tại gia, lạy Phật cho chúng sinh, lạy Phật cho những người đang còn sống, lạy Phật cho những người đã qua đời. Thấy một cái lạy Phật của mình có giá trị quá, hạnh phúc quá. Một số Phật tử gặp tôi, họ đã thưa như vậy. Và họ thực sự cảm ơn Ôn Thái Hòa, cảm ơn Ôn Huệ Nghiêm, cảm ơn Luật viện Huệ Nghiêm, cảm ơn các thầy, các cô theo học ở đây và họ biết rằng các thầy, các cô theo học ở đây không phải học cho mình mà học cho cha mẹ, học cho Thầy tổ, học cho Phật tử, học cho chúng sinh.

Bởi vì cha mẹ chúng ta không đủ điều kiện để học, chúng ta có điều kiện để học, cho nên chúng ta phải đại diện cha mẹ để học. Anh em chúng ta không có điều kiện để học, chúng ta có điều kiện để học, chúng ta phải thay mặt anh em mình để học. Thầy chúng ta không có điều kiện để học, chúng ta thay thầy mình để học. Mà học để làm gì? Để làm thay thầy, thay anh em chúng ta mà hành trì Phật pháp, khiến cho Phật pháp không bị đóng khung lại ở nơi núi rừng, Phật pháp không bị đóng khung lại ở nơi mấy cái hang cốc, Phật pháp không bị đóng khung lại ở nơi các thiền viện, Phật pháp không bị đóng khung lại ở nơi các luật viện, Phật pháp không bị đóng khung lại ở trong một vài ba cái tịnh viện. Chúng ta học Phật để mở lớn không gian đó ra, đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh. Chúng ta học Phật để mở lớn cái không gian quốc gia ra để đi tới một thế giới giác ngộ hoàn toàn. Chúng ta học Phật là để mở tung tất cả những gì mà chúng ta bị kẹt vào ở nơi ngã, ở nơi sở tri chương, kẹt vào ở nơi nhận thức, kẹt vào ở nơi hệ phái, kẹt vào ở nơi pháp môn.

Ở đời, chúng ta bị kẹt vào ở nơi ngã của đời, bây giờ đi tu, chúng ta kẹt vào nơi cái ngã của đạo, cái ngã của pháp môn,

cái ngã của hệ phái thì xem như là bỏ cái nhà này chạy qua cái nhà khác, bỏ cái kẹt này nhảy qua cái kẹt khác, kẹt nào cuối cùng cũng làm cho mình nghèo đi cả, trối tay trối chân của mình cả. Trong kinh Kim cang cũng như kinh A-hàm, kinh Nikāya nói câu chuyện người bắt rắn, trong đó nói chuyện là "pháp còn ung xả hà huống phi pháp"- pháp còn phải buông huống là không phải pháp. Vì vậy mà chúng ta bỏ cái kiềng sắt, đi kiếm cái kiềng vàng thì kiềng sắt hay kiềng vàng gì mà đã mang nơi cổ thì cũng nặng hết. Cái cổ chỉ khỏe khi nào? Không mang kiềng sắt, không mang kiềng vàng! Chúng ta bỏ cái kiềng sắt, mang cái kiềng vàng cũng làm cho cái cổ mình mệt. Mà có khi mang kiềng sắt còn dễ chịu hơn mang kiềng vàng, ít nguy hiểm hơn. Mang cái kiềng sắt thì ăn trộm không thấy quan trọng chi cả, chứ mang cái kiềng vàng thì mấy đứa ăn trộm theo dõi dữ lắm, đôi khi mình ngủ, hấn còn vô chặt đầu mình để lấy kiềng vàng.

Cho nên, chúng ta học Hoa Nghiêm là để thoát ra, thoát ra một cách triệt để đối với những ý niệm về ngã và pháp, mà không kẹt vào ý niệm về ngã và pháp. Và chỉ có khi nào không kẹt vào ý niệm về ngã và pháp thì khi đó chúng ta mới

thong dong, tự tại mà làm tất cả các Phật sự, khiến cho các Phật sự không chướng ngại nhau; tu tất cả các pháp môn để thấy rằng không có pháp môn nào làm chướng ngại nhau mà tất cả đều hỗ trợ nhau. Thời đại của chúng ta, thời đại mà trong kinh gọi là đấu tranh kiên cố, nếu chúng ta không học Hoa Nghiêm, chúng ta sẽ rơi vào cái bẫy đấu tranh kiên cố của thời đại. Và khi đã đấu tranh kiên cố rồi thì một mất một còn. Nhưng mà ai còn, ai mất? Hai người cãi nhau, ai hơn ai thua? Trong ngôn ngữ Việt Nam, thầy tổ Việt Nam chúng ta nói "cãi bậy", có ai nói "cãi không bậy" đâu! Cãi là bậy! Hai đứa cãi bậy nhau, nghĩa là đứa nào cũng bậy hết, không đứa nào đúng hết. Như vậy, hai thầy Tỳ-kheo mà cãi nhau thì có còn là Tỳ-kheo không? Bởi vì hai ông Tỳ-kheo cãi nhau thì hai ông đều bậy. Cãi bậy chứ không ai nói cãi đúng hết. Hề cãi là bậy. Hai Tỳ-kheo-ni mà cãi nhau là bậy. Mà càng cãi là càng bậy. Dễ sợ chưa! Ngôn ngữ Việt Nam nói rõ ràng: cãi bậy. Cãi làm sao đúng được. Cho nên trong Phật pháp, có một loại thiền định gọi là thiền định Vô tránh tam muội. Khi cái tâm có một sự định tĩnh rồi, nhiếp phục được cái phiền não hơn thua ở nơi tâm rồi, thì thiên hạ có nói chi chúng ta cũng xem như không có chuyện chi. Đúng, chúng ta không

thèm đề ý; sai, chúng ta cũng không thèm đề ý. Đúng mà đúng của thế gian thì cũng không có chi đúng cả. Đúng ở chỗ này thì sai ở chỗ kia; đúng buổi sáng thì sai buổi chiều, đúng với người này thì sai với người khác. Đó là cái đúng của thế gian, cái đúng bị đóng khung. Mà cái sai của người này là cái đúng của người khác, đúng của người này là sai của người khác, đúng lúc này là sai lúc khác, đúng vùng này thì sai vùng khác. Cái đúng, cái sai của thế gian vốn là như vậy. Vì vậy mà thế gian hay sanh ra sự tranh cãi. Và cãi là bậy. Trước hết là bậy với chính mình, mất hết sinh lực, phí phạm sinh khí. Nên trong Luật, có bảy phương pháp gọi là Thất diệt tránh pháp, tức là bảy phương pháp diệt trừ sự tranh cãi.

Học như thế này rồi thì bữa nay mấy thầy đừng cãi nhau nữa nghe. Ai hơn thì để cho người ta hơn; ai giành đi trước thì mình đi sau; mà ai giành đi sau thì mình đi sau nữa cho người ta. Các bậc Thánh hiền còn dạy "bất cảm vi thiên hạ tiên" – "tôi không dám đứng trước người". Nhờ không dám đứng trước người, nên yên. Còn thế gian này có ai ngu đâu mà mình giành người ta để đứng trước. Nên mình đứng trước người ta chỗ này thì người ta cũng giành đứng trước mình

chỗ khác. Chỉ có giáo lý Hoa Nghiêm mới dung thông vô ngại. Đã dung thông vô ngại rồi thì trước là hỗ trợ cho sau, sau hỗ trợ cho trước, nên trước sau đều là bạn bè thân thích với nhau, đều là anh em với nhau, có chi đâu mà giành. Đã là Hoa Nghiêm rồi thì trong là hỗ trợ cho ngoài, ngoài hỗ trợ cho trong, có chi đâu mà trong với ngoài. Thầy đi ra làm việc ngoài thì tui lo việc trong, thầy đi làm việc trong thì tui lo việc ngoài, trong ngoài hỗ trợ nhau. Chúng ta chưa từng xa nhau, chưa từng rời nhau, chúng ta chưa hề bỏ nhau, thì có gì đâu mà trong với ngoài. Ai có duyên làm trong thì làm; ai có duyên làm ngoài thì làm. Tôi nhập thất cho quý thầy, quý thầy ở ngoài học cho tôi. Đẹp không! Mấy thầy ở ngoài học là học cho tôi; tôi ở trong nhập thất là nhập thất cho các thầy, tôi thay mặt các thầy mà nhập thất, cái nhập thất của tôi có giá trị không? Vì sao có giá trị? Vì nơi đó rõ ràng đã đặt cái gánh nặng hơn-thua, thị-phi, trong-ngoài xuống, đặt cái ý niệm đó xuống. Loại cái ý niệm phân biệt đó ra khỏi tâm thức chúng ta, đó là một tiến trình tu tập mà chúng ta phải thấy. Mà chỉ có đi vào thiền định Vô phân biệt trí thì mới có cái trí đó để thấy được cái chân lý đó, khiến cho chúng ta sống ở trong không gian nào cũng an lạc, sống với ai cũng an lạc và

sống với thời gian nào cũng an lạc. Nên bữa ni đừng có cãi nhau nữa nghe không!

Ông Giáo thọ có nói chi thì cứ nghe thôi. Cãi chi! Chạm tới làm chi! Phải nhìn ông Giáo thọ như chính ông Giáo thọ; rồi ông Giáo thọ nhìn học Tăng, học Ni như chính học Tăng, học Ni. Chúng ta tới để giúp nhau. Cần làm vai trò Giáo thọ thì mình ngồi lên vai trò Giáo thọ, không cần làm vai trò đó mà cần xuống làm bếp thì mình cứ xuống làm bếp, chứ có chi quan trọng nơi cái chỗ Giáo thọ với chỗ làm bếp đâu. Quan trọng là ở chỗ mình làm cái này vì cái chi! Chỉ xấu là vì mình làm cái này vì cái ngã của mình. Cái đó mới là cái xấu nhất.

Làm ông vua mà vì cái ngã thì làm ông vua là xấu nhất. Làm người quét đường mà vì lợi ích xã hội, vì sự trong sạch của môi trường thì thà đi quét đường còn hơn ngồi trên bệ rồng. Ngồi trên bệ rồng mà vì bản thân mình, vì dòng họ mình thì càng ngồi càng sinh ra tội lỗi, càng sinh ra oan nghiệt. Còn đi quét đường mà vì môi trường xanh, sạch, đẹp; vì hạnh phúc an lạc của mọi người mà mình có thể đóng góp được một cái nhỏ nhỏ bằng cách đi quét đường, đi lượm rác, thì thà làm công việc này mà thật sự có giá trị. Cho nên, ngồi

trên cao mà vì ngã thì đừng nên ngồi mà nguy hiểm. Làm Giáo thọ mà vì ngã mà làm thì làm Giáo thọ như vậy rất nguy hiểm; làm Hòa thượng mà vì ngã mà làm thì làm Hòa thượng như vậy rất nguy hiểm. Mà cái nguy hiểm cuối cùng là đọa vô địa ngục. Cái ngã càng to thì rớt vô địa ngục càng nhanh.

Khi chúng ta học được giáo lý Hoa Nghiêm rồi, chúng ta thấy được chính trong là ngoài; chính ngoài là trong; chính trên là dưới mà chính dưới là trên; chính thầy là trò mà chính trò là thầy; chính vua là dân mà chính dân là vua, cái hành xử của chúng ta đẹp lắm, cái tâm từ bi của chúng ta lớn lắm. Chỉ vì không biết giáo lý Hoa Nghiêm, không biết lý-sự viên dung, không biết sự-sự vô ngại nên mới cãi bậy. Mà cãi bậy rồi thì đi tới đánh bậy. Người nhà quê hay nói: "hai đứa hấn đập bậy nhau". Hai đứa mà đập nhau thì đứa nào đúng? Đứa nào cũng bậy hết! Nên người nhà quê đã tuyên án rất rõ ràng chứ không cần phải ra tòa án nữa. Trong chùa mà mấy thầy đưa tay đập nhau một cái thì mấy thầy phạm ba-dật-đề! Vì sao như vậy? Vì không hiểu được hại người khác là đang hại chính mình. Mọi sự hiện hữu giữa đời này là hiện hữu để giúp nhau, để hỗ trợ nhau. Chúng ta phải nhìn cái tích cực của nhau. Hoa

Nghiêm là nhìn vào cái tích cực, đó là, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, đều có Pháp tính bình đẳng. Từ nơi Phật tính, Pháp tính bình đẳng đó mà biểu hiện là biểu hiện theo duyên, duyên ngang đâu thì biểu hiện Phật tính, Pháp tính ngang đó.

Do đó, học Hoa Nghiêm thì phải học Pháp giới Hoa Nghiêm; học Pháp giới Hoa Nghiêm thì phải học Thiện Tài Đồng tử; mà học Thiện Tài Đồng tử thì bước đầu phải gặp Văn Thù Sư Lợi và kết thúc phải gặp Bồ tát Phổ Hiền. Biến trí tuệ trở thành hành động. Và hành động đó là hành động toàn triệt vô ngã, và sống trọn vẹn cho tình thương. Giữa này mà không có từ bi là tan nát hết. Có từ bi thì có tất cả, mất từ bi là mất tất cả. Nên, Giới thể của Đại thừa nói riêng, Giới thể của Phật giáo nói chung, các trường phái Phật giáo nói chung đều thiết lập trên nền tảng của tâm từ bi, lấy Đại bi làm thể của Giới.

Khi chúng ta quy y Tam bảo, thọ Năm giới, thì giới đầu tiên là giới gì? Không sát sanh! Không sát sanh chính là từ bi. Và cái từ bi đó được thiết lập trên cái đại thể của tuệ giác thanh tịnh. Không có tuệ giác thanh tịnh thì không thể có điều răn dạy đầu tiên là "không sát sanh" đâu. Đức Phật từ nơi tuệ giác thanh tịnh, từ nơi cái từ bi rộng lớn đó mà Ngài dạy

chúng ta bước đầu là giữ giới "không sát sanh": không tự mình sát, không bảo người khác sát, không thấy người khác sát mà tùy hỷ. Không sát sanh này là còn không sát từ nơi tác nhân, không sát từ nơi tác duyên, không sát từ nơi tác pháp, không sát từ nơi tác nghiệp. Và không sát từ nơi tác nhân, không sát từ nơi tác duyên, không sát từ nơi tác pháp, không sát từ nơi tác nghiệp này liên hệ đến không tự mình sát và không dạy người khác sát, không khuyến khích người khác sát, không thấy người khác sát mà tùy hỷ, tức là không dạy người khác sát nhân, không dạy người khác sát duyên, không dạy người khác sát pháp, không dạy người khác sát nghiệp và không dạy người khác bằng sự tùy hỷ đối với sát nhân, sát duyên, sát pháp, sát nghiệp. Một ý niệm bất thiện khởi lên kéo theo cả một loạt bất thiện trùng trùng duyên khởi, nên chúng ta đình chỉ ngay ở nơi tác nhân của sát, cái niệm sát khởi lên là phải đình chỉ ngay. Bởi vì niệm sát khi khởi lên mà không đình chỉ ngay thì nó sẽ dẫn chúng ta đi rất xa, rất sâu, rất rộng để tạo thành ra nghiệp sát, gây thiệt hại cho bản thân chúng ta và gây thiệt hại cho chúng sinh.

Nên đó lý do vì sao chúng ta giữ giới không sát sanh, lý do

vì sao mà chúng ta phải tôn trọng sự sống, bảo vệ sự sống, không những bảo vệ sự sống của con người, bảo vệ sự sống của các loài vật mà còn bảo vệ sự sống của các loài cỏ cây. Do đó, một Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thì không được cuốc đất, không được nhổ cỏ, phải không? Đó là chúng ta tôn trọng và bảo vệ sự sống. Và đã tôn trọng, bảo vệ sự sống thì chúng ta tôn trọng và bảo vệ sinh môi, môi trường của mình.

Nhưng chúng ta không cuốc đất thì ai cuốc đất cho chúng ta, không nhổ cỏ thì ai nhổ cỏ cho chúng ta? Chúng ta không cuốc đất, nhổ cỏ, thì Phật tử cuốc đất, nhổ cỏ cho chúng ta. Chúng ta không cuốc đất, nhổ cỏ thì chúng sanh cuốc đất, nhổ cỏ cho chúng ta. Như vậy, chúng ta giữ giới không sát sanh là đại vị cho chúng sanh mà giữ giới không sát sanh. Chúng ta đang giữ giới không sát sanh là để yểm trợ cho những người vì chúng ta mà tạo ra những nghiệp bất thiện, hồi hướng cho họ. Chúng ta ngồi trong chùa có cơm ăn, có áo mặc, có nhà ở, rồi chúng ta cho rằng thế gian này là tội lỗi hết cả, chỉ có mình là thanh bạch thôi. Nói như vậy là tà kiến rồi. Chúng ta ngồi trong chùa làm sao có cơm ăn. Cơm đâu mà ăn? Cơm nơi Phật tử, nơi đàn-na thí chủ chứ, nơi chúng

sinh chứ. Phải không? Nhưng chúng sinh ngày nào cũng sát sanh, cũng làm việc này việc khác cả; còn ở trong chùa, chúng ta ăn cơm từ nơi những việc sát sanh của chúng sinh, lao tác của chúng sinh, mà chúng sinh thì cầu uế còn chúng ta ăn cơm đó thì thanh tịnh. Các thầy, các cô học đạo mà hiểu như vậy thì có đúng đạo không? Hiểu sai rồi!

Như vậy, chúng ta giữ Giới thanh tịnh là vì chúng sanh mà giữ. Chúng ta đại diện chúng sinh mà thọ trì Giới pháp, có bao nhiêu công đức trong sự giữ Giới này thì hồi hướng cho chúng sinh, cho những người đã từng vì chúng ta mà làm những việc không lành, vì chúng ta mà lao tác. Trong kinh Duy-ma-cật, nhiều vị tới hỏi Duy-ma-cật vì sao Bồ tát bệnh; Duy-ma-cật nói "Bồ tát bệnh vì chúng sinh bệnh"; "Khi nào Bồ tát lành?"-"Chúng sanh lành thì Bồ tát lành". Tức là đời sống Phật giáo gắn liền với quần chúng, gắn liền với sự thịnh suy của quần chúng, khổ hay vui của quần chúng. Phật giáo chưa bao giờ có niềm vui riêng cho chính mình. Có như vậy mới gọi là Phật giáo. Đó là điều mà các thầy, các cô phải học để thấy giáo lý Hoa Nghiêm.

Vậy, bữa nay lạy Phật không còn là lạy một mình đâu nghe. Chúng ta lạy là lạy cho ai đó? Lạy cho chúng sinh, thay

chúng sinh mà lay. Chúng sinh chưa có điều kiện để lay mà chúng ta may mắn có điều kiện, thì chúng ta phải lay thể cho chúng sinh, rồi tìm đủ mọi cách mà tới với chúng sinh và giúp chúng sinh đứng dậy, thoát ra khỏi cái tư duy của chúng sinh, thoát ra khỏi cái tình cảm của chúng sinh, thoát ra khỏi những cảm xúc của chúng sinh để đi vào cảnh giới cao hơn một chút, là cảnh giới của con người hoàn hảo, cảnh giới của phước báo chư thiên, cảnh giới của các bậc Thánh giải thoát sinh tử, cảnh giới của các vị Bồ tát quên mình cho chúng sinh và cảnh giới của chư Phật có mặt là vì chúng sinh.

Chúng ta không đi tới với chúng sinh thì ai đi tới? Mà chúng sinh là ai? Là chúng ta! Là cha mẹ chúng ta! Là bà con thân thích của chúng ta! Một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, bảy đời, mười đời cho đến pháp giới đa sanh phụ mẫu. Chúng ta thọ thân, rồi bỏ thân, rồi thọ thân, rồi bỏ thân, giữa này biết bao nhiêu người làm cha làm mẹ của chúng ta đời này qua kiếp khác, biết bao nhiêu người là anh, là chị, là em của chúng ta từ đời này qua kiếp khác. Quý thầy, quý cô thấy, có đôi người chưa gặp lần nào, mới lần đầu tiên thấy mà đã thương rồi. Vì sao vậy? Vì sao mới gặp mà đã thương, đã giành cho họ một

không gian trong tâm của mình, một điểm đứng trong trái tim của mình? Vì người đó đã từng có trong trái tim của mình, người đó đã từng có trong tế bào của mình, trong dòng máu của mình, trong tâm thức của mình, trong tư duy của mình, bây giờ đủ duyên gặp là hình ảnh đó hiện ra, nên mình thương liền, quý liền. Và cũng có người mình mới thấy mặt là đã gai mắt rồi, ghét rồi, mà mình chưa từng gặp họ, nhiều khi họ còn bung nước cho mình uống nữa, giặt khăn cho mình nữa. Tại sao? Bởi vì cái ghét đó không phải hôm nay, mà đã có từ nhiều đời về trước, đã nằm trong tế bào của mình, trong dòng máu, trái tim, trong não trạng của mình, nên khi thấy sự không tương thích là hình ảnh dễ ghét khởi lên liền. Vậy rõ ràng thương và ghét trong cuộc đời này của chúng ta không đơn thuần đâu, mà là cả một chuỗi tương tục, duyên khởi. Hiểu như vậy rồi thì chúng ta mới thương, mới sám hối để cái dễ ghét trong chúng ta chuyển hóa ra cái dễ thương, sám hối để cái dễ thương trong chúng ta duy trì và phát triển theo chiều hướng tích cực. Biết rồi, nên chúng ta lạy Phật. Lạy Phật để chuyển hóa tất cả những cái không dễ thương thành cái dễ thương, để cái dễ thương đã có giữa chúng ta với mọi người, với chúng sanh càng lúc càng được tăng

trưởng lên. Thương mà vô sự!

Thương mà vô sự thì bình yên; thương mà hữu sự thì khổ đau. Thương mà vô sự thì niềm tin phát triển; thương mà hữu sự thì trước sau gì cũng thất vọng. Do vậy, chúng ta lạy Phật mỗi ngày để chuyển hóa những cái không dễ thương trong tâm thức thành dễ thương với chính mình; chuyển hóa những hình ảnh không dễ thương trong tâm thức thành dễ thương đối với mình, và chuyển hóa tất cả những oan nghiệt của mình đã do vô minh, nghiệp chướng tạo ra thành tuệ giác và tình thương, trở thành ra những chất liệu hỗ trợ chúng ta tu học.

Quý vị biết không, nhiều vị Phật tử cảm nhận Phật pháp sâu sắc lắm, nhiều vị tụng kinh Pháp Hoa thuộc lòng, lạy danh hiệu đức Phật Thích Ca Mâu Ni qua từng chữ của kinh Pháp Hoa, họ cảm cái đức của Phật đối với chúng sinh, cái ân của Phật đối với chúng sinh. Quần chúng Phật tử với trình độ tu học như vậy rồi mà bây giờ có vài sư, vài thầy, vài sư cô trình độ còn yếu kém, còn phân biệt kỳ thị, còn cho rằng kinh này Phật nói, kinh kia Phật không nói. Thực ra, những tri thức như vậy gọi là ngộ độc tri thức. Trong lúc người cư sĩ tại gia đã giải độc được tất cả những

cái ngộ độc đó rồi thì trong nhà chùa lại có những con người ngộ độc tri thức đó. Ngộ độc tri thức trở thành ra sở tri chướng. Ngộ độc tri thức trở thành ra phiền não chướng. Ngộ độc tri thức trở thành ra nghiệp chướng. Ngộ độc tri thức trở thành ra oán chướng. Cho nên, chúng ta nói một câu bị người ta ghét bỏ. Trong lúc người ta dành cho chúng ta cả một không gian rộng lớn, chúng ta lại nói những điều nhỏ nhen, chật hẹp, tầm thường. Nên bao nhiêu không gian rộng lớn người ta dành cho chúng ta đều mất hết, là do bị ngộ độc tư tưởng, ngộ độc tri thức, ngộ độc học thuật. Rồi một số đứng dậy bênh vực cho những tư tưởng ngộ độc đó lại rơi vào cái tình trạng gọi là ngộ độc tình cảm. Quý thầy quý cô tu thì đừng để cho những cái độc tố này hại mình.

Vậy, lý do gì mà chúng ta tu học? Dù xuất gia hay tại gia, dù là chúng ta đang hành trì Giới pháp nào thì chúng ta cũng phải giải quyết câu hỏi này. Có hai lý do.

Thứ nhất, là tự hoàn hảo bản thân. Nhờ tự hoàn hảo bản thân mà chúng ta đi tới chấm dứt được sinh tử khổ đau ngay trong đời này. Rõ ràng là chúng ta phải hoàn hảo những phước đức chưa được hoàn hảo trở thành ra hoàn hảo. Chúng ta có

phước đức làm người rồi, nhưng làm người chưa hoàn hảo nên phải tu tập để làm con người hoàn hảo. Khi làm người hoàn hảo rồi, chúng ta mới nói tới chuyện chấm dứt sinh tử khổ đau trong thế giới con người.

Thứ hai, là báo đáp ân đức tất cả những gì mình đã từng thọ ân và đang thọ ân, nói cách khác là vì lợi ích chúng sinh.

Chúng ta tu học, vì hai lý do như vậy, nên những bậc có trí trong đời ủng hộ chúng ta, vì chúng ta tu tập rõ ràng là rất thực tế. Tu tập để hoàn hảo bản thân và lợi ích chúng sinh. Hoàn hảo bản thân, nghĩa là hoàn hảo con đường chấm dứt sinh tử. Cho nên, học ở Luật viện xong rồi thì chúng ta phải đi ra. Mà đi ra rồi, thì phải biết cách đi về. Chứ đi luôn thì cũng không ra chi. Mà về luôn cũng không ra gì. Nên mấy thầy ngồi đây học, học xong rồi mà không thích đi ra cũng bị đẩy đi ra, chứ không phải ngồi đây hoài được đâu; mà quý thầy đi rồi quên về cũng bị gọi về. Điều tôi nói đây không phải là điều thầy Thái Hòa suy diễn, mà là điều các thầy đang hành trì, tu tập. Luật dạy, khi Tỳ-kheo an cư xong, hạ mãn, thì được ở lại trong trú xứ an cư đó một thời gian nữa để tiếp thu cái pháp lạc do quá trình an cư đem lại; nhưng sau hạ rồi, Tăng phải

giải đại giới an cư để trả lại giới trường của một trú xứ, nên các Tỳ-kheo ở lại thì cũng mời đi. Nhưng đi đâu thì đi, đến thời điểm an cư thì lo quay về. Chứ không phải đi luôn, rồi nói tôi vì Phật sự, vì chúng sanh mà thực ra là đội lốt, thực tế là vì danh vọng, vì tiền tài, vì bản ngã. Đi như vậy là sai Luật. Đi như vậy thì không còn là Tỳ-kheo, không còn là Bồ tát. Nên đi phải đúng lúc, mà về cũng phải đúng lúc. Bồ tát cũng phải an cư chứ, đâu phải nói vì chúng sanh mà quên đi việc an cư của mình.

Tôi thấy bây giờ, một số các thầy lợi dụng hai chữ "Phật sự". Phật sự là gì? Phật sự là việc quan trọng nhất, đó là việc tỉnh giác. Việc của Phật là việc tỉnh giác. Mà tỉnh giác cái gì? Tỉnh giác đối với sinh tử. Cho nên, tỉnh giác đối với sinh tử là Phật sự. Còn bội giác hiệp trần, sao mà gọi là Phật sự được. Phật sự sao mà bỏ quên tỉnh giác, chạy theo trần cảnh bên ngoài, bắt bóng danh lợi? Đó là đại vọng ngữ. Do đó, từ "Phật sự", các thầy cũng phải nghiêm chỉnh xét lại, chứ đừng sử dụng một cách thiếu trách nhiệm. Phật là tỉnh giác, là chánh biến giác. Phật là từ bi, là đại từ bi. Cho nên, Phật sự là công việc của Phật. Công việc của Phật là công việc

tỉnh giác, công việc chánh biến giác, công việc từ bi, công việc đại từ bi. Vì vậy, làm bất cứ việc gì cũng phải nhớ, tu học của chúng ta là để tự hoàn hảo bản thân, nhờ đó mà chúng ta có ý thức tự giác cao, ý thức tự nguyện cao. Khi chúng ta đã có ý thức tự giác cao rằng, mình tu tập để tự hoàn hảo bản thân thì thầy Giáo thọ đối với mình là gì? Là thiện hữu tri thức, người giúp mình tự hoàn hảo bản thân. Thầy Giáo thọ dạy cho mình cách này, cách kia là để giúp cho mình tự hoàn hảo bản thân. Các vị Giáo thọ thường bị người ta oán, bị người học oán, vì các vị Giáo thọ thường hay nói rất thật lòng, nên thường đụng chạm đến những cái tâm ngái ngủ trong danh vọng của người tu, của người đời. Phải kham nhẫn mới làm Giáo thọ được, từ bi mới làm Giáo thọ được. Giáo viên, giáo sư ở đời cũng vậy, vì thương học trò, thương học viên, sinh viên nên nói những gì chân thật nhất; nhưng khi nói những điều chân thật nhất lại chạm vào những gì sai lầm nhất của người học. Nên, người xưa mới than: "Giáo đa thành oán!".

Khi chúng ta quán chiếu được rằng, chúng ta tu tập là để tự hoàn hảo bản thân thì thầy Giáo thọ hay tất cả những gì chung

quanh chúng ta nhắc nhở chúng ta, tạo điều kiện cho chúng ta tu học đều là ân nhân của chúng ta, ân tình của chúng ta, ân nghĩa của chúng ta, đều là thầy thuốc của chúng ta. Thầy thuốc có khi không chịu bệnh nhân, vì chịu thì không chữa được. Thầy thuốc không chịu bệnh nhân không phải là thầy thuốc xấu mà là thầy thuốc tốt. Vì mục đích của thầy thuốc là chữa lành cho bệnh nhân. Mục đích của nhà giáo dục là chữa lành bệnh ngu si của người học, chứ không là mục đích gì khác. Phải hiểu điều này. Chúng sinh ngu si đầy trong tâm thức của họ, nên khi chúng ta chữa bệnh đó là nó phản ứng. Phản ứng là chuyện của người học, còn người dạy thì phải nắm được cái mục đích để mà dạy, vì tâm từ bi mà dạy. Cho nên, học chúng có bỏ về hết, còn một người, cũng dạy. Mà lỡ ra không còn ai học hết thì cũng thôi, không sao cả, rồi sau đó mình tìm cách khác. Cách dạy này trong kinh Phật đã có. Khi đức Phật nói kinh Pháp Hoa, năm ngàn người bỏ về, gọi là ngũ thiên thoát tịch. Nhưng khi họ về rồi thì đức Phật nói: thôi họ về cũng tốt, không sao, trong đây còn những hạt chắc, còn những con người thiệt. Đức Phật nói vậy nhưng Ngài rất xót xa, nên lo việc cho người chắc rồi, Ngài còn phải lo việc cho người không chắc nữa. Sau đó, Ngài tìm cách để

giáo hóa. Mình không giáo hóa được thì để cho người khác giáo hóa. Mình không thân cận với người hốt phân được thì vẽ mấy người khác mặc quần áo xấu xí đi gần gũi với người hốt phân, bởi vì cái căn cơ của họ ngang chỗ hốt phân thôi, thỏa mãn những cái đó thôi. Bây giờ mình sang trọng, thể này thể khác, thì nó tới nhìn thấy, nó bỏ chạy. Nên thôi, vẽ người khác. Do đó, Ngài không bao giờ bỏ chúng sinh. Càng từ bi bao nhiêu thì phương tiện độ sinh càng linh hoạt bấy nhiêu.

Học được điều này rồi thì các cô, các thầy đừng phê phán các Ôn, các Thầy mình mặt này mặt khác nghe chưa! Cái phương tiện đó chúng ta không hiểu hết đâu. Cái phương tiện đó là một trong mười ba-la-mật của bát-nhã. Chỉ có trí tuệ bát-nhã mới có khả năng sử dụng trí tuệ ba-la-mật và sử dụng phương tiện đó là bằng cái tâm đại bi. Đại bi là vì có đại trí chỉ đạo, đại trí dẫn đường, cho nên phương tiện mà không bao giờ rời cứu cánh, phương tiện mà không bao giờ rời mục đích.

Vậy, lý do gì mà chúng ta tu học? Lý do chúng ta tu học là tự hoàn hảo bản thân và nỗ lực hoàn hảo bản thân từ nơi nghe Chánh pháp, từ nơi tư duy Chánh pháp, từ nơi thực hành

Chánh pháp. Chánh pháp do đâu mà nghe, do đâu mà chúng ta có đề tư duy, đề thực hành? Là do chúng ta thân cận được thiện sĩ. Thiện sĩ đây, tối thượng là Phật, thứ nữa là các bậc A-la-hán hay là các bậc thiện tri thức. Chúng ta nghe được Chánh pháp từ nơi đức Phật, các bậc A-la-hán, từ nơi các bậc thầy, từ nơi các bậc thiện tri thức rồi chúng ta nỗ lực tu học và tự hoàn chỉnh bản thân mình dẫn tới chấm dứt sinh tử khổ đau. Đó là lý do thứ nhất chúng ta tu.

Lý do thứ hai, chúng ta tu vì báo đáp ân đức đối với Tam bảo, đối với tất cả những gì mà chúng ta đã từng thọ ân, đang thọ ân, bằng cách lợi ích chúng sinh. Nghĩa là làm bất cứ cái gì, dù rất nhỏ mà vì lợi ích chúng sinh là chúng ta không từ chối, không bỏ qua. Lượm một cái rác giữa đường vì lợi ích chúng sinh thì cúi xuống mà lượm. Quét toilet vì lợi ích chúng sinh thì hãy sung sướng mà làm. Bỏ tát quét toilet là vì lợi ích chúng sinh thực sự, bởi vì có không biết bao nhiêu là chúng sinh ở trong toilet. Có không biết bao nhiêu là chúng sinh ở trong toilet, mà người không có trí làm toilet thì thiệt hại cho chúng sinh ở trong toilet không tưởng tượng được và làm cho chúng sinh trong toilet phản

úng và giận dữ người quét toilet. Trong lúc đó, Bồ tát đã từng hoàn hảo bản thân mình, đã từng thấy được những khó khăn của bản thân mình và từ đó Bồ tát phát nguyện xuất quét toilet để không gây thiệt hại cho chúng sinh trong đó. Khi đi vào toilet, một vị có Giới đức, một vị Trì giới thanh tịnh làm gì để có lợi ích chúng sinh? Trì giới thanh tịnh không có nghĩa chỉ dừng lại ở nơi không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối...; mà Trì giới thanh tịnh nghĩa là phải bảo vệ chúng sinh dưới bất cứ hình thức nào, trong bất cứ tình huống nào, và trong bất cứ không gian nào mà vị đó có mặt. Nên, đừng nói là vào toilet là không lợi ích chúng sinh! Vào toilet, trước hết là chúng ta đừng để cho cái nhu cầu đi toilet áp lực, thúc bách mình, trong Luật gọi là đừng để nó làm cho mình bị "thăng thoát". Khi có nhu cầu là bắt đầu đi; tới cửa là gõ ba cái, nếu có người trong toilet thì họ đang hắng, nếu không có người trong toilet thì có những loài sinh hoạt trong đó, những loài quý bị quả báo ăn đồ như đang sinh hoạt trong đó mà mắt thường không nhìn thấy, nghe tiếng động là những loài quý đó ngưng lại, tránh ra; nên khi mở cửa toilet ra là chúng ta đứng một bên để cho những loài đó thoát ra; đó là nói trên ý nghĩa tâm

linh. Còn nói trên ý nghĩa khoa học, cái toilet đóng cửa lại thì hơi dưới bốc lên, nhiều uế khí đang còn ở trong không gian nhỏ hẹp đó, khi mở cửa để nó thoát ra ngoài rồi chúng ta đi vào thì cơ thể chúng ta không bị đột quy, không bị ngộ độc, không bị áp lực từ không khí ô nhiễm trong toilet đó. Như vậy thì người trì giới đi tới toilet phải đi như thế nào để lợi ích chúng sinh, để hoàn hảo bản thân mình. Chúng ta biết toilet không có người mà vẫn gõ cửa, vì không có người nhưng mà có phi nhân. Nhớ không các thầy, các cô trì Luật! Chứ không phải trì Luật là học thuộc lòng Luật rồi nói tôi trì Luật. Chưa! Đó mới là ngôn ngữ thôì, phải hành trì kia. Không phải nói tôi trì Luật nghĩa là "Khể thủ lễ chư Phật, cập pháp Tỳ-kheo tăng, kim diễn tì-ni pháp, linh Chánh pháp cửu trú, giới như hải vô nhai, như báu cầu vô yếm, dục hộ thánh pháp tài, chúng tập thính ngã thuyết". Đó là vệt. Đó là usb. Đó không phải trì Luật đâu. Đó là thuộc Luật. Bây giờ, nhiều vị Luật còn chưa thuộc nữa, thì lấy chi mà trì! Luật không trì, lấy gì lợi ích để hoàn hảo bản thân và giúp người khác. Vậy thì khi vào toilet rồi, thì chúng ta phải gõ ba cái nơi bồn, để cho mấy con sâu, con vi khuẩn đang rúc rĩa ở trong hầm xí tránh ra, rồi chúng ta mới ngồi xuống,

quán chiếu bài kệ:

"Đại tiêu tiện thời

Đương nguyện chúng sinh

Khí tham sân si

Quyên trừ tội pháp".

Nghĩa là: "Lúc đại tiêu tiện/ Nên nguyện chúng sinh/Bỏ tâm tham sân si đi/ Dứt hẳn pháp thuộc về tội lỗi". Tham sân si nó cấu uế như những loại cấu uế này, nên cần từ bỏ.

Tu như vậy, mới tu chứ. Không bỏ bất cứ một cơ hội nào để đưa tới lợi mình, lợi người. Không bỏ bất cứ một cơ hội nào để hoàn chỉnh bản thân mình và giúp chúng sinh hoàn chỉnh, trong từng động tác biểu hiện hàng ngày. Đó là hành Hoa Nghiêm. Rồi sau đó, chúng ta dọn cho sạch sẽ, chẳng lẽ đi xong thì để cho người khác dẫm à, phước chúng ta được bao nhiêu mà để cho người khác vô tội chỗ mình đi. Nên đi mà không để bị mất phước, bị tổn phước. Nước dùng nơi đó cũng vừa đủ, không phí phạm, mà cũng không hà tiện. Hà tiện thì không sạch, để cái cấu uế lại cho người khác vào.

Phung phí thì phí của Tam bảo, của đàn-na thí chủ, của chúng sinh, của đất trời. Nên phải vừa đủ. Do đó, đi cầu cũng phải an trú ở trong trung đạo.

Vậy, chúng ta tu học có hai lý do: tự hoàn hảo bản thân và lợi ích chúng sinh.

HUẤN TỪ

NHÂN NGÀY TRI ÂN NHÀ GIÁO 20-11-2023

*Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho các Học chúng
tại chùa Phước Duyên, Huế*

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Thưa toàn thể thành viên của các Học chúng tu học tại trú xứ
Tăng-già-lam Phước Duyên hiện tiền quý mến!

Hôm nay là ngày 20 tháng 11 năm 2023, là ngày Hiến chương
Nhà giáo. Từ nơi nhân duyên này mà quý vị thể hiện lòng tôn
kính các bậc thầy thuộc về gia đình huyết thống, thuộc về đạo
lý thế gian và thuộc về đạo lý xuất thế gian. Ấy là một việc
làm rất cao quý, rất có ý nghĩa nuôi dưỡng thiện căn, phước
đức của mình, đời này và tiếp nối những đời về sau.

Xã hội phương Tây rộn ràng với những thành tựu khoa học kỹ
thuật và có nhiều người đã hưởng thụ khoa học kỹ thuật mà
quên mất đường về. Tuy nhiên, đối với văn hóa người phương
Tây vẫn có ngày lễ Tạ ân. Vào ngày lễ này, những người con
đi xa đều tìm đủ mọi cách để trở về nhà và làm lễ Tạ ân. Tạ ân

cha mẹ, tạ ân những người mà họ đã từng thọ ân. Có nhiều gia đình ở phương Tây đã dựng những hình ảnh cha mẹ hay thầy, hay bạn bè qua đời trước nhà của họ để làm lễ Tạ ân.

Người Đông phương chúng ta, và nhất là người Việt Nam, chúng ta có ngày Rằm tháng bảy, ngày Vu Lan - ngày Báo hiếu, Báo ân cha mẹ, sư trưởng, pháp giới đa sanh phụ mẫu. Và trong thế gian, đời thường thì có ngày 20 tháng 11 hàng năm là ngày Hiến chương Nhà giáo. Tất cả những người học trò tìm cách báo đáp ân đức giáo dưỡng của các bậc Thầy Cô ở trong xã hội. Tổ tiên Việt Nam chúng ta nói rất rõ "Không thầy đố mày làm nên". Câu ấy là câu rất quan trọng để cho những ai mỗi khi nghĩ đến công danh sự nghiệp của mình thì đều nhớ đến công ơn giáo dưỡng của các Thầy, các Cô ngoài đời cũng như trong Đạo. Và những bậc làm Thầy cô ngoài đời trong Đạo của các tôn giáo giáo dục, để con người biết được đạo lý với cái tâm làm thế nào, để tạo ra những thế hệ học trò xứng đáng để tiếp nối những gì tốt đẹp đối với gia đình truyền thống, đối với quê hương tổ quốc, đối với đạo lý của các tôn giáo mà các bậc giáo chủ đã khai sáng và giáo dục.

Cho nên, không có xã hội văn minh nào mà không có ngày Tạ ân, không có ngành nghề nào mà không có Tổ. Thợ vàng có Tổ thợ vàng, thợ nề có Tổ thợ nề, thợ mộc có Tổ thợ mộc, thợ rèn có Tổ thợ rèn, thầy thuốc có Tổ thầy thuốc và giáo dục thì có Tổ của giáo dục. Không có ngành nào mà không có Tổ. Hôm nay ngày Nhà giáo, là ngày biết ơn của người học trò đối với Thầy Cô trong Đạo, ngoài đời. Biết ơn, ấy là biết ơn bởi vì chính bản thân ta, kiến thức, học thức, ứng xử tốt đẹp với đời đều là từ nơi Thầy giáo dục. Cho nên người đời mà là những người đời bình thường thôi, họ cũng biết rằng, đạo lý học trò là luôn luôn tôn kính Thầy. "Nhất tự vi sư, bán tự vi sư" - Thầy dạy cho mình một chữ cũng là Thầy của mình, Thầy dạy cho mình nửa chữ thôi cũng là Thầy của mình. Với đạo lý ấy mà nếu chúng ta biết tôn quý thì sự trật tự và hạnh phúc gia đình sẽ được thiết lập, trật tự và hạnh phúc trong dòng họ sẽ được thiết lập, trật tự và đạo đức xã hội sẽ được thiết lập, và quan trọng hơn hết là trật tự của các tôn giáo sẽ được thiết lập. Vì do học trò quên ơn của Thầy; con quên ơn cha mẹ; người dân quên ơn quốc vương, quên ơn những người lãnh đạo đất nước; người lãnh đạo đất nước quên ơn của những người

con dân đã hy hiến cuộc đời mình cho quốc gia, bảo vệ đất nước; người làm chính quyền quên ơn chiến sĩ, liệt sĩ, quên ơn những người đã hy hiến đời mình cho quê hương xứ sở; do quên ơn mà phước đức bị mòn diệt đi. Mỗi khi phước đức đã bị mòn diệt thì tai họa tự tới, mình không mong cầu nó vẫn tự tới, nó tới vì do phước đức ở nơi chính mình bị mòn diệt, mà phước đức ở nơi chính mình mòn diệt là do vong ơn, quên ơn, phản ơn, bội ơn.

Hôm nay, quý vị nhớ ơn của chư Tăng giáo hóa, nhớ ơn của quý Thầy dạy dỗ, cho nên đã về tại trú xứ Phước Duyên để dâng lên lời tác bạch thể hiện tấm lòng của mình đối với Tam bảo, đối với Ôn cố Phước Duyên và đối với chư Tăng hiện tiền đang có mặt nơi đây. Quý vị trực tiếp như vậy là một vinh dự, nhưng có những vị không có đủ duyên lành trực tiếp ở đây, mà đang ở xa, đang bận công việc cũng gửi tâm tùy hỷ về đây cũng là một vinh dự cần được tán dương. Với việc làm của tất cả quý vị đang có mặt ở đây trực tiếp tri ân, nói lên lời cảm niệm cúng dường và gián tiếp tùy hỷ, tất cả có bao nhiêu công đức, chúng ta đều hồi hướng cho cha mẹ chúng ta, cho anh em của chúng ta, cho thân bằng quyến thuộc của chúng

ta, cho những người thân yêu của chúng ta đang còn sống ở đâu cũng an lạc hạnh phúc, biết tu tập, biết ăn chay, niệm Phật, biết từ bỏ điều ác, thực hành điều lành và những vị thân nhân quá cố của chúng ta ở trong các Học chúng cũng như pháp giới chúng sanh được trượng thừa công đức này, mà sinh ở thế giới nào cũng được an lạc hạnh phúc, và cuối cùng là nguyện sanh về thế giới Tịnh Độ của Phật A Di Đà, tiếp tục nương vào uy lực, tha lực, đại nguyện lực của đức Phật A Di Đà và chư Phật mười Phương, các vị Bồ tát Thánh hiền mà tấn tu đạo nghiệp, nuôi lớn Bồ đề tâm, Bồ đề hạnh, Bồ đề nguyện. Đó là tất cả nguyện ước của quý vị thiết lễ cúng dường bằng tất cả tấm lòng trưa hôm nay. Xin chư Tôn đức Tăng hiện tiền, nhất tâm cầu nguyện cho sở nguyện cúng dường tri ân nhân ngày 20 tháng 11 năm 2023 của các Học chúng tại trú xứ Tăng già lam Phước Duyên được viên thành.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ tát Ma-ha-tát!

PHÁP TỪ

*Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho Tứ chúng Phật tử tại
chùa Đại Nam, Himeji, Nhật Bản*

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thưa Đại chúng!

Hôm nay là ngày mừng 5 tháng 3 năm Giáp Thìn, nhằm ngày 13 tháng 4 năm 2024, tại chùa Đại Nam, thành phố Himeji, Nhật Bản.

Chúng tôi đã có duyên tới đất nước Nhật Bản lần này là lần thứ hai, và tới chùa Đại Nam lần này là lần thứ nhất. Thấy các thầy, các cô, các Phật tử nam, nữ lớn tuổi, trẻ tuổi quây quần bên nhau, tương tác, tương trợ nhau tu học, làm chúng tôi rất hoan hỷ, rất vui sướng, vì biết rằng Phật pháp ở nơi đây sẽ tồn tại và phát triển đúng tinh thần hòa hợp thanh tịnh của hàng đệ tử Phật, bao gồm cả giới xuất gia và giới tại gia.

Cùng tất cả quý vị quý mến!

Tứ chúng đệ tử của đức Thế Tôn, bao gồm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni là cốt

tử của Phật pháp, là cột trụ của Phật pháp để tuyên dương Chánh pháp của đức Thế Tôn. Hàng cư sĩ Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di là những vị đang sống với đời sống thế gian, đang có trách nhiệm với thế gian, đối với cha mẹ, anh chị em trong gia đình huyết thống cũng như đối với đất nước, với xã hội. Cho nên, đời sống cư sĩ Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di rất là nặng nề, công việc trên đôi vai của mình. Và ngoài việc đời, hàng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di còn nỗ lực tu tập phát triển niềm tin kiên cố bất hoại của mình đối với Phật, Pháp, Tăng để hộ trì chúng Tăng tu hành, nhất là hộ trì giới Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, để cho hai giới này không bận rộn việc đời mà nỗ lực tu học, làm chỗ nương tựa tinh thần cho hàng cư sĩ tại gia.

Ngôi chùa Đại Nam này là một ngôi chùa mang tính Phật giáo nói chung và mang tính Phật giáo Việt Nam nói riêng. Chúng ta là một cộng đồng tu học trong Giáo pháp đức Phật, hướng tới đời sống giải thoát, giác ngộ. Cho nên chúng ta, dù là người Việt Nam, dù là người Nhật, dù là người Trung Hoa, dù là người Hàn Quốc, dù là người Singapore, dù là người Mông Cổ, người Tây Tạng, người Ấn Độ, người Nepal, người Hoa Kỳ, người Anh, người Pháp, người Châu Âu,..., thì tất cả

chúng ta tuy đến với Phật giáo nhiều góc độ khác nhau, nhiều ngôn ngữ khác nhau, nhiều truyền thống văn hóa tâm linh khác nhau, nhưng chúng ta gặp nhau ở một điểm, đó là Tam bảo. Mọi dòng sông tuy khác nhau về địa dư, có thể khác nhau về mùi vị, nhưng khi đi về biển cả thì tất cả đều gặp nhau. Biển cả là nơi gặp nhau của tất cả mọi dòng sông, và nó chỉ trở thành một mùi vị duy nhất, đó là vị mặn. Cũng vậy, chúng ta là con của đức Phật, chúng ta đến với đức Phật từ nhiều quê hương khác nhau, từ nhiều nguồn văn hóa khác nhau, từ nhiều ngôn ngữ khác nhau, từ những cảm xúc khác nhau, từ những hoàn cảnh khác nhau, từ những lứa tuổi khác nhau, nhưng chúng ta sẽ gặp nhau ở một điểm: tất cả chúng ta đều là con của Phật và chúng ta chỉ tu học hướng tới ba điều.

Điều thứ nhất là hướng tới đời sống giải thoát chấm dứt sinh tử khổ đau cho chính mình.

Điều thứ hai là hướng tới đời sống giác ngộ để chúng ta có một tuệ giác: một tuệ giác toàn hảo, một tuệ giác chánh biến tri, một tuệ giác toàn diện, để chúng ta, trong mọi hành xử không rơi vào phiền diện cực đoan, mà luôn luôn ở trong sự Trung đạo.

Thứ ba, chúng ta tu học không phải vì bản thân chúng ta, mà chúng ta tu học là để cho cha mẹ chúng ta; chúng ta tu học là để cho anh em chúng ta; chúng ta tu học là để cho những đồng nghiệp của chúng ta, những người ta thương yêu và cho muôn loài chúng sinh. Vì sao? Vì cha mẹ chúng ta tuy có phước báo làm cha mẹ, nhưng chưa có phước báo tu học. Chúng ta làm con, ngoài phước báo làm người, chúng ta còn phước báo tu học; làm con của cha mẹ chúng ta, nhưng ta còn có phước báo làm con của đức Phật. Cho nên, chúng ta tu học là để báo đáp công ơn của cha mẹ chúng ta, chúng ta tu học là để báo đáp những tình nghĩa thâm sâu mà những người thân yêu chúng ta đã dành cho chúng ta; vì những người thân yêu của chúng ta, có tình nghĩa với chúng ta, nhưng mà chưa có duyên với Phật pháp, chưa có duyên tu học như chúng ta, cho nên chúng ta tu học là để làm cho cái tình nghĩa của mình đối với người thân hữu thêm sâu sắc và rộng lớn, trong sáng, thuần tịnh. Chúng ta không phải tu học cho mình, mà còn tu học cho anh em, cho bằng hữu; chúng ta tu học không phải chỉ cho chính chúng ta, cho gia đình chúng ta, mà chúng ta tu học là để báo đáp ân đức của xã hội và chúng ta đại diện cho mọi người, mọi thành phần xã hội

để tu học. Tuy làm vua, làm thủ tướng, làm tổng thống, làm bộ trưởng, có phước báo về cõi người, cõi trời, nhưng chưa có phước báo được làm đệ tử của đức Phật. Nay, chúng ta có phước báo này, chúng ta đại diện cho các vị quốc vương, các vị tổng thống, thủ tướng, các vị có vị trí xã hội, tu thế cho họ và hồi hướng công đức cho họ, và đồng thời, chúng ta cũng tu học để báo đáp công ơn của muôn loài chúng sinh. Muôn loài chúng sinh ngày đêm lao tác để có sự sống, để hỗ trợ cho chúng ta sống đời sống một cách tự nhiên, nên chúng ta tu học để hồi hướng công đức cho tất cả những loài không có nhân duyên tu học đầy đủ như chúng ta và chưa đủ nhân duyên làm con Phật như chúng ta. Đồng thời, cũng tu học cho các loại cỏ cây hoa lá, bởi vì cỏ cây hoa lá và tất cả thực phẩm, cũng như trời xanh, mây trắng, biển rộng, sông dài, núi cao, ruộng đồng bát ngát, tất cả những cái đó đang âm thầm trực tiếp, gián tiếp hỗ trợ cho chúng ta, tạo nên đời sống chúng ta có đầy đủ mọi thứ, cho nên chúng ta tu học và chúng ta thọ dụng tất cả những thực phẩm đó vào trong cơ thể mình, bằng tâm hướng tới đời sống giải thoát, bằng tâm hướng tới đời sống giác ngộ, bằng tâm hướng tới đời sống lợi ích muôn loài chúng sinh, thì khi chúng ta thọ dụng tất cả những thực

phẩm ấy vào trong cơ thể chúng ta, vào trong đời sống chúng ta, nó đồng hành với chúng ta tu học, nên khi ta giải thoát thì tất cả những gì liên hệ đến chúng ta cũng có điều kiện giải thoát, chúng ta giác ngộ thì những gì liên hệ và đã từng yểm trợ chúng ta cũng có thể có cơ hội để gắn liền với đời sống giải thoát, và khi chúng ta khởi lên một tâm niệm làm lợi ích cho mọi người, muôn loài chúng sinh thì những người giúp ta trực tiếp, gián tiếp; những thực phẩm giúp ta trực tiếp, gián tiếp cũng đều có cơ hội. Bởi cái tâm rộng lớn là làm bất cứ điều gì cũng vì lợi ích chúng sinh mà làm. Lợi ích chúng sinh, trong đó có lợi ích bản thân chúng ta, trong đó có lợi ích cha mẹ chúng ta, anh chị em chúng ta; trong đó có lợi ích không những cho người sống mà còn có lợi ích cho những người đã qua đời; trong đó không phải chỉ có lợi ích cho loài người, loài trời mà còn có lợi ích cho những loài chúng sinh không may mắn như chúng ta, đã bị rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Chúng ta làm được tất cả những việc đó là chúng ta nương vào Tuệ giác của Phật mà tu học. Chúng ta đời đời sinh ra ở đâu cũng nguyện làm con Phật và nguyện sinh vào trong ngôi nhà của Phật pháp, vì tâm từ bi, vì lợi ích chúng sinh.

Cho nên, hôm nay, tất cả chúng ta, giới xuất sĩ, giới cư sĩ đang có mặt trong ngôi chùa Đại Nam, tại thành phố Himeji của Nhật Bản. Sự có mặt của chúng ta hôm nay thật có ý nghĩa, thật có giá trị và thật may mắn. Chúng ta đem hết tất cả công đức này, sự may mắn này cúng dường lên ngôi Tam bảo và hồi hướng đến cho tất cả những ai đang có mặt nơi đây, hoặc không có mặt nơi đây, đều được ân triêm lợi ích; và cầu nguyện cho mọi quốc gia, người dân đều được an lạc, người lãnh đạo đều biết tu nhân tích đức để không thống trị dân chúng bằng những quyền lực, bằng bạo lực mà sử dụng đức tính từ bi, đạo đức để nhiếp phục và an bình xã hội; với người sống và người chết của mỗi quốc gia trên thế giới đều được hưởng vô lượng, vô biên phước đức từ nơi sự tu học của chúng ta và từ nơi sự có mặt của Tam bảo giữa cõi đời này. Vậy xin tất cả đại chúng đồng thanh niệm Phật.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

"Chúng sanh không số lượng,

Thề nguyện đều độ khắp.

Phiền não không cùng tận,

Thề nguyện đều dứt sạch.

Pháp môn không kẻ xiết,

Thề nguyện đều tu học.

Phật đạo không gì hơn,

thề nguyện đều viên thành".

"Nguyện đem công đức này,

Hướng về khắp tất cả.

Đệ tử và chúng sanh,

Đều trọn thành Phật đạo".

Nam mô A Di Đà Phật.

PHÁP THOẠI VU LAN – PL.2568

Pháp thoại Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng nhân lễ Vu lan

PL.2568 tại chùa Phước Duyên Huế

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thưa toàn thể các học chúng, cũng như toàn thể Phật tử các giới trực tiếp, gián tiếp có mặt ở trong pháp hội cúng dường Vu lan, ngày Rằm tháng Bảy tại trú xứ Tăng già lam Phước Duyên, thành phố Huế, Phật lịch 2568 hiện diện quý mến.

Vườn hoa hiếu hạnh tại trú xứ Tăng già lam Phước Duyên, Phật lịch 2568, Tây lịch 2024, là một vườn hoa có đầy sắc màu, có nhiều hương vị. Sắc màu nào cũng xinh đẹp, hương vị nào cũng thơm tho. Sự xinh đẹp và thơm tho đó, đi từ nơi trái tim của những người con hiếu hạnh. Không có trái tim của những người con hiếu hạnh, thì không bao giờ có những lời nói dễ thương, tình cảm, trí tuệ. Chân tình không đi từ nơi trái tim của những người con hiếu hạnh không bao giờ có những hành xử, có những cử chỉ khiêm cung, lịch sự và rất mực tôn kính. Cho nên, trong vườn hoa hiếu hạnh của chùa Phước Duyên năm này, nhiều hương sắc như vậy là do quá trình của

sự cầu tu, cầu học, cầu lắng nghe Chánh pháp, thân cận Thiện sĩ, để chuyển đổi tâm thức của chính mình từ tâm thức của một kẻ lạc loài, trong đêm trường sinh tử, để quay về nhìn ngọn hải đăng Tam bảo mà hướng tới là những tâm hồn luôn luôn biết phục thiện và biết nâng điều thiện ấy, từ chỗ sơ tâm đến chỗ hoàn hảo rộng lớn bằng những đại nguyện. Tôi thay mặt chư tôn đức Tăng hiện tiền có lời tán dương tinh thần tu học, cầu tiến không ngừng của tất cả quý vị đang có mặt trong vườn hoa hiếu hạnh này và chia sẻ đến với toàn thể quý vị một vài điểm nhấn trong đại lễ Vu lan 2568.

Thứ nhất, không có ngày Tự tứ của Tăng, thì sẽ không có Vu lan. Cho nên, ngày Vu lan có gốc rễ từ nơi ngày Tự tứ của Chúng tăng và ngày Tự tứ này không thể có được, nếu không có ba tháng an cư tịnh tu giới đức thanh tịnh của các Tỳ kheo, ở trong trú xứ với đời sống thanh tịnh - hòa hợp. Nên, ngày Tự tứ là kết tinh từ những điều tu hành thanh tịnh của các Tỳ kheo tăng. Và các Tỳ kheo tăng nếu tu hành mà không có ý thức tự giác, tự nguyện luôn luôn soi rọi vào tâm tư của mình, luôn luôn soi rọi vào từng cử chỉ nhỏ nhất của mình để tự hoàn thiện bản thân và góp sự hoàn thiện ấy vào trong sự

thanh tịnh của chúng Tăng thì cũng không có ngày Tự tứ này.

Tự tứ là gì? Tự tứ là Tỳ kheo Tăng sau ba tháng tịnh tu, tự thấy mình chưa hoàn hảo, nên tự thân tâm của mình mà cầu thỉnh một vị Trưởng lão do Tăng đề cử, cử tội cho chính mình, và sau khi được vị Tỳ kheo Trưởng lão do Tăng đề cử, cử tội cho một Tỳ kheo cầu xin chỉ lỗi và vị Trưởng lão ấy, chỉ lỗi như Pháp, vị Tỳ kheo cầu xin chỉ lỗi, cũng đúng như Pháp; nghĩa là chỉ lỗi phải đúng thời, đúng chỗ, đúng người, đúng việc, đúng pháp, thì sự chỉ lỗi ấy mới là chỉ lỗi có giá trị, mới có ý nghĩa, mới tạo ra phước đức; còn chỉ lỗi mà không đúng thời, không đúng pháp, không đúng người, không đúng việc, không đúng chỗ, thì sự chỉ lỗi ấy, chỉ là sự chỉ lỗi phi Pháp, là sự phê bình phi Pháp, hoàn toàn không đúng Chánh pháp, nên chẳng có giá trị và ý nghĩa gì. Vị Tỳ kheo sau khi đã nhận sự chỉ lỗi của vị Trưởng lão Tỳ kheo đúng pháp, vị này cũng phải chiêm nghiệm và nếu thấy mình có lỗi, thì liền xin sám hối để có sự thanh tịnh, nhằm nhận lấy một tuổi hạ đúng Pháp.

Qua lễ Tự tứ này, chúng ta cũng cần phải thấy rõ, trong giới Tăng Ni cũng như giới Phật tử chân chính, cần phải học lễ Tự tứ này một cách nghiêm túc, để chúng ta không bị chi

phối bởi những hiện tượng phi Phật giáo, phi lương tâm, phi đạo đức, trên những truyền thông bản của xã hội. Chúng ta phải nhìn sâu vào để hiểu và thực hành đúng, không làm lẫn những sự chỉ trích phi thời, phi xứ, phi sự, phi nhân và phi pháp. Do đó, Phật tử phải được học và học một cách nghiêm túc, phải hành và hành một cách nghiêm túc và các vị Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni cũng phải học và hành một cách nghiêm túc đúng Pháp. Đó mới là đúng lời Phật dạy.

Hoa hiếu hạnh trong ngôi chùa Phước Duyên này, qua những lời tác bạch cảm niệm, quý vị đã thể hiện được tinh thần ấy. Đó là điều rất đáng trân trọng.

Điều thứ hai: Không có Tăng tự tứ đúng Pháp, không có Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni tu hành đúng Pháp, thì sẽ không có ngày này. Bởi vì, ngày này là ngày Phật hoan hỷ. Phật rất hoan hỷ khi Giáo pháp của Ngài tuyên bố truyền thừa và được thực hành bởi các Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni; được thực hành và hỗ trợ bởi các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di chánh tín Tam bảo. Sự tương quan hỗ trợ này, khiến cho Chánh pháp trường tồn, lợi lạc người và trời, lợi lạc cho kẻ sống và người chết, không phải một đời, nhiều đời, mà vô lượng kiếp về trước cũng như vô

lượng kiếp về sau. Vì vậy mà Phật hoan hỷ. Hoan hỷ vì Chánh pháp trường tồn, lợi ích cho tất cả chúng sinh, cho muôn loài, không phải chỉ ở thế giới này mà ở nhiều thế giới khác. Vì vậy mà Phật rất hoan hỷ. Cho nên, nếu không có các Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni thanh tịnh tu hành thì không có pháp Tỳ tứ. Không có pháp Tỳ tứ thì không có ngày Phật hoan hỷ. Đó là điểm nhấn thứ hai mà tất cả quý vị học, phải hiểu để thực hành cho đúng đắn, chứ đừng có lý thuyết suông.

Điều thứ ba: Không có Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni thanh tịnh tu hành trong ba tháng an cư thì không có ngày Tỳ tứ, không có ngày Phật hoan hỷ, thì cũng không có ngày Giải đảo huyền.

Giải đảo huyền là dịch từ tiếng Phạn: ullambana, có nghĩa là mở sợi dây cho người bị cái khổ treo ngược. Ai treo ngược chúng ta? Ai treo ngược cha mẹ chúng ta? Ai treo ngược tổ tiên ông bà nội ngoại chúng ta? Ai treo ngược thế gian này? Không có thần linh nào khác, mà chính tâm điên đảo ở nơi mỗi chúng ta. Chính tâm điên đảo nơi mỗi chúng ta đã treo ngược cái hiểu biết của chúng ta, treo ngược cái nghe của chúng ta, treo ngược cái cảm nhận của chúng ta, đã treo ngược cái nhận thức của chúng ta, khiến chúng ta ngu ngơ nhận tà

làm chánh, nhận vọng làm chơn, nhận hư huyền làm chân thật, nhận thầy tà bạn ác làm bậc chứng sư, nhận những kẻ đầu trâu mặt ngựa làm thiện hữu tri thức. Chính những cái nhận lầm đó treo ngược chúng ta, làm cho chúng ta khổ. Chính nhận thức đó, treo ngược cha mẹ chúng ta, làm cho cha mẹ chúng ta khổ. Chính nhận thức đó, treo ngược tổ tiên chúng ta, làm cho tổ tiên chúng ta khổ. Chính những nhận thức sai lầm, biên kiến, tà kiến ấy, treo ngược truyền thống tâm linh tổ tiên của chúng ta khiến cho tổ tiên truyền thống tâm linh của chúng ta bị khổ, hồn thiêng sông núi tan tác, vì những nhận thức điên đảo ấy. Cho nên, ngày Vu lan là ngày Giải đảo huyền. Ngày này có được và có được cũng từ nơi Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni thanh tịnh tu hành, mới có khả năng mở sợi dây treo ngược điên đảo đó nơi chúng ta, giúp chúng ta mở sợi dây treo ngược đó bằng con đường của Giới học, bằng con đường của Định học, bằng con đường của Tuệ học. Không có Giới học, ta không có khả năng mở ra sợi dây treo ngược ở nơi chính bản thân chúng ta, ở nơi gia đình chúng ta, ở nơi những người thương yêu của chúng ta, hiện tại cũng như đã qua đời; không có Định học, chúng ta không có khả năng mở sợi dây treo ngược ở nơi chính chúng ta, ở nơi gia đình chúng ta, ở nơi

những người thân yêu của chúng ta, ở nơi quê hương xứ sở của chúng ta; không có Tuệ học, chúng ta không có khả năng nhìn ra được đâu là nguyên nhân sinh khởi sự khổ đau và đâu là phương pháp diệt trừ những nguyên nhân sinh khởi khổ đau, điên đảo vọng tưởng ấy ở nơi ta, ở nơi cha mẹ ta, ở nơi người thân yêu của chúng ta, ở nơi cộng đồng xã hội, ở nơi đất nước, ở nơi người đã qua đời. Cho nên, muốn mở sợi dây treo ngược ấy, thì chúng ta cũng phải có tuệ giác. Và tuệ giác thì không phải đua đòi theo đám đông, không phải bị kích hoạt bởi những khen chê giả dối của đám đông, mà chúng ta phải chọn không gian tĩnh lặng, nhìn sâu vào những gì ta đang hiện hữu, nhìn sâu vào những gì mà chung quanh ta đang hiện hữu và xảy ra, để thấy đâu là giá trị đích thực và đâu là huyễn cảnh của tâm điên đảo, vọng tưởng của cá nhân và cộng đồng tạo thành, những huyễn cảnh của xã hội. Chúng ta phải trầm tĩnh, yên lặng, thật sâu sắc để nhìn cho rõ những nguyên nhân và thành quả.

Nên, không có Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni thanh tịnh, không có hàng cư sĩ Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có Tứ chứng tịnh đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, đối với Giới, thì sẽ không có ngày Giải đảo huyền, ngày mở sợi dây trói buộc. Và ngày

này cũng là ngày mà ta nghĩ đến công ơn cha mẹ của chúng ta, công ơn tổ tiên của chúng ta, công ơn của pháp giới đa sanh phụ mẫu, công ơn của sư trưởng, của Tam bảo. Ta có Giới đức thanh tịnh, Định đức thanh tịnh, Tuệ đức thanh tịnh là nhờ có tín tâm đối với Tam bảo, nhờ có sự thân cận các bậc Thiện sĩ, các bậc thiện tri thức. Nhờ vậy mà tín tâm chúng ta phát sinh. Từ đó, chúng ta mới cầu thầy học đạo để loại trừ tất cả tâm điên đảo, vọng tưởng ở trong tâm thức của mỗi chúng ta. Ta đem lời nói tri ân từ nơi tuệ giác sâu thẳm, chứng nghiệm, lời nói ấy mới là lời nói chân thật, có giá trị, có khả năng chuyển hóa tất cả những gì sai lầm nơi tự thân chúng ta và sai lầm cộng đồng, trở thành nhận thức và hiểu biết đúng đắn. Từ đó, chúng ta mở ra được con đường sáng cho chính chúng ta và cho những người chung quanh chúng ta bước tới.

Điều đáng nói cuối cùng là chúng ta tu học không phải đợi người khác biết ơn mình, mà mình phải luôn luôn biết ơn người khác. Chúng ta cùng biết ơn nhau. Cha mẹ không phải ngồi đó đợi con biết ơn, đợi con làm lễ tri ân, mà cha mẹ cũng phải luôn luôn biết ơn con, phải luôn luôn trân trọng sự

có mặt của con mình. Thầy không phải ngồi đó, để cho trò biết ơn, mà thầy cũng luôn luôn biết ơn trò; trò đương nhiên phải biết ơn thầy, nhưng mà thầy cũng phải luôn luôn biết ơn trò, trân trọng sự có mặt của những học trò. Ông bà cũng không phải ngồi đó, đợi cháu cảm ơn mình, mà ông bà cũng luôn luôn biết ơn con cháu và lẽ đương nhiên con cháu phải biết ơn mọi người. Vua không phải ngồi đó để đợi dân biết ân, dân biết ân vua là chuyện đương nhiên, nhưng mà vua phải luôn luôn biết ơn dân và phải thương dân, lo cho dân.

Sau khi đức Thế Tôn của chúng ta Thành đạo, Ngài là một bậc Chánh biến tri, một bậc Chánh biến giác hoàn toàn. Nhưng ai biết Ngài là bậc Chánh biến tri, ai biết Ngài là bậc Chánh biến giác? Chúng sinh mà! Cho nên, đức Phật đã vận dụng tâm đại bi, đã vận khởi tâm đại từ, đã vận dụng tâm đại hỷ, đã vận dụng dùng tâm đại xả, đi tới với chúng sinh, giáo hóa chúng sinh dưới nhiều hình thức khác nhau, để giúp chúng sinh từ con đường tối mà bước ra ánh sáng. Vì vậy, chúng sanh biết ơn Bồ tát, chúng sanh biết ơn Phật, nhưng mà Phật cũng luôn luôn thương và quý chúng sinh, Bồ tát luôn luôn biết ơn chúng sinh, nhờ có chúng sinh mà Bồ tát

có môi trường tương tác để khẳng định tâm bồ đề, hạnh bồ đề, nguyện bồ đề của mình.

Vì vậy, ngày Báo ân này, chúng ta không những chỉ nghĩ đến những người thân yêu đã từng thi ân đối với chúng ta, mà chúng ta còn mở rộng trí tuệ và từ bi, mở rộng bàn tay để ôm ấp, thương quý, chăm sóc những gì đã có, đang có, một cách tốt đẹp trong đời sống chúng ta và chúng ta phải mở rộng trái tim ra, để có thể chấp nhận được những ai đã từng gây khổ đau cho ta, những ai đã làm chướng ngại sự tu tập của chúng ta, những ai đã gây oán tạo thù đối với chúng ta; chúng ta đều mở trái tim rộng lớn thương yêu, bao dung hỷ xả và tha thứ tất cả, nhờ sự tác nghịch, tạo nên sự tác thành. Đức Thế Tôn thiết lập Giáo pháp một cách hoàn hảo như vậy, nên là đệ tử của Phật, chúng ta được thừa hưởng gia tài Giáo pháp ấy. Ân đức Tam bảo đối với chúng ta quá vô lượng, vô biên. Chúng ta nguyện cố gắng tu học, mở sợi dây oán kết. Những người thân thương buộc chúng ta bằng những dây kim cương, những dây hột xoàn, những dây tình cảm mềm mại, dễ thương, nhưng mà chúng ta cũng phải mở luôn những sợi dây ấy ra. Còn nếu không, thì chúng ta cũng triền miên trong sinh tử khổ đau.

Chúng ta cũng phải cảm ơn những người đã đem xiềng xích cột trói chúng ta bằng những dây kẽm gai, bằng những nhà tù, và xin cầu nguyện cho tất cả những người ấy ở đâu cũng nên dựa vào Tâm bồ đề, Nguyên Bồ đề, Hạnh bồ đề mà làm. Nếu làm cai tù mà vì Tâm bồ đề, thì cai tù ấy là vị Bồ tát để chuyển hóa những tội nghịch của những người tạo tội.

Mùa Vu lan về, chúng ta hãy đem tâm bình đẳng mà cầu nguyện cho tất cả pháp giới chúng sanh, thuận hay nghịch, thù hay thân, tất cả đều trọn thành Phật đạo. Đó là phong thái, là cách tu hành của các vị Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni thanh tịnh; của các Phật tử, của hàng cư sĩ có tín tâm thanh tịnh, bất thoái đổi với Tâm bồ đề, đối với Nguyên bồ đề, đối với Hạnh bồ đề. Có như vậy, chúng ta mới đi theo bước đi của Tôn giả Mục Kiền Liên, chúng ta mới bước đi theo bước đi của Bồ tát Địa Tạng, chúng ta mới đi theo bước đi của đức Thế Tôn - một bậc Đại giác, trí và bi đầy đủ; một bậc Đại giác, hiếu hạnh trọn vẹn, để làm gương cho tất cả chúng ta noi theo.

Nguyện đem công đức này hồi hướng cho sở nguyện của toàn thể Phật tử cúng dường trưa hôm nay được viên thành.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ tát Ma-ha-tát.

XUÂN VÀ NGƯỜI BẮT RẰN

*Pháp thoại Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng
ngày Mừng 2 Tết Ất Tỵ 2025, tại Tịnh Nhân Thiên Đường,
chùa Phước Duyên Huế*

Nam mô Bồn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Từ Thị Di Lặc Tôn Phật.

Thưa đại chúng.

Đầu mùa xuân Ất Tỵ và trước thềm năm mới, tôi thay mặt Tăng chúng bồn tự, cũng như toàn thể các học chúng tu học tại tự viện Phước Duyên, nhất tâm cầu nguyện thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc; nhất tâm cầu nguyện cho chư gia bách tánh, người đang còn sống luôn luôn có tín tâm bất thoái đối với Tam bảo, những vị đã qua đời nương nhờ oai đức của Tam bảo trong dịp Xuân về mà cùng trở về đoàn tụ với con cái, cháu chắt ở trong từng gia đình, ở trong từng dòng tộc, ở trong từng xóm làng, quê hương; và kính chúc đại chúng tu học tại trú xứ Tăng già lam Phước Duyên, thành phố Huế, năm mới, mọi chuyện tu học lại càng mới thêm, và phải tu học như thế nào để được lên lớp. Xin cảm ơn bài cảm niệm của đại diện các học chúng

đã dâng lên cúng dường cổ Hòa thượng Viện chủ, chư Tôn đức Tăng tại chùa Phước Duyên và chia sẻ đến với đại chúng có mặt sáng hôm nay. Nhân đây, tôi xin chia sẻ đến đại chúng bài pháp thoại với đề tài: "Xuân và người bắt rắn".

Thưa đại chúng!

Chúng ta muốn có xuân thì phải có năm ước nguyện.

Ước nguyện thứ nhất: Bản thân của chúng ta chính là xuân.

Tự thân của mỗi chúng ta phải làm thế nào để chúng ta chính là xuân. Nếu chính chúng ta không phải là xuân, thì gia đình chúng ta khó có mùa xuân. Gia đình của chúng ta có mùa xuân bởi vì chính các thành viên trong gia đình là xuân. Cho nên, chúng ta phải có ước nguyện rằng: Chính chúng ta là xuân, chứ không phải ai khác.

Ước nguyện thứ hai: Gia đình của chúng ta chính là xuân.

Nếu gia đình chúng ta không chính là xuân thì xuân ở nơi nào mà chúng ta đi tìm kiếm? Do đó, ước nguyện thứ hai của chúng ta là, gia đình của chúng ta chính là xuân. Quý vị thầy, bà con, con cháu, anh em của mình đi làm việc khắp nơi, nhưng đã

chuẩn bị về với mùa xuân gia đình, với ngày Tết gia đình từ một tháng trước, từ hai tháng trước, từ ba tháng trước; có những vị đã đặt vé máy bay cả hai, ba tháng trước. Vì sao như vậy? Bởi vì gia đình của chúng ta chính là xuân. Những người ở nước ngoài, họ cũng chuẩn bị cho mùa xuân gia đình của chính họ. Nếu không về với gia đình trong mùa xuân trực tiếp, thì họ cũng gián tiếp tìm cách về với gia đình, bằng những tặng phẩm này hay tặng phẩm khác. Cho nên, chúng ta phải nói rằng, chính gia đình chúng ta là xuân. Muốn như vậy, chúng ta phải có ước nguyện. Không ước nguyện thì xuân khó có ở trong gia đình chúng ta.

Thứ ba, chúng ta phải ước nguyện: Dòng họ của chúng ta là xuân.

Xuân là dòng họ của chúng ta, cho nên con cháu trong ngày xuân, không ai là không nghĩ tới tổ tiên ở nơi từ đường. Dù là bận rộn đến mấy, cũng dành một ít thời gian hiêm hoi đến thắp hương tổ tiên ở từ đường. Không có dòng họ, chúng ta không có mùa xuân. Không có từ đường, chúng ta không có chỗ để quay về, nhớ về. Ai sinh ta ra, nếu không có cha và mẹ? Ai sinh cha mẹ ta, nếu không có ông bà của chúng ta? Cho nên,

mùa xuân, chúng ta phải có ước nguyện làm thế nào, để dòng họ của chúng ta là dòng họ của mùa xuân.

Có nhiều vị hiện nay học đòi, đi tìm xuân phương xa, bằng cách ba ngày Tết mà bỏ gia đình, bỏ từ đường để đi thưởng xuân, du xuân ở những vùng đất mà họ tưởng rằng có xuân, nhưng thực sự chẳng có giá trị ý nghĩa gì cả. Đây là điều mà tất cả những người lớn, những người có học, những người có chút trí thức phải xem xét lại. Ba ngày xuân, chúng ta mời tổ tiên, ông bà về với mình; ông bà tổ tiên của chúng ta cũng ao ước về với con cháu; nhưng chính những ngày đó, con cháu bỏ từ đường mà đi, bỏ nhà mà đi. Đi kiếm xuân ở đâu? Đó là những suy nghĩ mất gốc, mất căn bản đạo đức, mất căn bản của truyền thống. Đó là điều mà tất cả quý vị phải lưu ý; nếu là người lớn phải dạy dỗ cho con cháu, nếu anh phải dạy cho em, thầy phải dạy cho trò và người làm chính quyền phải dạy cho dân; còn nếu không thì chúng ta chỉ dong ruổi tìm cái huyễn hoặc bên ngoài, mà thực sự ra mùa xuân đích thực là ở trong chính bản thân chúng ta, ở trong gia đình chúng ta và ở trong dòng họ của chúng ta.

Ước mơ thứ tư: Quê hương chúng ta chính là xuân.

Chúng ta không có quê hương, chúng ta không bao giờ có

mùa xuân. Mùa xuân chỉ tạo ra cho những người đã có định cư. Không có định cư, chúng ta không có quê hương, chúng ta không có xóm làng. Chúng ta phải có định cư một đời, hai đời, ba đời, khi đó chúng ta mới có quê hương; còn không có định cư, chúng ta chỉ là dân du mục, thì không có mùa xuân của quê hương.

Ai trong chúng ta là người Huế, là người Việt Nam, khi sống xa quê hương, sống xa đất nước, sống xa xóm làng, nghe bản nhạc Mưa trên phố Huế của ca sĩ Hoàng Oanh hát mà không chảy nước mắt? Cho nên, mùa xuân chính là quê hương. Chúng ta phải có ước nguyện làm thế nào để quê hương chúng ta, nhà nhà đều là xuân, mỗi dòng họ đều là xuân, mỗi xóm làng đều là xuân, mỗi phường xã đều là xuân, mỗi xứ sở đều là xuân, để cho chúng ta ở đâu cũng có xuân.

Ước nguyện thứ năm: Chúng ta ước nguyện rằng cỏ cây hoa lá, núi rừng, sông nước, biển cả, chim muông, thú vật đều là mùa xuân của chúng ta, đều tạo nên mùa xuân cho tất cả chúng ta.

Chúng ta chưa bao giờ có mùa xuân một cách đơn thuần. Nếu

dòng sông bị ô nhiễm, chúng ta sẽ không có mùa xuân. Quý vị cứ nghĩ đi, giả sử dòng sông Hương bị ô nhiễm, vẫn đục và nhiều độc tố thì liệu rằng, Huế có mùa xuân chẳng? Nước sông Hương đâu còn để uống, thì Huế làm gì mà có mùa xuân. Nên, Huế có mùa xuân, vì dòng Hương vẫn thanh trong và người Huế uống nước ấy, tạo ra mùa xuân sâu lắng. Hay với những người Hà Tĩnh, dòng sông Lam ô nhiễm thì còn gì mùa xuân? Sông Tiền Giang, sông Hậu Giang ô nhiễm thì còn gì mùa xuân của các xứ sở ấy? Sông Hồng ô nhiễm thì còn đâu là mùa xuân của miền Bắc? Cho nên, chúng ta mong rằng, môi trường mà chúng ta đang sống, tất cả đều là môi trường của mùa xuân.

Heo bị dịch, chúng ta cũng không có mùa xuân. Trâu bò dịch bệnh, chúng ta không có mùa xuân. Tôm cá dịch bệnh, chúng ta không có mùa xuân. Rau cỏ bị dịch bệnh, chúng ta cũng không có mùa xuân. Cho nên, chúng ta ước muốn rằng, mùa xuân sẽ có với tất cả chúng ta từ nơi muôn sự, muôn vật giữa này.

Ta hiểu được như vậy, ta cảm nhận được như vậy, chúng ta mới thấy mùa xuân là một mùa mà chúng ta rất trân quý.

Nên, chúng ta là mùa xuân của dòng họ chúng ta; là mùa xuân của quê hương chúng ta; là mùa xuân của tất cả những gì chung quanh chúng ta. Mùa xuân như vậy là mùa xuân của tuệ giác, của từ bi, mà người Phật tử tu học phải thấy, để mùa xuân của người Phật tử không phải là mùa xuân của những kẻ bia rượu, cờ bạc, phung phí đời mình cho những mục tiêu thấp kém và để lại hậu quả không lường cho gia đình và xã hội.

Để có năm ước nguyện đối với xuân, người Phật tử chúng ta cần phải làm gì? Chúng ta cần phải thực tập ba chất liệu.

Chất liệu thứ nhất: Nguyện từ nay cho đến trọn đời và đời đời không làm điều ác từ nơi thân, không nói lời ác từ nơi miệng, không nghĩ điều ác từ nơi tâm ý. Vì ác thì không thể có mùa xuân; ác thì không tiếp cận được với mùa xuân; ác xấu thì không thể sống được với mùa xuân và vĩnh viễn xuân không bao giờ có với những con người xấu ác từ nơi thân, từ nơi miệng, từ nơi ý. Phật tử ý thức được điều này và thấy rất rõ điều này, nên Phật tử phát nguyện trọn đời và đời đời sinh ra ở đâu cũng không làm ác.

Ai xấu ác với mình thì đó là chuyện của người đó. Chuyện

đó không dính gì người Phật tử. Vì vậy, người Phật tử có khả năng chế tác ra mùa xuân cho chính mình, mùa xuân cho dòng họ của mình, cho gia đình của mình, cho quê hương xứ sở của mình và cho toàn thể con người và chúng sinh. Người Phật tử ý thức rất rõ điều này, để thực tập mà không bị bất cứ một thế lực nào quyến rũ chúng ta làm ác.

Để thực hiện năm ước nguyện của xuân và tạo thành mùa xuân, người Phật tử phát nguyện: Nguyện từ nay cho đến trọn đời và đời đời luôn luôn làm việc thiện, thân làm thiện, miệng nói thiện, tâm nghĩ thiện, bởi vì thiện chính là mùa xuân.

Muốn có xuân thì phải làm việc thiện, phải nói lời thiện và phải nghĩ điều thiện. Ta làm việc thiện, ta nói lời thiện, ta nghĩ điều thiện, tâm ta nhẹ nhàng, thanh thản. Ngủ một giấc ngon lành - đó là xuân; ăn một bữa ăn đạm bạc mà tâm hồn thanh cao - đó là xuân; bước đi không vội vã, hấp tấp, không giành giật ai hết - đó là xuân. Đi giành giật người khác thì sao gọi là xuân; đi phỉnh gạt người khác để sống, sao gọi là xuân. Xuân là thiện; là chân thật; là nghiêm túc; là đúng đắn; là tế nhị; là nhẹ nhàng; là sâu lắng mà hồn nhiên. Xuân chỉ có mặt với những người sống đời hiền thiện, sống đời đạo

đức, sống quên mình cho người khác. Nhờ nguyện đời đời sống thiện, nên người ấy tạo ra được mùa xuân cho chính bản thân, người ấy tạo ra được mùa xuân cho chính gia đình, người đó tạo ra được mùa xuân cho dòng họ, người đó tạo ra được mùa xuân cho quê hương, người đó mới tạo ra được mùa xuân cho cả thế giới, người đó mới tạo ra được mùa xuân cho cả muôn loài, hữu tình và vô tình.

Thưa đại chúng! Trong chuyến hành hương và nghiên cứu tại Pakistan vừa rồi, tôi vô cùng xúc động và vô cùng ngạc nhiên: châu báu Phật pháp đầy trên đất nước Pakistan, nhưng châu báu ấy không được người Pakistan trân trọng đúng mức mà lại do người Ý và người Hoa Kỳ, Nhật Bản trân trọng. Khi các nhà khảo cổ Ý qua nghiên cứu tại vùng Pakistan, họ đã khai quật ra vô số châu báu ở trên đất nước này của Phật giáo, đề nghị chính phủ Ý và Tòa đại sứ của Ý tại Pakistan phải bảo vệ các di sản văn hóa của Phật giáo trên đất nước này, họ tài trợ để xây dựng các bảo tàng viện và giữ gìn châu báu đó cho thế giới con người ở trên đất nước Pakistan. Các nhà khảo cổ Hoa Kỳ cũng vậy, họ yêu cầu chính phủ Hoa Kỳ phải tài trợ và bảo vệ những di sản văn hóa này. Nhật Bản,

rồi Liên hiệp quốc cũng vậy. Cái đẹp không phải là của ai mà của tất cả chúng ta. Tôi đi tới đánh lễ một tượng Phật tại Pakistan bị quân Taliban bắn bể mặt, được chính phủ Ý bỏ ra 3 triệu đô để phục hồi lại khuôn mặt của Phật. Họ đã mất 6 tháng để xin phép và năn nỉ, đề nghị chính quyền Pakistan để làm chuyện này. Như vậy, chính phủ Ý làm việc này cho ai? Cho mùa xuân của nhân loại, cho mùa xuân con người, cho mùa xuân của chúng sinh. Tôi đã rất may mắn được đi tới đánh lễ tượng Phật này, vì muốn đến đó thì phải có quân đội hộ tống: trước hai chiếc xe, sau hai chiếc xe và họ phải bố trí tất cả các chỗ hóc hiểm trước khi mình tới. Tôi nói như vậy, để quý vị thấy, đức Phật dạy rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, có châu báu ở trong chéo áo, nhưng ham chơi, ham ăn, ham ngủ, tà kiến, giới cấm thủ kiến, nên đánh mất hết, không thấy. Con người đáng sợ nhất chính là tà kiến ở nơi chính họ. Tà kiến thì không bao giờ có mùa xuân. Giới cấm thủ kiến thì không bao giờ có mùa xuân. Bởi vì tin vào những điều răn sai lầm, đưa tới những nhận thức sai lầm và tạo ra tai họa cho chính mình và xã hội. Do đó, mùa xuân của con người bị biến mất, sự an lạc của con người không còn. Người đệ tử Phật nhận ra được điều này và nguyện đời đời,

kiếp kiếp sinh ra ở đâu cũng không làm ác.

Cái cực ác là giết cha. Cái cực ác là giết mẹ. Cái cực ác là chửi thầy, giết thầy, mắng thầy, vu khống thầy. Cái cực ác là hủy báng Tam bảo. Làm những cái cực ác đó thì dứt khoát không có mùa xuân. Ý thức được điều đó, người Phật tử nguyện đời đời, kiếp kiếp sinh ra ở đâu cũng không làm ác: không làm ác với cha mình, không làm ác với mẹ mình, không làm ác với chồng mình, không làm ác với vợ mình, không làm ác với con mình, không làm ác với thầy mình, không làm ác với con người.

Thứ ba, người Phật tử nguyện đời đời kiếp kiếp sinh ra ở đâu cũng làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Bởi vì, mùa xuân chưa bao giờ có mặt một cách đơn thuần. Xuân có là phải có với tất cả mọi người, tất cả muôn loài. Mùa xuân có là có với mùa hạ, mùa xuân có là có với mùa thu, mùa xuân có là có với mùa đông. Mùa xuân không phải là mùa xuân đơn thuần mà mùa xuân có là vì tất cả đang có cho mùa xuân và mùa xuân có là có cho tất cả. Nên, muốn có mùa xuân thì một lời nói gây thiệt hại chúng sinh, chúng

ta không nói và một lời nói mà đem lại lợi ích cho nhiều người thì chúng ta nói; một việc làm đem lại lợi ích cho nhiều người thì ta làm, một hành động gây tổn hại một loài chúng sinh nho nhỏ cũng không nên làm.

Thưa đại chúng, sáng này tôi vui lắm. Vui không phải vì đại chúng ngồi yên nghe tôi nói, mà tôi vui vì tôi đã làm việc từ 2 giờ sáng và khi tôi ngồi dịch kinh, một chú bướm nhỏ bay vào, đậu vào nơi tay áo của tôi; tôi nhìn chú bướm nhỏ, tôi cười, tôi nói: "Bạn à! Xuân mà. Vui lắm phải không! Mình đang ngồi dịch kinh đây". Tôi thở thật nhẹ, thấy chú bướm nằm yên, tôi nói: "Nằm yên à. Hạnh phúc nhé". Tôi tự nói với chú bướm như vậy. Có lẽ, nếu một người nhìn lên tôi thì sẽ nói "ông thầy này bị chạm thần kinh", bởi vì có ai đâu, không thấy có ai cả, tôi chỉ nhìn nơi vai tôi mà nói. Vì vậy, chúng ta phải cẩn thận những nhận thức của mình. Nhiều khi chúng ta tưởng rằng mình nói như vậy, phê phán như vậy là đúng, nhưng mà là trật lất hết. Nên Nguyễn Du nói: "Đoạn trường ai có qua cầu mới hay", chuyện của ai người ấy biết, mình đừng xía vào mà hư việc; chuyện gia đình của ai thì người ấy biết, mình đừng xía vào mà hư việc; chuyện xóm làng nào thì xóm làng ấy biết,

đừng xía vào mà hư việc; chuyện Pháp môn nào thì người ấy tu, người ấy biết, đừng xía vào, nói theo kiểu của mình mà hư việc. Ngôn ngữ tai hại nhất là ngôn ngữ chỉ trích người khác mà mình chưa có trải nghiệm.

Do đó, là đệ tử Phật, chúng ta nguyện đời đời kiếp kiếp, sống ở đâu, còn hơi thở vẫn là hơi thở của lợi ích chúng sinh, còn hơi thở thì hơi thở ấy là hơi thở của xuân mà không phải là hơi thở nào khác. Và khi ta đã có những ước nguyện như vậy thì mùa xuân là chính chúng ta và chúng ta là mùa xuân. Ở đâu chúng ta cũng có mùa xuân mà không cần phải dong ruổi tìm cầu. Xuân chính là từ bi, trí tuệ, đức hạnh ở trong tâm của mỗi chúng ta.

Thưa đại chúng.

Năm này, xuân của chú rắn. Trong kinh, đức Phật dạy, người bắt rắn phải bắt rắn đúng cách, nếu không sẽ gây tai hại. Đức Phật dạy, muốn bắt rắn, phải lấy cái nạnh, ấn vào cổ của rắn rồi mới bắt, thì rắn dữ hay rắn hiền chúng ta đều bắt được hết. Bắt như thế thì nếu bắt rắn dữ, rắn dữ không gây tai hại cho mình; bắt rắn hiền, rắn hiền cũng không than phiền mình.

Bởi vì chúng ta có phương pháp bắt rắn, nên rắn độc cũng bắt được mà rắn hiền cũng bắt được. Bắt rắn độc để làm cho rắn độc trở thành hiền, bắt rắn hiền để nuôi dưỡng cái hiền đó cho nó và khiến cho rắn không còn là rắn nữa mà được thăng hoa lên một đời sống cao hơn, đó là phước báo của con người. Đức Phật dạy, chúng ta phải biết cách bắt rắn, vì ở đời không đâu không có rắn. Con người đôi khi cũng là rắn dưới những dạng khác. Vì thiếu tu, cho nên con người trở thành rắn. Vì có tu, nên rắn trở thành người.

Là Phật tử, chúng ta không sợ rắn độc mà chúng ta chỉ sợ rằng mình không có phương pháp để chế ngự rắn độc. Khi mình đã có phương pháp chế ngự thì chú rắn độc đó sẽ trở thành hiền, vì cái gì rất độc mà mình biết cách trị liệu và chuyển hóa thì chính cái độc đó trở thành cái hữu dụng. Ngược lại, cái rất hiền mà mình không biết tiếp nhận, nuôi dưỡng thì cái hiền đó trở thành cái dữ, cái độc hại. Cho nên, mùa xuân của người đi bắt rắn, chúng ta phải biết được phương pháp bắt và phải biết bắt để làm gì.

Trong mỗi chúng ta, không phải chỉ có hai con rắn, mà có ba con: một con rắn độc, một con rắn hiền, một con rắn không

hiền không độc. Con rắn độc ở trong chúng ta là lòng tham, sân hận, si mê, tà kiến. Mùa xuân, chúng ta bắt những con rắn này ra khỏi tâm chúng ta bằng sự chánh niệm, tỉnh giác, bằng cái tuệ giác, tỉnh thức. Mùa xuân, chúng ta bắt rắn là nhìn sâu vào những tâm thiện trong chúng ta, vào tín tâm vốn có trong chúng ta, những trí thức vốn có ở trong chúng ta và làm cho những thứ ấy thăng hoa lên, đi đúng với hướng của mùa xuân, chứ không phải là chúng ta thỏa mãn với những cái trí thức phù phiếm. Chúng ta có những điều tốt rồi, chúng ta phải biết bắt nó, nhìn nó, nuôi dưỡng nó và phát triển.

Trong chúng ta cũng có loại rắn không thiện không ác, không xấu không tốt, gặp hoàn cảnh tốt thì nó tốt mà gặp cảnh xấu thì nó xấu. Đó là những chủng tử tâm hành bất tương ưng với thiện, bất tương ưng với ác. Như vậy, người đi bắt rắn khôn ngoan của mùa xuân là người bắt rắn độc để chuyển hóa và khiến cho rắn độc không còn độc nữa, bắt con rắn hiền để làm cho con rắn hiền đó tăng cái hiền lên một phước báo cao hơn, và bắt con rắn vô hại trở thành rắn hiền. Mùa xuân, chúng ta có cơ hội nhìn lại tâm hành của mình và biết nuôi dưỡng những tâm hành tốt, chuyển hóa những tâm hành xấu

và tỉnh giác đối với những tâm hành không thiện không ác đi về hướng tích cực.

Năm này, quý vị cũng lưu ý, tổ tiên chúng ta dạy rằng: "Rắn chết để da, người ta chết để tiếng". Như vậy, mình làm thế nào để chết thì cái tiếng của mình còn là tiếng của mùa xuân mà không phải là tiếng của mùa đông lạnh, mùa hạ nóng; không đi vào cái cực đoan quá lạnh, quá nóng.

Chúng ta phải sống như thế nào để khi chết, chúng ta là tiếng thơm của mùa xuân và khi sống, chúng ta chính là mùa xuân. Muốn thế, chúng ta phải thực tập năm ước nguyện và ba điều thực hành. Có như vậy thì mùa xuân mới đích thực có mặt với chúng ta, có mặt với gia đình chúng ta, có mặt với dòng họ chúng ta, có mặt về quê hương xứ sở của ta, có mặt với thế giới con người. Kính chúc đại chúng thực tập thành công.

Nam mô A Di Đà Phật.

HUẤN TỪ GIAO THỪA XUÂN ẤT TỴ

*Huấn từ Hòa thượng Thích Thái Hòa ban cho Tăng chúng và Phật tử
chùa Phước Duyên – Huế, Giao thừa xuân Ất Tỵ 2025*

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Quý thầy, quý chú, quý đệu, cùng các con học trong Chánh Tâm và quý Phật tử có mặt trong giờ phút linh thiêng này của đêm Giao thừa năm Giáp Thìn và năm Ất Tỵ. Giờ phút này, chúng ta có mặt cho nhau, chúng ta cũng đã từng có mặt cho nhau, và rồi chúng ta cũng sẽ có mặt cho nhau. Có mặt cho nhau để giúp nhau những gì tốt đẹp và phát triển những gì tốt đẹp ấy cho nhau, để đời đời sinh ra ở đâu, chúng ta hoặc làm thầy; hoặc làm trò; hoặc làm người xuất gia; hoặc làm người tại gia, đều được sống ở trong ánh sáng trí tuệ và từ bi của đức Phật. Và chúng ta cũng có mặt cho nhau và sẽ có mặt cho nhau, để giúp nhau vượt ra khỏi những yếu kém của bản thân mình, bởi vì trong tất cả chúng ta không ai là không có những điều tích cực để sống và không ai không có những điều tiêu cực để cản trở đời sống của mình tiến lên. Cho nên, chúng ta cần có mặt cho nhau, để giúp nhau thoát ra những tiêu cực và vươn tới đời sống tích cực, để đời sống của mỗi

chúng ta đều có một ý nghĩa và có một giá trị nhất định.

Cách đây ba năm, chúng ta còn có Hòa thượng Viện chủ, nhưng rồi Hòa thượng Viện chủ đã quay gót về Tây, để lại cho thầy trò, cho anh em chúng ta nhiều bài học quý báu. Có những bài học rất hay mà chúng ta không nhận ra khi Hòa thượng hiện tiền, hoặc là có những bài học rất dở nhưng mà khi Hòa thượng hiện tiền, chúng ta cũng không nhìn ra để khắc phục. Và rồi tất cả chúng ta cũng phải lên đường; không lên đường cách này, cũng phải lên đường cách khác. Không ai ở mãi được với hình hài này, với thế giới này. Cho nên, chúng ta tu học một cách trọn vẹn, để khi có cơ hội là chúng ta lên đường, lên đường để tiếp tục những gì chúng ta cần phải làm cho nhau, và để giúp nhau trên con đường tốt đẹp ấy.

Năm nay là năm Ất Ty. Ất biến thể là vong, ty là rắn. Năm nay là năm Ất Ty, có nghĩa là năm rắn chết. Tổ tiên Việt Nam chúng ta có nói rằng: "Rắn chết để da; người ta chết để tiếng". Do đó, chúng ta làm thế nào, khi đang sống, chúng ta không để tiếng buồn cho chính bản thân mình, cho gia đình mình, cho dòng họ của mình, cho quê hương xứ sở của mình. Và chúng ta phải sống như thế nào, để khi ta có mặt hay không

có mặt, thì tiếng thơm của chúng ta vẫn có. Tiếng thơm ấy không đi kiếm từ đâu, mà phải kiếm từ nơi Giới đức. Chúng ta đã có duyên lành thọ trì pháp Tam quy, Năm giới, hay Sa-di giới, hoặc Sa-di-ni giới, Thức-xoa-ma-na giới, Tỳ-kheo giới, Tỳ-kheo-ni giới, Thập thiện, Bồ tát giới. Chúng ta phải nương nơi Giới mà tu tập. Chỉ có Giới mới tạo ra hương thơm trong đời sống của chúng ta. Và hương thơm ấy mới là hương thơm không phải là bay thuận theo chiều gió, mà bay khắp cả muôn phương.

PHÁP THOẠI AN VỊ PHẬT

Pháp thoại Hòa thượng Thích Thái Hòa

giảng cho gia đình Phật tử Tâm Hy

Hôm nay là ngày mừng 9 tháng Chạp năm Canh Tý, nhằm ngày 21 tháng 1 năm 2021, tại gia đình chúng ta có đại lễ thỉnh Phật an vị, cầu an, khánh tạ và thỉnh chư tôn linh của hai dòng dõi huyết thống Nguyễn Hữu và Hoàng tộc, cũng như các vị quá cố trong gia đình, về cùng con cháu chia sẻ niềm vui lớn lao này. Không những vậy mà mình còn nghĩ tới những người quá cố, những tâm linh không nơi nương tựa, không chỗ cậy nhờ, cầu nguyện cho họ, trong niềm vui này họ cũng được dự phần. Và mình cũng cảm ơn những tâm linh chung quanh mà mắt thường mình không thấy, trong thời gian xây dựng nhà cửa có những đụng chạm, ồn ào, nên mình làm lễ cầu nguyện cho họ. Và mình cũng cầu nguyện cho các vị thổ thần đất đai. Do đó, việc làm này có ý nghĩa rất quan trọng. Nó vừa là đạo đức, nó vừa là tín ngưỡng, nó vừa là tâm linh, vừa là văn hóa cao đẹp, mà không phải gia đình nào cũng có thể làm được đâu. Làm mà đủ duyên mới là khó. Người xưa nói, mình làm việc thành

công là phải có ba điều kiện: thiên thời, địa lợi, nhân hòa.

Ngày hôm nay đúng là ngày tốt, ngày thiên thời, ngày có âm can, vừa có mưa, vừa có nắng, mưa không lớn mà nắng cũng không lớn, thiên thời tốt lắm.

Rồi nhà cửa khang trang cả rồi, mọi chuyện liên thông với nhau, từ tầng trệt cho tới tầng cao nhất, và trong ngôi nhà mình cũng phân bố rõ ràng đâu là chỗ tâm linh, đâu là khu cư trú cho cha cho mẹ, cho con cho cháu. Như vậy rõ ràng là địa lợi của mình. Có nhiều vị xây dựng cái nhà nhưng không có địa lợi, nhìn vô lúng túng lắm. Nhà mình đây, phân bố phòng khách rất hợp tình hợp lý, cho nên anh Tú, anh Lai, anh Phúc, ai tới thấy cái phòng khách của mình không sang trọng, đơn giản, nhưng có cái gì đó rất chân thành và thanh thoát. Cái đó mới là khó. Sang trọng chưa chắc đã thanh thoát. Và có khi nó thanh thoát nhưng nhìn không sang trọng. Nhưng của mình sang, mà thanh thoát, nên nhìn không thấy sang. Và vì thanh thoát, mà sang, nên mình thấy gần gũi. Gần gũi là vì sang mà không tầm thường, nó bình thường trong sinh hoạt nhưng không kiêu sa.

Thứ ba là nhân hòa. Hôm nay con cháu tập trung lại, vui vẻ từ trên xuống dưới. Bữa ni là thứ năm, rửa mà Tú Anh với Tuấn Anh từ xa mà cũng tranh thủ về được; rồi anh Lợi, chị Hà cũng nghỉ việc được; Lan Anh cũng nghỉ được; Hoàng Anh đáng lẽ ngày ni phải đi chắm thi nhưng vì kỹ thuật nên cũng được ở nhà để chứng kiến buổi lễ và góp phần cầu nguyện; Mít, Bơ cũng được nghỉ học để tham dự. Nhân hòa đó. Không phải dễ đâu.

Và quan trọng của buổi lễ này nữa là mình tạo điều kiện cho hai vị được quy y Tam bảo. Công đức đó rất là lớn.

Như vậy, quý vị phải cố gắng giữ gìn, gia đình cố gắng ăn chay, niệm Phật thêm, không phải phước duyên này ai cũng có được đâu. Khó lắm. Mình có được như vậy là do tâm thành của mình mà cảm ứng, cảm ứng Tam bảo, cảm ứng trời đất cho con cháu hòa thuận. Do đó, gia đình cố gắng lên, ăn chay niệm Phật thêm, tin Tam bảo thêm, làm việc gì thì nghĩ tới cái chung mà làm, đừng nghĩ tới cái riêng. Hễ nghĩ tới cái chung thì phước lớn mà nghĩ tới cái riêng thì phước nhỏ. Nghĩ tới cái chung thì phước nhỏ thành ra lớn, mà nghĩ tới cái riêng thì phước lớn co lại

thành nhỏ. Nhớ không Bơ, Mít. Hai đứa con phải luôn luôn hiếu thuận, hiếu thảo với ông bà, ba mẹ, mấy o. Phải biết, có phước đức là mình có hết, mà không có phước đức là mình không có chi cả. Không có phước đức thì mình mong cầu cũng không có, mà có phước đức thì không mong cầu cũng có. Không có phước đức thì của mình, hấn cũng xách gói đi. Mà phước đức là chi? Cơ bản là phải có hiếu thảo với cha với mẹ, với ông bà tổ tiên nội ngoại – cho nên cầu siêu, an vị là cho cả bên nội và bên ngoại, trọn vẹn. Vì vậy, lúc nãy thầy nói là, dưới ảnh của ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại mình phải ghi tên, Pháp danh, năm sinh, năm mất để sau này, người khác tới, nhìn là họ biết, chứ đôi khi nhìn vào bức ảnh không biết ai hết; rồi hỏi "ông bà sinh năm nào hè?" cũng không biết, "mất năm nào hè?" cũng không biết. Mà mình không biết văn hóa, tâm linh trong gia đình mình, thì làm sao mình đóng góp văn hóa cho xã hội được. Xã hội mà văn hóa cao là từ nơi văn hóa của gia đình. Cho nên, người xưa nói rất là hay: "Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Thân không tu, gia không tề, lấy cái gì mà trị quốc, lấy cái gì mà bình thiên hạ? Rõ ràng, giờ đây, trong cái xã hội này, làm chi cũng phải có

lý lịch. Dù là hỏi dưới ý thức nào mình chưa nói, nhưng người ta vẫn căn cứ cái gốc rễ. Và chuyện biến động tại Hoa Kỳ trong cuộc bầu cử tổng thống và nhậm chức của ông Biden, khi đưa vệ binh và quân đội đến đó rồi, mà nghe nói trong đó có những người như thế này, thế kia thì người ta phải rà lại lý lịch của những người đó. Một xã hội Tây phương như vậy, người ta vẫn không bỏ lý lịch, vì nó có sự liên hệ. Mà về mặt khoa học thì có liên hệ về gene. Mỗi nơi có một sự diễn đạt, một cách nghiên cứu về gốc rễ. Phương pháp có khác nhau nhưng tất cả cũng chỉ để hiểu được con người đó có gốc rễ nào. Cho nên, phải nắm lấy cái gốc rễ, chăm sóc cái gốc rễ. Mà gốc rễ của con người, chứ không phải là Á Đông, Tây Phương chi hết. Là con người thì phải có đạo đức. Là con người thì phải có tình người. Mà đạo đức thì lấy đâu mà làm gốc? Lấy cha mẹ, tổ tiên của mình, bằng sự hiếu thảo, hiếu đạo làm gốc. Và lấy đâu mà định lượng cái đạo đức đó? Lấy Tam bảo mà làm định lượng cho đạo đức đó. Vì vậy, bước đầu của người Phật tử lúc nào cũng phải quy y Tam bảo. Phải lấy Tam bảo làm định lượng để mình biết thế nào là đạo đức, thế nào là không đạo đức. Do đó, phải cố gắng lên. Có

được một gia đình như thế này không phải đơn giản đâu.

Mà ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại cũng đã có một quá trình rồi, nên mới được ba, được mẹ như thế này, rồi mấy đứa con mới được anh, được chị như thế này nữa: anh chị nói em nghe, em có chi thưa với anh chị thì anh chị lắng nghe, mình nói trong sự thương quý, trân trọng, chứ không phải nói bằng cái tâm chỉ trích hay cái tâm bực bội, khi nào bực bội thì mình không nói, khi hết bực, mình mới nói. Trong đời sống bình thường, thì tâm con người đương nhiên làm sao khỏi phiền muộn, làm sao mà khi nào cũng như ý mình được. Nên, anh chị em khi nào có điều gì không như ý, thì mình cứ giữ cái đó lại, rồi từ từ mình giải tỏa trong sự thương, quý, kính trọng, chứ không phải là nói theo cách giận dữ của mình. Khi mình nói theo cách giận dữ của mình là mình mất hết. Như vậy là mình tạo ra được một cái hồn trong ngôi nhà, còn không thì cái nhà to thiệt là to mà không có hồn.

Đó, Thầy dặn dò như vậy thôi. Rứa hí.

Giờ cả nhà chấp tay, chúng ta hồi hướng.

"Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử và chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo".

Nam mô A Di Đà Phật.

PHÁP TỪ

CHO ĐỘI BÓNG CHUYỀN

Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho Câu lạc bộ thể thao

Phước Duyên nhân dịp tất niên cuối năm

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Cùng toàn thể đại chúng có mặt ở trong Câu lạc bộ thể thao Phước Duyên, cũng như quý vị quan khách hiện diện quý mến!

Ngày trước, tôi làm Giáo thọ và quản chúng tại Viện Cao đẳng Phật học Từ Hiếu. Trong giáo học của Phật học viện Cao đẳng Từ Hiếu, gồm có ba vấn đề: vấn đề thứ nhất là Đức dục, vấn đề thứ hai là Trí dục, vấn đề thứ ba là Thể dục; đưa vào chương trình học và thi cử liên tục.

Mặt Đức dục là nuôi dưỡng đức hạnh của con người bằng tính chất từ bi, bằng tính chất hiếu đạo. Và chính hiếu đạo thuộc về đạo đức, hiếu tình thuộc về đạo đức, từ bi thuộc về đạo đức. Vì vậy mà chúng tôi giáo dục các Tăng sinh bấy giờ, làm bất cứ điều gì cũng thiết lập trên lòng nhân từ, làm

bất cứ điều gì cũng thiết lập trên nền tảng từ bi. Tài năng phát triển trên nền tảng từ bi thì tài năng đó mới thật sự là tài năng hữu ích cho mình và cho người, đời này và đời sau. Tài năng không thiết lập trên nền tảng của từ bi thì tài năng đó là tài năng cực kỳ nguy hiểm, nguy hiểm cho chính bản thân của người có tài năng, nguy hiểm cho gia đình của người có tài năng và nguy hiểm cho xã hội mà nhiều người có quá tài năng nhưng thiếu từ bi, thiếu đức hạnh, thiếu nhân từ. Bởi vì sao? Bởi vì tài năng mà thiếu đức hạnh, thiếu nhân từ, thì luôn luôn tranh hơn với người. Khi đã tranh hơn với người thì không chừa bất cứ thủ thuật hay thủ đoạn nào với đối phương. Cho nên, tài năng phải thiết lập trên nền tảng từ bi, trên nền tảng nhân từ.

Thứ hai là Trí đức. Chương trình học của quý thầy có đầy đủ Kinh, Luận và Luật, các môn học ngoại ngữ, các môn học triết học. Tất cả đều đầy đủ. Nhưng mà trí đó cũng phải là trí đức, từ đức mà sinh ra trí. Và các thầy thi cử liên tục.

Môn học thứ ba là Thể dục. Thể dục là trong đó có học luôn cả môn võ thuật Thiếu lâm. Chúng tôi mời các thầy giỏi về Thiếu lâm đến Tổ đình Từ Hiếu dạy cho các thầy, và nó thuộc về môn

học, và buộc phải học. Trong những môn học võ Thiếu lâm đó, cũng có một số người ngoài được tham dự, cụ thể ở đây có chú Thảo, ở trong nhóm Thiện Tài Đồng Tử, hiện nay là thầy Nhật Chơn. Xin mời thầy Nhật Chơn đứng dậy. Các thầy Tăng sinh chơi bóng chuyền, chơi bóng đá, gồm cả Thiếu Lâm, thỉnh thoảng các Tăng sinh đi thi đấu giao hảo với các chủng sinh của Đại chủng viện Kim Long hoặc ở Thiên An, sự sinh hoạt thể thao với nhau rất là thú vị.

Cho nên, Phật học viện Cao đẳng tại Từ Hiếu, dưới sự điều hành của Hòa thượng Thích Thiện Hạnh, Hòa thượng Chí Mậu, Hòa thượng Chí Thắng, tôi, và nhiều vị Giáo thọ sư khác, đã hoạch định chương trình đào tạo Tăng sinh đầy đủ cả ba mặt, tức là Đức dục, Trí dục và Thể dục. Từ đó, trận lụt hồng thủy lớn nhất thế kỷ năm 1999, Học tăng Từ Hiếu đã dẫn thân đầu tiên trong việc cứu trợ đồng bào lũ lụt, trong khi đó chính quyền chưa có dấu hiệu gì, các tôn giáo khác cũng chưa có dấu hiệu gì, các đoàn thể xã hội cũng chưa có dấu hiệu gì, nhưng mà Viện cao đẳng Phật học tại tổ đình Từ Hiếu đã dẫn thân đầu tiên trong việc cứu trợ bà con khốn khổ trong trận lụt năm 99.

Khi ấy, quý thầy bước xuống hồ bán nguyệt của Từ Hiếu thì nước đã lên thấu rốn, cho nên đi về đường Điện Biên Phủ thì nước lụt hết, cả đồng ruộng nơi đó nước cũng lụt hết. Có nhiều người nữ mang thai, mà nước lụt chảy xiết như vậy không ai dám cứu, thì các thầy Tăng sinh Từ Hiếu đi chặt chuối, liên kết lại thành bè và lao mình ra nơi mái nhà các vị nữ có thai và những bà già đang đứng cầu cứu, các Tăng sinh Từ Hiếu đầu bè ra, đưa các vị đó vào chỗ an toàn. Rồi các sinh viên của trường Y Khoa cư trú và trường Cán sự Y Tế không có thức ăn, không có nước uống, thì Tăng sinh Từ Hiếu đầu bè và lội qua những chỗ hiểm trở để di chuyển thức ăn tới. Tôi nói như vậy để quý vị thấy rằng, nếu chỉ có Đức dục, chỉ có thương, chỉ có lòng nhân; hay chỉ có Trí dục, chỉ có sự hiểu biết mà không có sức mạnh, thể lực và không có khả năng để tự tin trong người thì không có khả năng làm như vậy được. Cho nên, Tăng sinh Từ Hiếu đã làm công việc rất vĩ đại, là nhờ chúng tôi giáo dục đầy đủ cả ba chất liệu là Đức dục, Trí dục và Thể dục; và trong thể dục đó có cả môn võ thuật Thiếu Lâm, có cả thể thao bóng chuyền, có thể thao bóng đá. Cho nên Tăng sinh Từ Hiếu vút vào ở lãnh vực nào, thì quý vị cũng hành xử một cách tốt đẹp mà đầy tự tin.

Đi từ thiện là thể hiện cái gì? Thể hiện cái Đức dục. Phương pháp để làm từ thiện như thế nào cho có kết quả đó là Trí dục. Và mình phải có sức mạnh để biến cái Đức dục, cái Trí dục đó trở thành thực tế, hữu ích cho con người và xã hội thì phải có Thể dục. Không có Thể dục, thấy nước chảy là sợ. Cho nên, có những buổi đi dã ngoại, chúng tôi đưa Tăng sinh Từ Hiếu về dưới cãng Chân Mây cho quý vị đá bóng ở dưới đó, và đá bóng ở biển, đánh bóng chuyền giữa biển và bờ lội.

Do đó, chúng ta phải tập thể dục, chúng ta phải tập thể thao dưới nhiều cách khác nhau, để chúng ta có nhiều điều kiện thể hiện lòng nhân của mình, có nhiều điều kiện để thể hiện trí tuệ của mình. Có như vậy thì chúng ta mới đầy đủ khả năng, đầy đủ thể lực. Vì vậy mà tôi khuyến khích quý vị thể thao.

Cho nên, nơi đây tôi nói bác Phúc kể sân để quý vị đánh võ cầu, và tôi khuyến khích các thầy, các chú ở đây chơi võ cầu, chơi bóng chuyền, chơi đá bóng, đi làm từ thiện và luôn luôn tu học một cách nghiêm túc. Bởi vì, đó là một cách để mình cân bằng giữa tình thương, giữa những trí thức của mình với sức khỏe của mình. Một con người có đầy đủ cả ba mặt như vậy, thì con người đó mới sống đầy đủ bản lĩnh. Có tiền mà

không có sức khỏe thì cũng zero. Có trí thức mà đau lên đau xuống thì trí thức đó cũng zero. Có tình thương mà không có sức khỏe thì tình thương đó cũng ngồi một chỗ mà thương thôi, cũng chẳng giúp được gì. Cho nên, chúng tôi đã đưa Thể dục vào làm một môn học chính thức trong ba môn học thuộc về Đức dục, thuộc về Trí dục và thuộc về Thể dục. Và trong môn Thể dục này, buổi sáng nào, Tăng sinh Từ Hiếu cũng đi thiền hành và đi chân không. Mà đất Từ Hiếu là quý vị biết rồi, đầy sỏi. Nhưng mỗi sáng đi chân không là để cho chân của mình chạm xuống nơi đất, làm cho các huyết đạo ở chân mình được kích hoạt và mạnh dần lên.

Do đó, mình không nên đào tạo những con người quý phái, mà đào tạo những con người dần thân. Không đào tạo những con người nằm trong tháp ngà để người khác tôn vinh, mà đào tạo những con người thực sự lợi ích cho Đạo, cho đời. Không đào tạo những nhà lý thuyết, những nhà lập thuyết, mà đào tạo những con người dần thân. Muốn dần thân thì không thể không có sức khỏe. Muốn có sức khỏe không thể không có võ thuật, không có Thiếu Lâm, không có thể thao, không thể không có Thể dục. Nên, khi quý vị đã thể hiện những điều này, tôi khuyên

khích thầy Nhật Huy treo giải thưởng thật cao, mình phải kích hoạt khả năng thật sự để cho tất cả có động lực mà thể hiện và thực hiện. Vì vậy, tôi rất tùy hỷ việc làm này, và mong rằng Câu lạc bộ thể thao Phước Duyên chúng ta được phát triển một cách tốt đẹp, đa dạng, phong phú, để chúng ta có khả năng, có sức khỏe, có đủ bản lĩnh để chuyên vận cái đức dục và trí dục của chúng ta đến với mọi thành phần xã hội.

Và qua những thước phim chúng tôi đã thấy rằng, quý vị đi làm từ thiện ở A Sao, A Lưới rất gần gũi quần chúng bà con nghèo, đó là tinh thần dân thân của Phật giáo mà chỉ có Phật giáo Đại thừa mới có tinh thần đó. Không có Phật giáo Đại thừa, Phật giáo không giới thiệu được cho mọi thành phần xã hội, không đáp ứng được nhu cầu cho mọi thành phần xã hội. Cho nên, muốn giới thiệu được Phật giáo là của xã hội, là của mọi thành phần xã hội, là của tất cả chúng sinh, thì chúng ta không thể thiếu ba mặt giáo dục là Đức dục, Trí dục và Thể dục. Mong rằng, học chúng này càng ngày càng phát triển thêm lên về con người, về các môn học thể thao, để chúng ta đóng góp sự có mặt của chúng ta giữa xã hội một cách có ý nghĩa.

Kính chúc tất cả quý vị có mặt hôm nay thành tựu và thành tựu sự kết nối hơn nữa trong những năm tới. Và trong những năm tới, tôi vẫn tiếp tục sát cánh cùng quý vị và có những phần thưởng xứng đáng cho quý vị.

Nam mô A Di Đà Phật!

ĐÁP TỪ
TÁC BẠCH CÚNG DƯỜNG QUÁ ĐƯỜNG
MÙA AN CƯ KIẾT HẠ PL. 2568

*Đáp từ Hòa thượng Thích Thái Hòa ban cho Phật tử, mùa An cư
PL. 2568, tại chùa Phước Duyên - Huế*

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Cùng các tín chủ trực tiếp cúng dường và các Phật tử tụng
duyên, tùy hỷ cúng dường trực tiếp, gián tiếp ở trong Pháp
hội cúng dường An cư tại trú xứ Tăng già lam Phước Duyên,
thành phố Huế, PL. 2568 hiện diện quý mến.

Thật hạnh phúc thay chư Phật ra đời.

Thật hạnh phúc thay Chánh pháp được tuyên dương.

Thật hạnh phúc thay Tăng-già hòa hợp.

Thật hạnh phúc thay Tứ chúng đồng tu.

Qua lời tác bạch cúng dường của quý vị trưa hôm nay đã nói
lên niềm tin thanh tịnh của quý vị đối với Tam bảo, đối với
Tăng-già và đã nói lên niềm tin kiên cố của quý vị trong sự

thực hành Pháp trong đời sống hằng ngày của chính mình. Có niềm tin đối với Tam bảo đã là khó, nhưng không khó bằng hiểu biết Tam bảo để phụng sự, hiểu biết Tam bảo để dẫn tới lợi mình, lợi người lại càng rất khó. Sống trong một xã hội mà con người rất giàu có vật chất, rất giàu có tiện nghi, nhưng quá ư nghèo khó về tâm hồn, quá ư nghèo khó về tình cảm, quá ư nghèo khó về niềm tin, thế mà quý vị đã giữ được tình cảm của mình một cách trọn vẹn đối với gia đình, đối với đồng nghiệp, đối với gia đình huyết thống và đối với gia đình tâm linh. Rồi quý vị thực hành pháp cúng dường, và nhất là cúng dường Tăng trong ba tháng an cư, ấy là một điều quá khó với thời đại hôm nay, mà quý vị đã làm được, đang làm được và nguyện sẽ tiếp tục làm được. Quý vị làm được những điều ấy, quý vị sẽ biến niềm vui trở thành vui thêm và chuyển hóa tất cả những niềm đau buồn tủi của mình trở thành hướng tích cực.

Chính như quý vị đã tác bạch, một ngọn đèn đi qua thì những ngọn đèn sau lại tiếp tục; tiếp tục lấy từ bi làm Giới để dứt ác hành thiện; lấy thanh tịnh tâm ý làm Thiên định để nhiếp phục phiền não ở nơi tâm, nhiếp phục tâm bốn xén, bản thiện ở nơi

tâm, nhiếp phục tâm kiêu mạn, sở đắc ở nơi tâm và hành đạo một cách tự nhiên không chấp trước, không bên này, không bên kia, không chằng giũa. Một khúc gỗ bị kẹt bờ bên này, khúc gỗ ấy không thể đi ra được với đại dương rộng lớn; khúc gỗ bị kẹt bên kia, khúc gỗ ấy cũng không đi ra được với đại dương rộng lớn; khúc gỗ bị kẹt ở gầm cầu, ở hoang đảo, hay bị người ta vớt lên để sử dụng, khúc gỗ ấy cũng không đi ra được với đại dương rộng lớn. Bồ tát ý thức được điều này trên con đường hành đạo, cho nên Bồ tát lấy trí tuệ làm sự nghiệp. Nhờ có trí tuệ làm sự nghiệp mà Bồ tát hành đạo không vướng mắc, không vướng mắc với bất cứ danh tướng nào của thế gian. Nhờ vậy, Bồ tát ở đâu cũng làm cho Phật Pháp trường tồn; Bồ tát ở đâu thì ngọn hải đăng ở đó soi rọi, phá tan đêm trường tăm tối thế gian, đưa những người trong thế gian: ai có mắt thì thấy, ai có tai thì nghe, ai có tâm thì cảm, ai có nguyện thì biến thành hiện thực, ai có hạnh thì sống chết với hạnh ấy. Cho nên, trong Lục độ tập kinh, Bồ tát đã từng nói rằng "thà mất nước không thà mất hạnh". Mất nước mà mất hạnh thì nước vĩnh viễn mất, mất nhà mà mất nếp sống đạo đức hiếu thuận thì gia đình ấy vĩnh viễn mất. Nhưng mất nhà mà nếp sống thờ cha kính mẹ, phụng sự tổ tiên, anh chị em thương

quý nhau, thì nhà ấy có mất đi nữa, cũng có cơ hội phục hồi và xây dựng trở lại. Nước có mất đi nữa mà người dân còn hạnh, còn nếp sống đạo đức văn hóa, biết nghĩ đến các bậc tiền nhân, biết nghĩ đến những người đã nằm xuống cho mình tồn tại, nhớ đến công ơn sinh thành, dưỡng dục cũng như xây dựng quê hương xứ sở của các bậc tiền nhân chúng ta, thì dù có mất nước đi nữa, nước cũng phục hồi trở lại không bao lâu. Vì vậy, Bồ tát tuyên bố "thà mất nước không thà mất hạnh". Sự tuyên bố ấy đi từ tới một tuệ giác sâu thẳm mà Bồ tát không lấy danh lợi của thế gian, tài sản của thế gian, tri thức của thế gian làm sự nghiệp mà lấy trí tuệ làm sự nghiệp.

Hôm nay, trong không gian này, tất cả quý vị có duyên trở về trú xứ Tăng-già-lam an cư Phước Duyên, thành phố Huế, dâng lời tác bạch cúng dường, bằng tất cả tâm chí thành của mình. Điều ấy đã được chư Phật, Bồ tát, Thánh hiền không những chứng minh mà còn có lời ca ngợi. Và giờ phút này, Giác linh Cố Trưởng lão Hòa thượng Viện chủ Tự viện Phước Duyên, cũng như Giác linh của Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ và Chư Tôn đức khác đã qua đời đều rất hoan hỷ khi nghe những lời tác bạch của quý vị dâng lên cúng dường trong

buổi lễ hôm nay. Và chư Tăng Ni hiện tiền hết sức vui mừng, hoan hỷ vì biết rằng dù bao nhiêu gian khổ, dù gặp nhiều nguy khó, lý tưởng quý vị vẫn luôn luôn tôn thờ, niềm tin Tam bảo của quý vị không hề sức mẻ bởi những luận điệu xuyên tạc đủ kiểu đối với Phật giáo. Cho nên, đó là điều vui mừng mà quý vị có được để dâng lên cúng dường Tam bảo nhân ngày đầu hạ PL. 2568 của chư Tôn đức Tăng-già an cư tại tất cả các trú xứ nói chung và tại trú xứ Tăng-già-lam Phước Duyên nói riêng. Xin cầu nguyện Tam bảo chứng minh gia hộ cho sở nguyện cúng dường của tất cả quý vị trực tiếp, gián tiếp hôm nay được viên thành.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma-ha-tát.

HUẤN TỪ

Huấn từ Hòa thượng Thích Thái Hòa ban cho các Học chúng nhân ngày Pháp sanh trong Chánh pháp của Hòa thượng, tại chùa Phước Duyên Huế

Nam mô Bổn sư Thích ca mâu ni Phật.

Cùng toàn thể Phật tử hiện tiền.

Qua lời tác bạch, cảm niệm của quý vị dâng lên Tam bảo, dâng lên thầy thật đầy xúc động, thật đầy sự thương quý, thầy xin thay mặt Tam bảo, lịch đại tổ sư, cũng như các bậc cao đức, thầy tổ của thầy, cha mẹ của thầy, cũng như các thiện hữu tri thức của thầy, cảm ơn tấm lòng với tình cảm chân tình sâu lắng của toàn thể quý vị học trò đang có mặt ở trong pháp hội này. Cầu nguyện Tam bảo gia hộ cho tất cả quý vị hiện tiền, cũng như quý vị gián tiếp và những vị học trò đã qua đời: luôn luôn nuôi lớn tín tâm thanh tịnh của mình đối với Tam bảo, luôn luôn quy ngưỡng đối với Tam bảo, luôn luôn giữ hạnh và nguyện của mình đã từng phát nguyện để thực hành. Chỉ có sự thực hành đúng với niềm tin của mình, chỉ có sự thực hành đúng với sự quy ngưỡng của mình, thì tự

thân của mỗi chúng ta sẽ có được chất liệu an lạc hạnh phúc, và tự thân của chúng ta sống cuộc đời có hữu ích, có ý nghĩa, có giá trị lâu dài để có thể kế thừa những gì tốt đẹp từ nơi gia đình huyết thống và phát huy sự tốt đẹp nơi gia đình huyết thống ấy để trở thành gia đình tâm linh rộng lớn, rộng lớn về mặt không gian, rộng lớn về mặt thời gian, rộng lớn về mặt hình tướng đối với tất cả muôn loài chúng sinh.

May mắn nhất là tất cả chúng ta được làm đệ tử Phật. Dù xuất gia hay tại gia, chúng ta phải nhớ ngày pháp sinh của chúng ta. Người cư sĩ tại gia nhớ ngày pháp sinh của mình chính là nhớ ngày mình thọ trì Ba pháp quy y và Năm cấm giới mà bốn sư của mình đã thay mặt Chúng tăng để trao truyền giới pháp cho mình. Và người cư sĩ tại gia, sau khi đã thọ trì Giới pháp căn bản, để tiến lên thọ Thập thiện giới và Bồ tát giới tại gia, thì cũng phải nhớ những ngày pháp sinh thăng tiến này của sự tu học. Từ nơi đời sống của người tại gia mới mong cầu để được thọ trì Giới pháp của người xuất gia. Cứ như thế mà chúng ta có rất nhiều cơ hội để sinh ra trong ngôi nhà Phật Pháp, từ thấp lên cao, từ hẹp tới rộng, từ cạn tới sâu.

Tôi nhờ có chút thiện căn ở trong Phật pháp nhiều đời, cho nên

khi còn là chú oanh vũ, sinh hoạt gia đình Phật tử Thành Công. Khi tôi mới 10 tuổi, Hòa thượng Thích Đôn Hậu bảy giờ là Thượng tọa, được Khuôn hội Phật giáo Thành Công cung thỉnh về chùa, làm lễ an vị Phật tôn tượng đức Bổn sư và Ngài có thời thuyết pháp. Nhìn dung nghi của Hòa thượng Thích Đôn Hậu bảy giờ, từ đi đứng nằm ngồi, cho đến lên Pháp tòa thuyết pháp, mọi dung nghi của Ngài, tuy rất còn trẻ nhưng đỉnh đặc và trác việt vô cùng. Ngài dạy tôi không hiểu, nhưng tôi hiểu Ngài qua phong thái đi đứng nằm ngồi uy nghi của Ngài. Và chính cái đó là tác nhân, tác duyên khiến cho tôi tín kính Tam bảo. Từ một chú bé 10 tuổi và sau đó ôm ấp chí nguyện làm người xuất gia và phải xuất gia, và xuất gia phải lớn lên, phải xứng đáng như sự xứng đáng của Hòa thượng Thích Đôn Hậu. Chính hình ảnh của bậc Cao tăng ngày ấy, đã đưa tôi đi tới với đời sống xuất gia. Và hình ảnh bậc Cao tăng ấy đã đi theo tôi cho đến ngày hôm nay. Và hình ảnh rất nhiều bậc Cao tăng khác cũng đã ảnh hưởng lên đời sống của tôi. Đó là hình ảnh của ngài Trí Thủ, ngài Phúc Hộ, hình ảnh của ngài Mật Hiền, hình ảnh của ngài Thiện Siêu, hình ảnh của ngài Minh Châu, hình ảnh của ngài Đồng Minh, hình ảnh của ngài Đức Nhuận, hình ảnh của ngài Huyền Quang, hình ảnh của ngài Quảng Độ,

hình ảnh của Hòa thượng Đức Tâm, hình ảnh của hòa thượng Thanh Trí, hình ảnh của Ôn Hiếu Quang, Ôn Phổ Quang, Ôn Kim Tiên và hình ảnh hiền lành chất phát như ôn Từ Quang, ôn Từ Ân, ôn Giác Lâm, ôn Từ Mãn ở Đà Lạt, ôn Tịnh Hải và nhiều vị thầy khác. Rồi hình ảnh của ngài Đức Chơn và thầy Tuệ Sĩ. Và bao nhiêu hình ảnh của các bậc Cao đức, của các bậc Thiện hữu tri thức như thế đã giúp tôi, đã nuôi lớn tôi mỗi ngày. Cho nên hôm nay, những gì tôi có, không phải là cá nhân tôi, mà tôi có là từ Thầy tổ của chúng tôi, tôi có là từ anh em chúng tôi, tôi có là từ đạo bạn của chúng tôi, tôi có là nhờ sự tín tâm, hỗ trợ của các giới Phật tử.

Hôm nay, quý vị có lời mừng pháp sinh của tôi, tôi thấy rằng trong lời mừng pháp sinh này không thể thiếu đi hình ảnh của các bậc Tôn đức của chúng tôi, của các Thiện hữu tri thức của chúng tôi, của các huynh đệ của chúng tôi. Dù huynh đệ xuất gia của chúng tôi có người không đi trọn con đường xuất gia của mình, nhưng mà vẫn là đồng hành với chúng tôi dưới nhiều hình thức khác nhau. Và có những huynh đệ xuất gia đang đồng hành với tôi trong tất cả các Phật sự trong nước, ngoài nước, cũng như tại Tự viện Phước Duyên. Cho nên, buổi lễ pháp sinh

mà quý vị dành cho chúng tôi hôm nay, chính là dành một sự chân tình giữa thầy và trò, giữa trò và thầy.

Đồng thời trong lễ pháp sinh này, không thể thiếu vắng hình ảnh cha tôi, hình ảnh mẹ tôi. Đi tu ba năm, thầy Bồn sư chúng tôi là thượng Đánh hạ Lễ không cho đi học văn hóa ở ngoài, mà chỉ dạy tôi học bốn quyển luật và hai thời công phu, rồi dạy những căn bản Phật pháp. Khi tôi đã học xong tất cả những gì mà thầy tôi dạy và xin thầy đi học văn hóa ngoài, thầy không cho, tôi đã trốn thầy về nhà. Và mẹ tôi cho tôi ăn cơm, sắp chỗ ngủ cho tôi ngủ, sáng ngày nấu cơm dọn cho tôi ăn, rồi bảo tôi rằng: "Chú lên cả thầy trông". Tôi nói rằng: "Con xin đi học văn hóa ngoài, thầy không cho, cho nên bây giờ con không lên nữa. Con ở ngoài đợi để con đi học, đỗ tú tài xong rồi đi tu. Bởi vì đi tu mà văn hóa yếu quá không thể hiểu được đạo lý, đạo lý cao sâu mà văn hóa kém cỏi, trí thức nông cạn không hiểu được lời Phật dạy, không hiểu được lời Tổ dạy, không tiếp nhận những lời chỉ dạy của các bậc Thiện hữu tri thức. Cho nên, con phải có văn hóa tối thiểu của thế gian là phải xong tú tài rồi con mới đi tu". Mẹ tôi không nói gì. Năm phút sau, bà đi kiểm cây roi, bảo tôi nằm xuống và

bà cho tôi ăn roi. Còn thân phụ tôi thì không nói gì và gần như đồng tình về quan điểm của tôi, nhưng mẹ tôi thì dứt khoát từ chối quan điểm của tôi. Và mẹ tôi nói rằng: "Lỗi của chú, chứ không phải lỗi của thầy. Lỗi của chú là vì chú xin ôn mụ tôi đi tu và thầy nhận chú là thầy nhận chú tu, chứ không phải nhận chú để cho chú đi học ngoài. Nếu cho chú đi học ngoài thì chú ở nhà để đi học, cần gì vào trong chùa mà đi học. Vào trong chùa là để học đạo, học đạo của Đạo, mà trước hết là học đạo của thầy. Bây giờ chú lại không nghe lời thầy, chú không còn có cái đạo thầy trò, thì làm sao mà chú học đạo thành công". Mẹ tôi nói như vậy, rồi cho tôi một roi đĩnh người. Nhờ một roi đĩnh người đó mà bây giờ còn tôi hôm nay trên con đường tu học, còn tôi hôm nay cho tất cả quý vị Phật tử có duyên với tôi. Và mẹ tôi bảo thân phụ tôi rằng: "Ôn chở chú lên lạy Ôn trên chùa, xin sám hối. Ôn lạy trước, rồi chú lạy sau". Thân phụ tôi chở tôi lên chùa sám hối với Ôn Đảnh Lễ, Ôn hoan hỉ, cười và nói: "Thôi để hấn ở đó, anh về đi". Và tôi tiếp tục con đường tu học, cho đến ngày nay nhờ công lao của cha, công lao của mẹ. Nếu cha mẹ không phải là người tín tâm thâm sâu đối với Tam bảo thì ngày nay tôi cũng không thể có được như thế này.

Và rồi, tôi ở với thầy Bồn sư một thời gian, thầy bị biến cố Mậu Thân. Thầy ra đi, xa và rất xa. Trước Mậu Thân, thầy tôi dạy: "Ngày mừng tám tháng hai, thầy sẽ truyền Sa-di giới cho hai chú, là chú Trí và chú Hạnh". Như vậy là chúng tôi rất trông đến ngày mừng 8 tháng 2 năm 68. Nhưng ngày mừng 8 tháng 2 năm 68 đã không xảy ra đúng như ý muốn của thầy, đúng như lòng mong ước của chúng tôi. Và sau đó tôi phải ở với nghiệp sư là Pháp huynh, đó là Hòa thượng Lương Phương bây giờ. Khi Bồn sư của tôi qua đời, Pháp huynh của chúng tôi là Hòa thượng Lương Phương bây giờ chỉ mới có ba tuổi hạ. Nguyên tắc của luật, ba tuổi hạ thì không được nhận học trò mà phải mười hạ trở lên, phải được Tăng cho phép, bằng pháp Bạch nhị yết-ma. Cho nên, Pháp huynh chúng tôi muốn gửi chúng tôi làm đệ tử của một vị Cao tăng khác ở Huế. Nhưng mà chúng tôi đã thưa: "Chúng con nương vào Pháp để tu tập, cho nên thầy cứ làm thầy của chúng con đi, chúng con nương tựa thầy để tu, để lãnh thọ Giới pháp". Cho nên, Hòa thượng Lương Phương bây giờ hoan hỷ và trở thành bậc nghiệp sư của chúng tôi. Và chúng tôi đã ở với thầy ngót 56 năm. Vui, buồn, thăng, trầm, vinh, nhục, khó khăn, thuận lợi trong cuộc đời tu hành đều có một

cách đầy đủ. Tuy nhiên, nhờ hình ảnh đẹp, hình ảnh cao quý của Hòa thượng Đôn Hậu, cũng như tất cả các bậc Cao đức khác, các bậc Tôn đức khác, tất cả những bậc Thầy khác mà chúng tôi còn đến ngày hôm nay. Và hôm nay là ngày pháp sinh lần thứ 51.

Khi mà chúng tôi thọ giới Tỳ kheo Bồ tát tại Phật học viện Hải Đức Trung Phần năm 1973 do Hòa thượng Trí Thủ làm Đàn chủ, Hòa thượng Phúc Hộ làm Đàn đầu và bấy giờ là Hòa thượng Thích Đức Nhuận làm Chánh chủ khảo, Hòa thượng Thích Đức Tâm làm Phó chánh chủ khảo, Hòa thượng Thích Thiện Hạnh, Hòa thượng Thích Minh Tuệ, Hòa thượng Thích Thiện Bình và thầy Thích Nguyên Hồng, cũng như nhiều vị khác, nằm trong hội đồng giám khảo để chấm bài thi khảo hạch. Có ba kỳ: một kỳ thi vấn đáp, một kỳ tụng luật thuộc lòng và một kỳ thi viết. Qua ba kỳ thi này, chúng tôi đã vượt qua và trúng tuyển trở thành Giới tử chính thức của Đại Giới Đàn Phước Huệ năm 1973 và được Hội đồng Thập sư trao truyền Tỳ kheo Bồ tát giới. Như vậy, trải qua 51 năm, sinh ra trong ngôi nhà Phật pháp, là thành viên chính thức của Tăng đoàn, là thành viên chính thức của Tăng bảo.

Cho nên, làm tất cả những gì có thể làm được của chúng tôi là chỉ niệm ân Tam bảo, niệm ân thầy tổ, niệm ân những vị thầy, những anh em, những thiện hữu tri thức và luôn luôn niệm ân các học trò. Học trò là những thế hệ tiếp nối. Nhờ có học trò thì ngọn đèn Chánh pháp mới được trao truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Hôm nay, quý vị làm lễ pháp sinh cho tôi, cũng trong ý nghĩa là học trò biết ơn thầy, nhưng mà thầy cũng biết ơn học trò. Bởi vì tất cả chúng ta không phải thầy trò hôm nay mà chúng ta đã làm thầy, làm trò; làm trò, làm thầy với nhau từ nhiều đời kiếp về trước rồi. Cho nên, trong buổi tri ân này, có được bao nhiêu phước đức, xin hồi hướng cho tất cả mọi người, muôn loài chúng sinh, kẻ còn người mất, đều được vô biên lợi lạc.

Xin tất cả quý vị chấp tay thành kính đọc bốn lời thề nguyện:

"Chúng sanh không số lượng, thề nguyện đều độ khắp.

Phiền não không cùng tận, thề nguyện đều dứt sạch.

Pháp môn không kể xiết, thề nguyện đều tu học.

Phật đạo không gì hơn, thề nguyện đều viên thành."

HUẤN TỪ CHO HỌC CHÚNG CHÁNH TÂM

Huấn từ Hòa thượng Thích Thái Hòa ban cho

Học chúng Chánh Tâm nhân ngày sinh 19/05/2025 của

Hòa thượng, tại chùa Phước Duyên, Huế

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thầy Vân Pháp, thầy Nhật Huy, thầy Nhật Đạo, thầy Nhật Chơn, thầy Nhật Thành, thầy Nhật Bảo, thầy Nhật Chánh, thầy Thái Tịnh và quý thầy, quý chú có mặt trực tiếp và gián tiếp trong không gian này; cũng như toàn thể các con Chánh Tâm trực tiếp và gián tiếp trong không gian này quý mến!

Tất cả chúng ta có hai ngày sinh, một ngày "bị sinh" và một ngày "nguyện sinh". Ngày bị sinh là ngày mà chúng ta đi vào trong bụng mẹ của mình theo nghiệp lực. Cho nên, chúng ta không hiểu vì sao mà chúng ta phải nằm trong bụng của mẹ mình và mẹ mình cũng không biết vì sao mà lại có người con trai, con gái này đang nằm trong bụng. Người đi tới để sinh và người đang cưu mang để sinh, cả hai người đều chưa từng biết mặt mũi của nhau, nhưng lại có mặt cho nhau. Có mặt cho nhau, không phải là nguyện lực mà có mặt cho nhau theo

ngiệp lực. Nếu nghiệp lực của người đi tới và tiếp nhận tâm thức đi tới ấy để làm mẹ, làm cha mà đã biết từng gieo trồng cội lành và lòng biết ơn vô hạn thì sự đi tới và sự tiếp nhận giữa hai vị kia, đó là ân nghĩa, đó là ân tình. Từ đó mà có người cha dễ thương, người mẹ dễ thương. Từ đó mà có người con trai, con gái dễ thương. Dễ thương trong dòng chảy của nghiệp lực thiện lành. Hoặc đi tới với nhau mà người đi tới và người tiếp nhận từ nơi sự vô ơn, kết thành oán đối, thì làm cha mẹ là để làm khổ đau cho con cái và làm con cái là để làm khổ đau cho cha mẹ. Cho nên, đó là oan nghiệt của thế gian này. Từ nơi thiện nghiệp hữu hạn và từ nơi ác nghiệp vô cùng, khiến cho tất cả mọi người trong thế gian này có mặt giữa đời này, vui thì ít mà buồn thì nhiều. Bởi vì thiện nghiệp thì quá ít ỏi, hữu hạn, mà ác nghiệp của chúng sinh tạo ra thì quá nhiều đời, nhiều kiếp.

Ngày thứ hai là ngày Pháp sinh. Ngày Pháp sinh là ngày sinh ra ở trong Chánh pháp. Đó là ngày mà chúng ta nguyện sinh mà không phải bị sinh. Cho nên, ta nguyện làm con của cha ta, ta nguyện làm con của mẹ ta và ta nguyện làm cha, làm mẹ của con cái ta. Chỉ cần nguyện sinh như vậy thôi và sự

trương quan, duyên cảm như vậy thôi là giờ phút đó ta là hạnh phúc, nếu ta làm cha, nếu ta làm mẹ, nếu ta làm con cái. Cũng vậy, trong gia đình huyết thống, chúng ta biết chuyển hóa tất cả những nghiệp bất thiện từ nơi vô ơn, vô nghĩa, vô tình, vô đạo trở thành ra người có ân, có nghĩa, có tình, có đạo, thì cái không dễ thương trong đời sống sẽ trở thành cái dễ thương, điều bất hạnh trong đời sống sẽ trở thành điều hạnh phúc cao thượng. Trong gia đình tâm linh cũng vậy, có những vị thầy làm khổ học trò, có những người học trò làm khổ thầy. Thầy trò như vậy là bị làm thầy, bị làm trò. Cho nên, ở cương vị nào cũng không có hạnh phúc, ở cương vị nào cũng không có an lạc. Trái lại, chúng ta làm thầy, làm trò trong cái nguyện với nhau, thì thầy đi tới với trò là một niềm hạnh phúc lớn, là một niềm vinh dự lớn; và trò đi tới với thầy, cũng là niềm vinh dự lớn, một niềm hạnh phúc lớn.

Bản thân thầy, đối với gia đình huyết thống sinh ra ngày 19 tháng 5 cách đây hơn 70 năm. Và mỗi khi nhìn lại, quán chiếu thấy sự có mặt của mình trong dòng chảy sinh mệnh của nghiệp lực ấy, may rằng nhờ có chút thiện duyên, cho nên sinh trong một gia đình có truyền thống Phật giáo, cha và mẹ

có đời sống tâm linh cao, anh chị em biết thương quý nhau, biết nhường nhịn nhau. Mỗi khi có sự xích mích, không bằng lòng, nhưng không lời qua, tiếng lại gay gắt, vì ý thức được rằng lời qua, tiếng lại gay gắt, chỉ gây thiệt hại bản thân mình, làm cho cha mẹ đau lòng, làm cho không khí gia đình không yên ổn. Cho nên, gia đình của thầy tương đối dễ thương. Dễ thương vì cha mẹ là người biết đạo, biết sống có ân nghĩa, biết sống có ân tình và anh chị em của thầy lớn lên trong không gian ấy. Và cũng nhờ thiện duyên ấy, thầy bước tới đời sống gia đình tâm linh và được sinh ra trong gia đình Chánh pháp. Bước tới gia đình tâm linh khi mới 13 tuổi và năm nay đã gần ngót 74 tuổi. Hơn 60 năm theo Thầy học đạo và thầy đã được Bổn sư nuôi dạy, các bậc Cao đức tác thành nhiều mặt. Cho nên, ngày 19 tháng 9 Âm lịch, Tây lịch là năm 1973, thầy đã thọ giới Tỳ kheo Bồ tát tại Giới đàn Phước Huệ, Phật Học viện Hải Đức Trung Phần ở Nha Trang. Từ đó đã ngót dài thời gian 50 năm. Năm mươi năm đồng hành với Giới pháp, năm mươi năm đồng hành với sự thanh tịnh đối với các căn, năm mươi năm đồng hành với sự thanh tịnh đối với đời sống chánh mạng và năm mươi năm đồng hành đối với sự thanh tịnh các nghiệp. Đồng hành với Giới luật là

chuyện đương nhiên, nhưng đồng hành với Thầy của mình, với anh em bạn hữu của mình, đồng hành với các Phật tử có tín tâm thanh tịnh đối với Tam bảo, đồng hành đối với những người học trò qua từng thế hệ xuất gia, tại gia. Nhờ sự đồng hành ấy mà thầy đã vượt qua rất nhiều giông bão trong cuộc đời tu tập của mình từ yếu tố chủ quan, đến những tác động khách quan của dòng chảy lịch sử, đất nước, thế giới, con người. Và cũng nhờ sự đồng hành ấy mà tại Phước Duyên đã có nhiều học chúng ra đời cầu tu, cầu học. Và thầy nhớ rằng cách đây gần 40 năm, ở nơi đây thầy dạy kinh Pháp Hoa, Phật tử ngày chủ nhật về học. Các chú công an thường lên làm việc với ngài Viện chủ, nhưng ngài Viện chủ khéo léo trả lời, cho nên các chú công an thông cảm và hiểu được mục đích của Phật Pháp và mục đích việc làm của các vị Tăng sĩ Phật giáo đối với đạo, đối với đời. Từ đó, lớp học Pháp Hoa được duy trì tại chùa Phước Duyên và sau đó các lớp học khác đã được duy trì và tiếp tục phát triển. Cho đến cách đây hơn 15 năm, học chúng Chánh Tâm đã ra đời. Mười lăm năm học chúng Chánh Tâm đã ra đời, trong đó có rất nhiều thế hệ và thế hệ các con hôm nay là thế hệ tiếp nối các bậc đàn anh, đàn chị đi trước, và đang nỗ lực học hành, rèn luyện tâm chí

đầy đủ cả ba mặt đạo đức, trí đức, ân đức. Nhờ đầy đủ ba mặt này, các con mới thực sự là xứng đáng kế thừa dòng chảy Chánh pháp, kế thừa các thế hệ anh chị đi trước và có thể đủ khả năng để đóng góp đời mình vào sự phát triển trong sáng của Đạo pháp, đóng góp vào sự xây dựng một xã hội hoàn hảo trong tinh thần Phật giáo và có thể là những người anh, người chị gương mẫu, cho những thế hệ đàn em tương lai của mình. Cho nên, các con niệm ân ấy mà có lời chúc tụng đến thầy trong dịp lễ Pháp sinh của thầy. Thầy nguyện rằng sẽ sống dễ thương hơn, sẽ sống đạo hạnh hơn, sẽ sống thanh tịnh hơn, để xứng đáng là thầy của các con, và không làm cho các con tủi nhục, khi nghĩ đến vị thầy của mình, không làm cho các con xấu hổ, khi bạn bè của các con khoe họ có những bậc thầy của họ, thì các con cũng có bậc thầy của các con, không thua, nhưng cũng không hơn, và tẻ lắm là cũng ngang tầm; để các con không mang tính mặc cảm tự tôn hay mặc cảm tự ti, trong đời sống của một con người bình thường giữa thế giới đời thường; dù học hành, làm việc vất vả, nhưng mỗi khi nghĩ tới Tam bảo, nghĩ tới các bậc thầy của mình, tự nhiên gánh nặng ở trong thế gian được đặt xuống, và bản thân mình cảm thấy thân tâm nhẹ nhàng, an ổn, mỗi khi nghĩ đến

thầy mình, mỗi khi nghĩ đến chùa và nghĩ đến các bậc Tôn đức. Vì vậy, thầy mong rằng, các con hãy nỗ lực học hành, tu luyện trong những điều kiện của mình đang có thể. Đừng đi quá đà để bị hỏng chân, sa lầy mà cũng đừng nhút nhát đến nỗi mở miệng không ra một lời, bước đi không bước được bước nào đáng kể để nói, đáng kể để ghi lại dấu ấn cho đời.

Hôm nay, ngày Pháp sinh của thầy, thầy xin cảm ơn tất cả những ai đã dự lễ Pháp sinh này và có bao nhiêu công đức xin hồi hướng cho tất cả muôn loài chúng sinh, người còn được vô biên lợi lạc, người đã qua đời trượng thừa công đức kỷ niệm lễ Pháp sinh này của các con Chánh Tâm đều được thấp sáng lên từ nơi thế giới tối tăm sinh tử, mà bước ra ánh sáng từ nơi bóng đêm, để tất cả chúng ta đều được tắm mình trong ánh sáng tuệ giác, từ bi của chư Phật, chư Tổ; tắm mình trong ánh sáng trí tuệ, từ bi của các bậc Thầy tôn kính giữa thế gian này. Cầu nguyện Tam bảo chứng minh cho tâm thành của tất cả các con.

Nam mô Thường Tinh Tấn Bồ tát Ma-ha-tát.

HUẤN TỪ NHÂN NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20/11/2024

Huấn từ Hòa thượng Thích Thái Hòa ban cho

Học chúng Chánh Tâm ngày 20/11/2024, chùa Phước Duyên - Huế

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Các con Chánh Tâm trực tiếp, gián tiếp có mặt ở trong Pháp hội tri ân hôm nay nhân ngày Hiến chương nhà giáo Việt Nam 2024.

Các con biết rằng, tình thầy trò, tình pháp lữ, tình huynh đệ, đó là những chất liệu tình yêu đẹp nhất trong tất các loại tình yêu. Vì sao như vậy? Vì không có tình thầy trò thì không có tình pháp lữ, không có tình thầy trò thì không có tình huynh đệ, cho nên tình huynh đệ, tình pháp lữ có được là có được ở nơi tình thầy trò. Tình cảm ấy không phải bỗng dưng mà có, mà nó có là có ngay ở tâm cầu học, để thăng hoa đời mình ở nơi những người học trò, và nó có là có ngay ở nơi tình chất kham nhẫn, độ lượng và bao dung của bậc thầy đối với học trò. Tấm lòng cầu học của những người học trò để thăng hoa đời mình trong ý nghĩa cao đẹp, cái tình ấy đã đẹp và lại đẹp

hơn nữa, nó lại được gắn chặt với tình thầy và tình thầy đẹp hơn nữa là tình thầy gắn chặt với tình học trò, tạo ra tình thầy trò, một chất liệu tình cảm mà chúng ta không thể mua ở bất cứ siêu thị nào, một chất liệu tình cảm mà chúng ta không thể sản xuất ở công ty bằng cách nào của thế giới đầy khoa học kỹ thuật. Tình cảm ấy, chỉ phát sinh khi có những người học trò tha thiết với học, học để hiểu, học để hành, học để sống, sống đẹp.

Sống đẹp là sống như thế nào? Sống đẹp là sống, để đời sống của mình, từ nơi bóng đêm mà bước ra ánh sáng và để đời sống của mình, từ nơi ánh sáng hữu hạn mà bước tới ánh sáng vô cùng. Đó là cách tìm câu học hỏi của những người học trò thông minh và thông minh một cách tuyệt vời. Và vì tâm cầu học như thế, cho nên mới có những bậc thầy tận tụy, hết lòng trong việc giáo dục, giáo dục người học trò mà không cần bất cứ một điều kiện nào từ nơi người học trò, miễn người học trò đó cầu học, biết cách học, biết cách yêu chuộng và phát triển sở học của mình.

Cách đây hơn sáu mươi năm, thầy đã đến chùa Phước Duyên cầu xuất gia học đạo với cố Trưởng lão Hòa thượng khai sơn

thượng Đảnh hạ Lễ. Bài học đầu tiên mà vị thầy dạy cho thầy, đó là bài học quét sân chùa, và thầy dạy rằng, quét sân chùa mỗi buổi sáng, thực tập hết lòng trong việc quét sân chùa thì tâm mình cũng sạch và sân chùa càng sạch. Khi quét thì không nên quét ngược gió. Bởi vì khi quét sân chùa hay quét nhà mà quét ngược gió thì sân chùa không sạch, nhà mình không sạch mà bụi lại rơi vào ở nơi mình. Cho nên, thầy dạy quét sân chùa thì phải nương theo chiều gió mà quét, thì chùa, nhà, sân mới sạch, mà mình cũng không bị vướng nào nơi cái bụi do mình quét ra từ sân chùa. Bài học ấy đã gắn liền với đời thầy hơn sáu mươi năm. Cho nên, mỗi khi cầm cái chổi quét chùa là hình ảnh của thầy năm xưa hiện ra, mặc dù thầy đã đi xa gần sáu mươi năm.

Thầy kể câu chuyện này để các con thấy rằng, cuộc đời chúng ta có rất nhiều bậc thầy. Thầy cô ở đời dạy cho chúng ta chữ nghĩa, kiến thức của đời, để các con sống theo cách của người đời, nhưng mà không bị thấp kém như những người đời không may mắn được cắp sách đến trường, được gặp thầy cô dạy dỗ. Và khi các con lớn lên, có chút hiểu biết căn bản, các con đã bắt đầu lựa chọn và lựa chọn cho mình một đời sống

tâm linh, một giá trị tinh thần để thăng hoa kiến thức mà mình đã học được từ nơi ngôi trường quê, nơi ngôi trường thành phố, nơi ngôi trường đại học. Nhờ tha thiết và thăng hoa những kiến thức ấy mà các con lại có duyên gặp được ngôi chùa Phước Duyên này, gặp được chư Tăng ở đây, gặp được chư Tăng ở bất cứ chỗ nào mà các con đi tới, các con đều có một tấm lòng thân cận để cầu học và lắng nghe Chánh pháp từ các bậc thầy. Thầy cũng vậy, xuất thân từ nơi ngôi chùa Phước Duyên này, nhưng thầy đã cầu học ở rất nhiều bậc thầy tôn quý và các bậc thầy cũng đã dạy cho thầy những điều hay ý đẹp. Mỗi khi nghĩ đến các bậc thầy, đôi khi nước mắt của thầy cũng tự tuôn trào ra, không làm chủ được cảm xúc của mình, bởi vì tất cả các bậc thầy tôn kính, bây giờ đã đi xa, rất xa, nhưng mà lời căn dặn của các bậc thầy ấy vẫn còn đọng lại ở trong tâm thức của thầy và mỗi khi nhìn lại thì cứ như là ngày hôm qua vậy. Cách đây hơn bốn mươi năm, khi thầy học ở Sài Gòn tại Phật học viện Quảng Hương Già Lam, Viện nghiên cứu Phật học Vạn Hạnh, ngoài giờ học chung với các Tăng sinh, anh em, thầy còn dành thì giờ để gặp các bậc Tôn đức để tham vấn những điều cần tham vấn mà không thể tham vấn giữa đại chúng. Cho nên, mình

phải biết cách học, mình phải biết cách hỏi, mình phải biết cách gạn lọc khi học, gạn lọc khi hỏi. Nhờ vậy mà ngày hôm nay, thầy đã có mặt cho các con, nhất là học chúng Chánh Tâm đã trải qua mười sáu tuổi trăng tròn. Và thầy hi vọng rằng, thế hệ Chánh Tâm trước, lại trao truyền những kinh nghiệm học hỏi cho những thế hệ Chánh Tâm tiếp theo, cứ như thế mà hết thế hệ Chánh Tâm này, đến thế hệ Chánh Tâm khác, chúng ta tiếp nối những gì tốt đẹp ngay từ nơi tâm bắt đầu của Chánh Tâm. Chánh Tâm là Tâm chân chính, Chánh Tâm là tâm chân thực, Chánh Tâm là tâm không thiên lệch. Phải giữ lấy cái nguyên sơ của Chánh Tâm như vậy, thì Chánh Tâm không bị biến thiên và không bị biến chất trong mọi hành động và ứng xử của mình, trước bất cứ làn sóng văn minh nào của thời đại, bởi vì thời đại nào cũng cần chánh tâm và từ nơi chánh tâm mà thiết lập nền văn minh, không có chánh tâm thì không đời nào có văn minh. Cho nên, các con phải cố gắng giữ gìn Chánh Tâm như là một nền tảng để tôi luyện bản thân mình; đóng góp sự tốt đẹp của mình vào cái tốt đẹp của gia đình mình; đóng góp sự tốt đẹp của mình vào xã hội, đóng góp sự tốt đẹp của mình vào để xây dựng quê hương, đất nước; góp phần sự có mặt của mình, cho một

thế giới loài người trân quý.

Hôm nay, nhân lời bộc bạch của các con đã nói lên được những gì các con đã được học, đã được hành và đã được thể hiện. Thầy thay mặt quý thầy có mặt, cũng như không có mặt ở đây, có lời tán dương lòng tri ân của tất cả các con đối với những bậc thầy ngoài đời cũng như trong Đạo và quan trọng hơn hết là bậc thầy đầu đời của các con, khi các con mở mắt chào đời, đó là cha, là mẹ của các con, vì cha mẹ là bậc thầy đầu đời của tất cả các con. Các con nói bằng ngôn ngữ nào thì chính bậc thầy đầu tiên của các con là cha mẹ đã dìu dắt các con nói bằng ngôn ngữ từ trái tim và dìu các con đi bằng tất cả những gì mà yêu thương, trân quý nhất. Cho nên, qua các con, thầy thay mặt Chư tôn đức, gửi lời cảm ơn và tri ân cha mẹ các con đã có các con cho xã hội này và cho cuộc đời này.

Cầu nguyện Tam bảo chứng minh gia hộ cha mẹ các con, cũng như các con, bạn bè của các con và nhất là các thành viên của học chúng Chánh Tâm vô lượng an lành.

Nam mô A Di Đà Phật.

HUẤN TỪ CHO ĐẠO TRÀNG HOA NGHIÊM

Huấn từ Hòa thượng Thích Thái Hòa

ban cho Đạo tràng Hoa Nghiêm

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Sau đây, tôi có vài lời chia sẻ đến với quý vị có duyên hôm nay.

Nghe đạo tràng Hoa Nghiêm, sao mà gần gũi với chúng tôi một cách lạ kỳ. Chính bản thân chúng tôi, chính bản thân Thượng tọa Chân Tuệ, Thượng tọa Trí Thuần, Ni sư Tịnh Quán, Tịnh Lưu, cũng như tất cả tu sĩ nào bước vào chỗ hành điệu từ buổi sơ khai đã được Thầy tổ dạy bài kệ của kinh Hoa Nghiêm:

"Nhược nhân dục liễu tri

Tam thế nhất thiết Phật

Ứng quán pháp giới tính

Nhất thiết duy tâm tạo".

Nghĩa là: "Nếu ai muốn biết, chư Phật ba đời thì hãy quán

chiều thật tánh của pháp giới. Tất cả đều được tác động bởi tâm". Bài kệ ấy đã đi theo chúng tôi suốt đời và không phải suốt đời mà đời đời. Và những ai thực tập bài kệ đó thì không phải làm con Phật một đời, mà làm con Phật đời đời. Làm con Phật để làm gì? Làm con Phật, để thực tập trí tuệ của Phật, để thực tập hạnh nguyện của Phật, để thực tập đời sống từ bi của Phật, làm đẹp những gì cho thế gian này cần phải làm đẹp, đúng như đức Phật đến với thế giới này. Cho nên, chúng ta làm con Phật là một vinh dự lớn, mà chúng tôi khi mới xuất gia vào chùa, Thầy tổ đã dạy cho chúng tôi như thế; và có lẽ quý vị khi đến chùa học đạo, Thầy tổ cũng dạy cho quý vị như thế. Bởi vì chúng ta có những chất liệu đồng cảm như thế, cho nên mỗi khi nhìn thấy nhau là nước mắt chảy. Sự cảm động tuôn ra, mặc dù có khi mình chưa gặp nhau một lần nào. Nhưng chỉ nghe tên của nhau thôi, chỉ nghe cái pháp học, pháp hành của nhau thôi, mà sự rung động, sự cảm xúc không thể nghĩ bàn. Điều ấy, chúng tôi chứng tỏ rằng, chúng ta đã có thiện duyên nhiều đời ở trong Phật Pháp.

Đời này, chúng ta làm được thân người, lại có tín tâm với Tam bảo, lại được thọ trì Giới pháp, và quan trọng hơn nữa,

là được làm con Phật; không phải con Phật một đời mà con Phật đời đời, và con Phật đời đời như kinh Hoa Nghiêm dạy. Để làm chi? Để phụng sự chúng sinh, cúng dường Chư Phật. Cho nên, ở đâu mà có người phụng sự chúng sinh là ở đó có những con người cúng dường chư Phật. Và cúng dường chư Phật bằng cách phụng sự chúng sinh; để cho tất cả chúng sinh hiểu được Phật mà nguyện bỏ ác làm lành. Vì chúng sinh không hiểu Phật, không thấy Phật, cho nên không khởi lên được cái nguyện bỏ ác làm lành. Vì không khởi lên cái nguyện bỏ ác làm lành, cho nên cha quên con, con quên cha; mẹ quên con, con quên mẹ; thầy quên trò, trò quên thầy; anh chị em quên nhau. Vì quên nhau, cho nên nói những lời không dễ thương với nhau. Còn nếu chúng ta không quên nhau, chúng ta nguyện bỏ ác làm lành, thì những gì dễ thương nhất, chúng ta sẽ hiến tặng cho nhau; ta chỉ nói cho nhau những lời tốt đẹp mà không nói những lời không tốt đẹp cho nhau; ta chỉ làm cho nhau những gì tốt đẹp, và những gì không tốt đẹp, chúng ta không làm cho nhau; ta nghĩ những gì tốt đẹp cho nhau, còn những gì thấp kém, chúng ta không nghĩ cho nhau. Ta phụng sự chúng sinh là mong cho chúng sinh có những điều như thế, để chính bản thân chúng sinh có

hạnh phúc, gia đình huyết thống của chúng sinh có hạnh phúc, và quê hương huyết thống của chúng sinh có hạnh phúc. Khi bản thân của mỗi chúng sinh có hạnh phúc, thì ở nơi đó có đạo Phật đích thực; ở nơi mỗi gia đình huyết thống của chúng sinh có hạnh phúc, thì ở nơi mỗi gia đình có đạo Phật đích thực; nơi quê hương huyết thống của chúng sinh có hạnh phúc là nơi quê hương đó có đạo Phật đích thực. Cho nên, đạo Phật đích thực có mặt ở đâu, thì sự hạnh phúc an lạc có mặt ở đó; mà đạo Phật đích thực không có mặt ở đâu, thì địa ngục có mặt ở đó, thế giới đói nghèo, ngạ quỷ có mặt ở đó, thế giới ngu dốt, bản năng, thú tính của các chủng loại súc sinh có mặt ở đó. Và đạo Phật đích thực có mặt ở đâu, thì ở nơi đó, con người thiếu nhân cách trở thành con người nhân cách hoàn hảo; từ nơi một thế giới kém phước báo, trở thành thế giới đầy đủ phước báo của thế giới con người, để tiến lên thế giới của bậc Thánh, thế giới của Bồ tát và chư Phật.

Cho nên, chúng ta phụng sự chúng sinh, không phải chỉ cho chúng sinh cơm ăn, áo mặc, nhà cửa, mà còn cho chúng sinh sự hiểu biết về trí tuệ và từ bi. Nhờ chất liệu đó mà họ sống

ở đâu, cũng nguyện bỏ ác làm lành, sống ở đâu cũng nguyện giữ gìn tâm trí của mình cho được trong sáng, thanh tịnh. Cho nên, kinh Hoa Nghiêm đã dạy: "Phụng sự chúng sinh là cúng dường chư Phật".

CÁC TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN...

- 1/ Tay Buông Ráng Hồng, NXB Thời Đại, 2011
- 2/ Thanh Thoi Mọi Nẻo Đường Về, NXB Hồng Đức, 2012
- 3/ Nhân Duyên Học, NXB Văn Hóa Văn Nghệ, 2013
- 4/ Miên Điện Mặt Trời Lên, NXB Phương Đông, 2013
- 5/ Đi Vào Bản Nguyên Tĩnh Độ, NXB Văn Hóa Văn Nghệ, 2013
- 6/ Kinh Kim Cang Tam Muội- NXB Hồng Đức, 2013
- 7/ Trường Ca Cho Em (Thơ), NXB Văn Hóa Văn Nghệ, 2014
- 8/ Tiếng Vọng Hải Triều, NXB Hồng Đức, 2014
- 9/ Như Dấu Chim Bay, NXB Văn Hóa Văn Nghệ, 2014
- 10/ Phật Học Ứng Dụng, NXB Văn Hóa Văn Nghệ, 2014
- 11/ Giác Mơ Tây Tạng, NXB Phương Đông, 2014
- 12/ Nguồn Sáng Vô Tận, NXB Hồng Đức, 2014

13/ Sương Động Ven Trời (Thơ), NXB Văn Hóa Văn Nghệ, 2015

14/ Yêu Chỉ Tu Tập Và Hành Đạo, NXB Phương Đông, 2015

15/ Trong Con Mắt Thiền Quán, NXB Văn Hóa Văn Nghệ, 2015

16/ Trong Con Mắt Thiền Quán, NXB Hồng Đức, 2015 (tái bản)

17/ Khung Trời Vàng, NXB Văn Hóa Văn Nghệ, 2015

18/ Kim Cang Bát Nhã - Giới Thiệu - Dịch - Chú Giải, NXB Hồng Đức, 2016

19/ Kim Cang Bát Nhã Trong Dòng Lịch Sử, NXB Hồng Đức, 2016

20/ Lời Ru Chạm Mặt Trời, NXB Hồng Đức, 2016

21/ Gió Đùa Reo Nắng Mới, NXB Hồng Đức, 2016

22/ Joyful Wind In New Sunlight, NXB Hồng Đức, 2016

23/ Lời Pháp Tinh Lòng Mê, NXB Hồng Đức, 2016

24/ Tình Như Cánh Hạc, NXB Hồng Đức, 2017

25/ Đường Mây (Thơ), NXB Văn Hóa Văn Nghệ, 2017

26/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Đức Phật, NXB Hồng Đức, 2017

27/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Chánh Pháp, NXB Hồng Đức, 2017

28/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Tăng, NXB Hồng Đức, 2017

29/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Thánh Giới, NXB Hồng Đức, 2017

30/ A-Hàm Tuyên Chú (Giới thiệu, Dịch, Chú giải) NXB Hồng Đức, 2017

31/ Ứng Dụng Tứ Tất Đàn, NXB Hồng Đức, 2017

32/ Tay Buông Ráng Hồng, Tiếng Anh (Letting Go)- NXB Hồng Đức, 2017

33/ Nói Với Cõi Người Ta, NXB Hồng Đức, 2017

34/ Pháp Hoa Tinh Yếu, NXB Hồng Đức, 2017

35/ Phổ Môn Chú Giảng- NXB Hồng Đức, 2018

36/ Hương Giữa Gió Ngàn, NXB Hồng Đức, 2018

37/ Mở Lớn Con Đường, NXB Hồng Đức, 2018

38/ Giọt Nắng Ngàn Khơi, NXB Văn Hóa Văn Nghệ, 2018

39/ Mây Trắng Hối Đường Qua, NXB Hồng Đức 2018

40/ Tình Phơi Trên Đá Trắng, NXB Hồng Đức, 2018

41/ Đôi Mắt Tình Xanh Biếc, NXB Văn Hóa Văn Nghệ, 2018

42/ Tư Tưởng Duy Ma Cật Từ Một Góc Nhìn, NXB Hồng Đức, 2018

43/ Thanh Thơi Giữa Đôi Dòng, NXB Hồng Đức, 2018

44/ Hướng Đi Của Chúng Ta, NXB Hồng Đức, 2019

45/ Mây Gió Thong Dong, NXB Văn Hóa Văn Nghệ, 2019

46/ Bát Nhã Tâm Kinh Chú Giải, NXB Hồng Đức, 2019

47/ Hoa Nở Trong Vòng Tục Lụy, NXB Hồng Đức, 2019

48/ Xuân Và Thi Ca, NXB Hồng Đức, 2019

49/ Thi kệ Và Đại Nguyên Tịnh Độ, NXB Hồng Đức, 2019

50/ Chuyện Tâm Cầm Trong Con Mắt Thiền, NXB Văn Hóa Văn Nghệ, 2019

51/ Tư Tưởng Thắng Man Sư Tử Hống Từ Góc Nhìn Như Lai Tạng, NXB Hồng Đức, 2019.

52/ Niệm Phật Trong Thiền Quán, NXB Hồng Đức, 2020

53/ Con Đường Thực Nghiệm Tâm Linh, NXB Hồng Đức, 2020

54/ Lời Pháp Tiễn Đưa Người, NXB Hồng Đức, 2020

55/ Bước Chân Trên Mọi Nẻo Đường (Thơ), NXB Tổng Hợp TPHCM, 2021

56/ Phật thuyết A-di-đà Kinh, Giới Thiệu, Dịch, Chú Giải, NXB Hồng Đức, 2021

57/ Chung một niềm vui, NXB Hồng Đức, 2021

58/ Một Thời Làm Điệu, NXB Hồng Đức, 2022

59/ Những Viên Ngọc Quý, NXB Hồng Đức, 2022

60/ Tu Tập Tĩnh Giới Và Pháp Môn Tịnh Độ, NXB Hồng Đức, 2022

61/ Đi Vào Pháp Giới Hoa Nghiêm, NXB Hồng Đức, 2022

62/ Ngọn Nền Vu Lan, NXB Hồng Đức, 2023

63/ Phật Giáo Và Những Không Gian, NXB Hồng Đức, 2023

64/ Mùa Xuân Của Chúng Ta- NXB Hồng Đức, 2024

65/ Kinh Chuyển Pháp Luân, NXB Thuận Hóa, 2024

66/ Bồ Tát Diệu Âm Và Con Đường Hành Động, NXB Hồng Đức, 2025

67/ Tứ Thánh Đế Từ Những Góc Nhìn, NXB Thuận Hóa, 2025

68/ Pháp Sám Hối Và Nuôi Lớn Căn Lành, NXB Hồng Đức, 2025

Phiên tả: Nhuận Pháp Nguyên, Nhật Bảo, Nhuận Tuệ,
Thân Hòa, Quảng Hoa, Nhuận Bảo Nguyên

Vi tính: Học Chúng Chánh Tâm

Chính tả: Lan Anh, Tâm Dung

Bìa: Nghiêm Minh

Công ấn: Nhuận Pháp Nguyên

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi - Phường Cửa Nam - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.3 9260024

PHƯƠNG TRỜI THANH TỊNH

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc PHẠM THỊ MAI
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: Lưu Xuân Lý

Phiên tả: Nhuận Pháp Nguyên, Nhật Bảo, Nhuận Tuệ,
Thân Hòa, Quảng Hoa, Nhuận Bảo Nguyên
Vi tính: Học Chúng Chánh Tâm
Chính tả: Lan Anh, Tâm Dung
Bìa: Nghiêm Minh
Công ấn: Nhuận Pháp Nguyên

Đối tác liên kết: TRẦN THỊ PHƯỢNG LIÊN

In 1.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm.

Tại Xí nghiệp in, văn phòng phẩm, bao bì FAHASA.

Lô B26/II-B27/II Đường số 5 Khu công nghiệp Vĩnh Lộc,
P. Bình Tân, TP HCM.

Số XNĐKXB: 2568-2025/CXBIPH/10-92/HĐ ngày 09-7-2025.

Số QĐXB của NXB: 131/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 17-7-2025.

Mã số Quốc Tế: ISBN: 978-604-482-656-1.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2025